

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN HÀ VY

**GIAO TIẾP TRONG GIA ĐÌNH ĐÔ THỊ
DƯỚI ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỆN THOẠI THÔNG MINH
(SMARTPHONE)**

**(Nghiên cứu tại Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một,
tỉnh Bình Dương)**

Chuyên ngành: Xã hội học

Mã số : 60310301

LUẬN VĂN THẠC SĨ XÃ HỘI HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
GS.TS. TRỊNH DUY LUÂN

HÀ NỘI, năm 2016

LỜI CẢM ƠN

Trước hết tôi xin chân thành cảm ơn quý thầy cô Học viện Khoa học Xã hội, đặc biệt là những người thầy cô đã tận tình giảng dạy, hướng dẫn cho tôi trong suốt thời gian học tập, nghiên cứu tại học viện.

Tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến thầy GS.TS. Trịnh Duy Luân đã dành rất nhiều thời gian và tâm huyết hướng dẫn nghiên cứu và giúp tôi hoàn thành luận văn tốt nghiệp này.

Tôi xin cảm ơn Ủy ban nhân dân phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một đã tạo điều kiện cho tiếp xúc với người dân ở đây để điều tra khảo sát và sử dụng dữ liệu để viết luận văn.

Nhân đây, tôi xin cảm ơn đến gia đình, bạn bè, những người đã giúp đỡ và bên cạnh tôi suốt thời gian qua, để tôi hoàn thành tốt luận văn này.

Mặc dù tôi đã cố gắng để hoàn thiện luận văn bằng cả sự nhiệt tình và năng lực. Tuy nhiên không thể tránh khỏi thiếu sót. Rất mong được sự đóng góp quý báu của quý thầy cô. Xin chân thành cảm ơn

Học viên thực hiện

Nguyễn Hà Vy

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn “Giao tiếp trong gia đình đô thị dưới ảnh hưởng của điện thoại thông minh (Smartphone)” – Nghiên cứu trường hợp tại phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương hoàn toàn do tôi thực hiện. Các trích dẫn và số liệu được sử dụng trong luận văn được dẫn nguồn chính xác trong phạm vi nghiên cứu và hiểu biết của tôi.

Hà Nội, tháng 7 năm 2016

Tác giả luận văn

Nguyễn Hà Vy

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN

LỜI CAM ĐOAN

MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

DANH MỤC BẢNG BIỂU

PHẦN MỞ ĐẦU

1.	Tính cấp thiết của đề tài	1
2.	Tình hình nghiên cứu đề tài	2
3.	Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	6
4.	Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	6
5.	Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	7
6.	Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn	8
7.	Cơ cấu của luận văn.....	9

PHẦN NỘI DUNG

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN..... 10

1.1. Cơ sở lý luận

1.2. Cơ sở thực tiễn..... 15

Chương 2: THỰC TRẠNG GIAO TIẾP TRONG GIA ĐÌNH ĐÔ THỊ HIỆN NAY 17

2.1. Thời gian và cách thức giao tiếp giữa cha mẹ và con cái

2.2. Mức độ và cách thức giao tiếp giữa cha mẹ và con cái có nội dung giáo dục

2.3. Mức độ và cách thức giao tiếp giữa cha mẹ và con cái về tình cảm..... 27

2.4. Mức độ và cách thức giao tiếp giữa cha mẹ và con cái về lĩnh vực nghỉ ngơi, giải trí..... 34

Chương 3: THỰC TRẠNG SỬ DỤNG VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỆN THOẠI THÔNG MINH ĐẾN GIAO TIẾP TRONG GIA ĐÌNH ĐÔ THỊ

3.1. Thực trạng sử dụng điện thoại thông minh trong gia đình

đô thị..... 44

3.2. Ảnh hưởng của điện thoại thông minh tới giao tiếp trong

gia đình đô thị hiện nay 50

Chương 4: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ 75

TÀI LIỆU THAM KHẢO 79

PHỤ LỤC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Viết tắt	Diễn giải
1.	ĐTMM	Điện thoại thông minh
2.	CM-CC	Cha mẹ và con cái

DANH MỤC BẢNG BIỂU

	Tên bảng biểu	Trang
1.1.	Trình độ học vấn của học sinh	14
1.2.	Giới tính của học sinh	14
1.3.	Nghề nghiệp của phụ huynh	15
1.4.	Trình độ học vấn của phụ huynh	15
1.5.	Số hộ dân trong từng khu phố của phường Phú Lợi	16
2.1	Thời gian CM-CC thường giao tiếp trực tiếp	18
2.2	Cách thức CM-CC giao tiếp thông qua ĐTTM	18
2.3	Các cách thức giao tiếp giữa CM-CC thông qua ĐTTM phân theo giới tính và nhóm tuổi	19
2.4	Mức độ giao tiếp trực tiếp giữa CM-CC trong quá trình học tập	20
2.5	Cách thức giao tiếp giữa CM-CC thông qua ĐTTM trong quá trình học tập phân theo giới tính và nhóm tuổi	20
2.6	Mức độ giao tiếp trực tiếp giữa CM-CC về kết quả học tập	21
2.7	Cách thức giao tiếp giữa CM-CC thông qua ĐTTM về kết quả học tập phân theo giới tính và nhóm tuổi	22
2.8	Mức độ giao tiếp trực tiếp giữa CM-CC về vấn đề tình dục, giới tính	23
2.9	Cách thức giao tiếp giữa CM-CC thông qua ĐTTM về vấn đề tình dục, giới tính phân theo giới tính và nhóm tuổi	23
2.10	Mức độ giao tiếp trực tiếp giữa CM-CC về định hướng nghề nghiệp	24
2.11	Cách thức giao tiếp giữa CM-CC thông qua ĐTTM về định hướng nghề nghiệp phân theo giới tính và nhóm tuổi	25
2.12	Tổng hợp mức độ giao tiếp trực tiếp giữa CM-CC về các nội dung giáo dục (%)	26
2.13	Tổng hợp cách thức giao tiếp giữa CM-CC thông qua ĐTTM về các nội dung giáo dục (%)	26
2.14	Mức độ giao tiếp trực tiếp giữa CM-CC trong chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống phân theo giới tính và nhóm tuổi	28
2.15	Cách thức giao tiếp giữa CM-CC thông qua ĐTTM trong chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống phân theo giới tính và nhóm tuổi	29
2.16	Mức độ giao tiếp trực tiếp giữa CM-CC trong chia sẻ những niềm vui trong cuộc sống	29
2.17	Cách thức giao tiếp giữa CM-CC thông qua ĐTTM trong chia sẻ những niềm vui trong cuộc sống phân theo giới tính và nhóm tuổi	31

2.18	Mức độ giao tiếp trực tiếp giữa CM-CC trong việc hỗ trợ lẫn nhau khi gặp khó khăn	31
2.19	Cách thức giao tiếp giữa CM-CC thông qua ĐTTM để hỗ trợ nhau khi gặp khó khăn phân theo giới tính và nhóm tuổi	33
2.20	Tổng hợp mức độ giao tiếp trực tiếp giữa CM-CC về tình cảm (%)	33
2.21	Tổng hợp cách thức giao tiếp giữa CM-CC thông qua ĐTTM về tình cảm(%)	34
2.22	Mức độ giao tiếp trực tiếp giữa CM-CC để chia sẻ sở thích	35
2.23	Cách thức giao tiếp giữa CM-CC thông qua ĐTTM để chia sẻ sở thích phân theo giới tính và nhóm tuổi	35
2.24	Mức độ giao tiếp trực tiếp giữa CM-CC để thảo luận về địa điểm giải trí chung	37
2.25	Cách thức giao tiếp giữa CM-CC thông qua ĐTTM để thảo luận về địa điểm giải trí chung phân theo giới tính và nhóm tuổi	38
2.26	Mức độ giao tiếp trực tiếp giữa CM-CC để thảo luận về thời gian giải trí chung	39
2.27	Cách thức giao tiếp giữa CM-CC thông qua ĐTTM để thảo luận về thời gian giải trí chung phân theo giới tính và nhóm tuổi	39
2.28	Mức độ giao tiếp trực tiếp giữa CM-CC để thảo luận về cách thức giải trí chung	40
2.29	Cách thức giao tiếp giữa CM-CC thông qua ĐTTM để thảo luận về cách thức giải trí chung phân theo giới tính và nhóm tuổi	40
2.30	Tổng hợp mức độ giao tiếp trực tiếp giữa CM-CC về nghỉ ngơi, giải trí (%)	42
2.31	Tổng hợp cách thức giao tiếp giữa CM-CC thông qua ĐTTM về nghỉ ngơi, giải trí(%)	42
3.1	Tổng thời gian sử dụng ĐTTM trong ngày	45
3.2	Thời gian sử dụng ĐTTM trung bình một ngày phân theo giới tính và nhóm tuổi	45
3.3	Các ứng dụng của ĐTTM được sử dụng nhiều nhất	46
3.4	Các ứng dụng của ĐTTM thường được dùng (so sánh nam và nữ)	46
3.5	Các ứng dụng của ĐTTM thường được dùng (so sánh phụ huynh và học sinh)	48
3.6	Mục đích sử dụng ĐTTM phân theo giới tính và nhóm tuổi	49
3.7	Thời gian thường sử dụng ĐTTM nhất phân theo giới tính và nhóm tuổi	50
3.8	Mức độ ảnh hưởng của ĐTTM đến giao tiếp giữa CM-CC trong	51

	quá trình học tập	
3.9	Mức độ ảnh hưởng của ĐTTM đến giao tiếp giữa CM-CC về kết quả học tập	52
3.10	Mức độ ảnh hưởng của ĐTTM đến giao tiếp giữa CM-CC về tình dục, giới tính	52
3.11	Mức độ ảnh hưởng của ĐTTM đến giao tiếp giữa CM-CC về định hướng nghề nghiệp	53
3.12	Tổng hợp mức độ ảnh hưởng của ĐTTM tới giao tiếp của CM-CC có nội dung giáo dục	53
3.13	Mức độ ảnh hưởng của ĐTTM tới giao tiếp CM-CC khi chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống	55
3.14	Mức độ ảnh hưởng của ĐTTM đến giao tiếp giữa CM-CC khi chia sẻ những niềm vui trong cuộc sống	56
3.15	Ảnh hưởng của ĐTTM đến giao tiếp giữa CM-CC khi hỗ trợ lẫn nhau lúc gặp khó khăn trong cuộc sống	57
3.16	Tổng hợp mức độ ảnh hưởng của ĐTTM đến giao tiếp của CM-CC về tình cảm	58
3.17	Ảnh hưởng của ĐTTM đến giao tiếp giữa CM-CC khi chia sẻ sở thích	59
3.18	Ảnh hưởng của ĐTTM đến giao tiếp giữa CM-CC khi thảo luận về địa điểm giải trí chung	60
3.19	Ảnh hưởng của ĐTTM đến giao tiếp giữa CM-CC khi thảo luận về thời gian giải trí chung	61
3.20	Ảnh hưởng của ĐTTM đến giao tiếp giữa CM-CC khi thảo luận về cách thức giải trí chung	62
3.21	Tổng hợp mức độ ảnh hưởng của ĐTTM đến giao tiếp của CM-CC về nghỉ ngơi, giải trí	63
3.22	Các mặt ảnh hưởng tích cực của ĐTTM đến giao tiếp trong gia đình đô thị	64
3.23	Các mặt ảnh hưởng tiêu cực của ĐTTM đến giao tiếp trong gia đình đô thị	64
3.24	Các mặt ảnh hưởng tiêu cực của ĐTTM tới giao tiếp của gia đình đô thị phân theo nhóm tuổi và giới tính	69
3.25	Sự lo ngại về các ảnh hưởng tiêu cực của ĐTTM	71
3.26	Các vấn đề lo ngại về ảnh hưởng tiêu cực của việc sử dụng ĐTTM	72
3.27	So sánh các lo ngại về ảnh hưởng tiêu cực của việc sử dụng ĐTTM giữa phụ huynh và học sinh	73

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ở khu vực đô thị nước ta trong thời kỳ Đổi mới và hội nhập hiện nay, người dân rất dễ dàng tiếp cận những trào lưu văn hoá mới, những lối sống mở cùng với việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ hay sản phẩm mới hiện đại. Một trong số đó phải kể đến sự phổ biến rất nhanh và mạnh mẽ của loại hình ĐTTM (smartphone). Nó không chỉ được dùng để nghe – nói, nhắn tin mà còn tích hợp nhiều chức năng khác như chụp hình, nghe nhạc, báo thức, lịch làm việc, truy cập internet và các mạng xã hội... Với một thiết bị nhiều tiện ích như vậy, nó đã được các nhóm dân cư đón nhận, đặc biệt là những người dân thành thị. ĐTTM là một trong những vật không thể thiếu đối với dân cư thành thị hiện nay, trong tất cả các hoạt động của mình: làm việc, giải trí, giao tiếp, tra cứu,...

Đối với các gia đình, nơi người ta thường gọi là “tổ ấm”, là nơi để người ta trở về sau thời gian làm việc bên ngoài, để nghỉ ngơi và xum họp với những người thân yêu: cha mẹ, vợ/chồng, con cái, cùng nhau trò chuyện và trao đổi những việc xảy ra trong ngày với nhau. Ngày nay, với điện thoại di động trên tay, mỗi người đều có thể làm việc, giải trí với game và tham gia mạng xã hội tại nhà. Song việc này cũng đang hình thành những thói quen mới, làm giảm đi các giao tiếp trực tiếp giữa những thành viên trong gia đình hoặc tạo nên những cách thức giao tiếp mới.

Martine Segalen đã viết rằng “Liên quan đến các cặp vợ chồng, chiếc điện thoại, một công cụ trao đổi thông tin, có thể là một kẻ gây chia rẽ: nó ném một trong hai vợ chồng ra khỏi vòng tròn hôn nhân, nó làm rối loạn cái có thể là thời gian tụ họp gia đình trước máy thu hình chẳng hạn” [38]

Vấn đề đặt ra là như vậy những gia đình đô thị có những ứng xử, thói quen nào khi sử dụng ĐTTM trong sinh hoạt, giao tiếp, làm việc cũng như vui chơi? Sự hiện hữu của ĐTTM trong các gia đình đô thị có những tác động tiêu cực hay có những tác động tích cực nào? Môi quan hệ của vợ chồng, CM-CC có phải bị “rối loạn” như Martine Segalen đã nói hay không? Giao tiếp là để trao đổi thông tin và những người trong một gia đình càng có nhiều thông tin về nhau thì càng gắn kết

với nhau hơn, nhưng khi có một yếu tố chen vào, là chiếc điện thoại thông tin, có thể làm tăng hoặc giảm chất lượng giao tiếp của những người trong cùng một gia đình thì mối quan hệ này sẽ ra sao?

Đó là lý do mà tác giả chọn nghiên cứu đề tài “***Giao tiếp trong gia đình đô thị dưới ảnh hưởng của điện thoại thông minh***”. Đề tài nhằm trả lời những câu hỏi xung quanh vấn đề về hiện trạng dùng ĐTTM trong gia đình và chỉ ra được những ưu điểm và hạn chế của sự hiện hữu chiếc ĐTTM trong gia đình đô thị hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

2.1. Tình hình nghiên cứu trên thế giới:

Trên thế giới đã có nhiều công trình nghiên cứu về ĐTTM (smartphone), nghiên cứu từ thói quen mua sắm tới các ảnh hưởng của nó tới sức khỏe của con người và các mối quan hệ của con người. Bởi vì ĐTTM nhỏ gọn, có thể kết nối với internet, rất tiện dụng cho người dùng.

Theo cuộc khảo sát 1.600 người của giáo sư Leslie Perlow, trường kinh doanh Harvard về thói quen kiểm tra điện thoại thì 70% người phải kiểm tra điện thoại trong một giờ sau khi thức dậy, 56% người kiểm tra điện thoại trong vòng một giờ trước khi đi ngủ, 51% người kiểm tra điện thoại liên tục trong suốt kỳ nghỉ, 48% người kiểm tra điện thoại và những ngày cuối tuần và 44% người cảm thấy rất lo lắng nếu bị mất điện thoại mà không thể mua điện thoại trong vòng một tuần [42].

Denis. F. Berg (Đại học bang California, Mỹ) cho biết: Số lượt người tìm kiếm và sử dụng các dịch vụ miễn phí trên thuộc mạng xã hội toàn cầu Google là khoảng 27,7 tỉ lượt/ tháng (thống kê năm 2006)[37], và con số này cũng không ngừng tăng cao. Trong nghiên cứu của Thomas Valente, Đại học Southern California, khi khảo sát 1.563 thanh thiếu niên trong độ tuổi từ 15-19 về mạng lưới bạn bè trên internet, cho biết họ sử dụng Internet phục vụ cho học tập chiếm 30,7%, sử dụng các ứng dụng xã hội chiếm 40,9%, 17,2% dành cho tiêu khiển, giải trí trên mạng và 11,2% sử dụng cho các hoạt động nghiên cứu khác [5].

Từ quan điểm xã hội học, Martine Segalen [38] tập hợp được các kết quả nghiên cứu giao tiếp giữa CM-CC ở khu vực Tây Âu thông qua điện thoại di động.

Con cái khi được sở hữu điện thoại di động thì đã được giải phóng khỏi sự kiểm soát của cha mẹ, nhưng lại có thể liên hệ được tại mọi thời điểm. Khi xuất hiện internet, trẻ em lại có thêm trợ thủ để trợ giúp cho việc kết nối với bạn bè, chơi game hoặc tìm kiếm thông tin cho việc học hành, đến lúc này chúng được gọi là nhóm trẻ em “tự do có giám sát”, chúng vẫn ngồi nhà trong sự giám sát của cha mẹ nhưng thực sự internet và điện thoại di động đã làm vỡ tung bốn bức tường hiện hữu, chúng “đi ra ngoài” theo lối riêng của chúng. Nghiên cứu tập trung vào sự thay đổi kiểm soát của cha mẹ đối với con cái khi có sự xuất hiện của điện thoại di động và internet, chưa nghiên cứu về các cách thức giao tiếp thông qua những công nghệ này, ngoài ra cũng chưa nói đến việc cha mẹ có dùng các thiết bị này hay không, dường như chỉ tập trung vào con cái. Tác giả sẽ tập trung từ mấu chốt này, từ cách con người muốn thể hiện cái tôi, cái riêng tư mà lý giải vì sao ĐTTM lại được ưa dùng và ảnh hưởng đến việc giao tiếp giữa những người trong gia đình như thế nào.

Từ quan điểm y học, các nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng ĐTTM có thể tác động đến trạng thái cân bằng của não bộ dẫn tới tâm lý dễ cáu gắt hay cảm thấy cô đơn, sử dụng điện thoại di động quá nhiều sẽ gây ra chứng mất ngủ, đau môi cổ, ngón tay, ảnh hưởng thính giác, thị giác và dễ nhiễm bệnh do các vi khuẩn trên thiết bị [35]. Tuy nhiên tác giả chưa tìm thấy có nghiên cứu nào về mối liên hệ giảm sức khoẻ do ĐTTM gây ra với chất lượng giao tiếp của những người trong gia đình. Có thể chính tình trạng suy giảm về thể chất sẽ làm người ta cảm thấy không còn sức cho các cuộc giao tiếp dài hơi.

Điện thoại di động cũng gây ra bệnh não mạng, người mắc bệnh này trở nên ngày càng say mê bản thân [narcissism], không tập trung tư tưởng được lâu và thường có tâm trạng sợ bị bỏ lỡ [Fear of missing out - FOMO]. Họ thường chơi trò đánh bạc trên mạng, sử dụng các mạng xã hội, mạng game và các ứng dụng trò chơi. Tỷ lệ mắc bệnh não mạng ở người dùng smartphone cao gấp ba lần người không dùng [13] Bệnh não mạng có ảnh hưởng lớn nhất đối với mức độ căng thẳng công việc-sinh hoạt, ý nói công việc của một người có ảnh hưởng ra sao đối với đời

sống gia đình của người đó, thí dụ chứng hay nói dối. Mức độ căng thẳng công việc-sinh hoạt ở những người mắc bệnh não mạng cao gấp ba lần người thường.

Một số công trình nghiên cứu chỉ ra rằng những nam giới thường post ảnh selfies lên Facebook, Twitter và Instagram dường như càng trở nên tự yêu mình, dễ xúc động hoặc có các đặc trưng tính cách như thiếu thông cảm với người khác [1]

Từ người lớn đến trẻ nhỏ, ai cũng có thể dùng smartphone và chịu sức ảnh hưởng của smartphone. Smartphone làm cho trẻ nhỏ, nhất là những trẻ tiếp cận smartphone quá sớm (dưới 2 tuổi) dễ bị tự kỷ, giảm thị lực và có vấn đề về khả năng tập trung [23] làm cho thanh thiếu niên giảm thời gian giao tiếp cũng như chất lượng giao tiếp, chúng tìm tới thế giới riêng mà quên đi sự có mặt của người bên cạnh, phớt lờ những câu nói của người xung quanh và như thế làm ảnh hưởng đến các mối quan hệ [20]

Các nhà nghiên cứu cũng đã chỉ ra rằng việc sử dụng smartphone quá nhiều làm ảnh hưởng đến đời sống chẵn gối của các cặp vợ chồng, họ quan tâm tới việc trả lời tin nhắn hay các cuộc gọi điện hơn là đời sống tình dục và dần dần họ không còn thấy hứng thú với việc sinh hoạt vợ chồng nữa [16]

Nghiên cứu của Varoth Chotpitayasunondh và giáo Karen Douglas tại Trung tâm tâm lý học của ĐH Kent vừa hoàn thành năm 2016, có 3 nguyên nhân liên quan tới việc nghiện smartphone, gồm nghiện internet, sợ bỏ lỡ thông tin và thiếu tự chủ. Không chỉ vậy, nghiên cứu còn chỉ ra hệ lụy của việc nghiện smartphone chính là sự lạnh nhạt với những người xung quanh, bao gồm cả người thân, bạn bè.. Họ đã thực hiện cuộc khảo sát trên 251 ứng viên có độ tuổi từ 18 đến 66. Kết quả cho thấy, những người nghiện điện thoại thường có hành vi “phubbing” đối với người khác. “Phubbing” là một thuật ngữ được ghép từ “phone” (điện thoại) và “snub” (lạnh nhạt). Nó chỉ tới việc con người trở nên lạnh nhạt với mọi người xung quanh, mà nguyên nhân chính là chiếc điện thoại thông minh. [22]

2.2. Tình hình nghiên cứu trong nước:

Đã có rất nhiều nghiên cứu về ảnh hưởng của facebook đến lối sống của thanh thiếu niên. Thanh thiếu niên là đối tượng luôn luôn sẵn sàng tiếp nhận cái mới

và thích thể hiện cái tôi của mình. Facebook là nơi trao đổi thông tin, hình ảnh và đăng tải những trạng thái của người dùng một cách dễ dàng, người xem cũng có thể dễ dàng bình luận những ý kiến của mình đến những điều được đăng tải đó. Đây là môi trường thuận lợi cho thanh thiếu niên thể hiện những điều mình mong muốn mà không lo sợ ai khác đánh giá. Các nghiên cứu cũng chỉ ra những tác động tích cực và tiêu cực của trang mạng xã hội đối với thanh thiếu niên là ngoài tác động tích cực như có thông tin nhanh chóng, dễ dàng trao đổi việc học hành, tâm sự, giải trí, ... Facebook cũng có tác hại rất lớn, nó được coi như một thứ gây nghiện mà người dùng phải thường xuyên truy cập, mất rất nhiều thời gian chỉ cho việc like, comment, hay đơn giản là xem những người khác đang làm gì, nghĩ gì. Điều này làm giảm sự tập trung trong việc học hành. Với đề tài của tác giả, đây cũng là một trong những kết quả có thể dùng lý giải cho việc do quá tập trung vào mạng xã hội mà chất lượng giao tiếp bị suy giảm, hoặc cũng có thể là khi các thành viên trong gia đình cùng sử dụng facebook thì họ có thể chia sẻ những điều mà giao tiếp trực tiếp không thể có. [11][14][17][27][41].

Khi nghiên cứu về internet, các nhà nghiên cứu cũng đưa ra được kết quả tương tự như nhóm tác giả nghiên cứu về ảnh hưởng của facebook, tức là nó cũng có những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực đến đời sống của người dùng.

Về lối sống ở đô thị, dưới tác động của công nghiệp hoá, hiện đại hoá, người dân đô thị, với năng suất làm việc cao, trình độ dân trí cao, dễ dàng tiếp thu những cái mới hơn so với người dân ở nông thôn đã xuất hiện những giá trị mới, cá nhân được tôn trọng hơn, bình đẳng nam nữ được quan tâm, quy mô gia đình thu nhỏ mà năng suất lao động cao, thu nhập tốt dễ dàng thúc đẩy nhu cầu của con người cao hơn,... Khi các mối quan hệ trong gia đình như ông bà, cha mẹ, con cái, vợ chồng, anh chị em dần dần giảm đi, quan hệ cấu trúc trở nên lỏng lẻo [3] Tác giả có thể tập trung điềm này khi để lý giải cho những chiều cạnh tích cực và tiêu cực trong giao tiếp của những thành viên trong gia đình đô thị.

Trong gia đình hiện đại, hay gia đình đô thị, có sự biến đổi về chức năng tâm lý, tình cảm do sự chuyển đổi từ đơn vị kinh tế sang đơn vị tình cảm. Song, việc

thực hiện chức năng thoả mãn nhu cầu tâm lý – tình cảm của gia đình cũng đứng trước nhiều khó khăn. Những khác biệt về quan điểm và lối sống giữa CM-CC tạo nên những áp lực tinh thần rất lớn cho các thế hệ cùng sống chung dưới một mái nhà. Mâu thuẫn về quan điểm, lối sống chiếm tỷ lệ cao nhất trong các nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa CM-CC, trong khi tỷ lệ mâu thuẫn trong các vấn đề khác thấp hơn như học tập, vui chơi, tình bạn, tình yêu, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm [34]

Người ta đã nói đến một “lối sống” mới, gọi là lối sống “cúi mặt vào màn hình”, nghĩa là hai người ngồi đối diện nhau nhưng không nói chuyện với nhau mà chỉ chăm chăm vào màn hình điện thoại của mình. Đây là một lối sống gây ra hiểm họa cho hôn nhân, các cặp vợ chồng dần xa nhau lúc nào không hay. Thế giới ảo làm cho vợ/chồng không còn biết quan tâm tới đối phương, không còn biết nhận diện đâu là đời sống hiện thực, đâu là đời sống ảo. [31]

Quan hệ CM-CC cũng trở nên lỏng lẻo hơn, con cái khi đã được phép sở hữu riêng một chiếc smartphone thì chúng dành thời gian cho nó hơn là quan tâm tới việc phải trao đổi thông tin với cha mẹ. Chúng còn coi đó là thế giới riêng tư, cha mẹ không có quyền xâm phạm. Và khi chúng chỉ cắm cúi vào điện thoại thì kết quả học tập có thể bị ảnh hưởng xấu [20].

Có thể thấy, smartphone có tác động khá là tiêu cực đến đời sống của gia đình. Tác giả sẽ xem xét ở trong phạm vi nghiên cứu của đề tài này thì tác động của smartphone có chiều hướng tích cực nào không.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Nhận diện việc sử dụng ĐTTM và ảnh hưởng của nó tới hoạt động giao tiếp trong các gia đình đô thị hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu: Giao tiếp trong gia đình đô thị dưới ảnh hưởng của việc sử dụng ĐTTM.

4.2. Khách thể nghiên cứu: Các gia đình khu vực đô thị có sử dụng ĐTTM tại Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

4.3. Phạm vi nghiên cứu:

Giao tiếp trong gia đình bao gồm giao tiếp theo chiều dọc, tức là giao tiếp giữa các thế hệ với nhau (ông bà, cha mẹ với con cháu) và giao tiếp theo chiều ngang (vợ - chồng, anh chị em). Trong đề tài này, tác giả chỉ tập trung nghiên cứu các gia đình hai thế hệ (gia đình hạt nhân [4, tr.31]) bao gồm CM-CC chưa hôn (11 - 18 tuổi). Bởi lẽ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá thì mô hình gia đình này rất phổ biến ở khu vực đô thị; Lứa tuổi 11-18 là nhóm tuổi đang học trung học cơ sở và trung học phổ thông. Nhân cách đang được hoàn thiện và đang cố gắng khẳng định cái tôi, tìm kiếm hình mẫu lý tưởng để noi theo; Với khái niệm “giao tiếp trong gia đình”, đề tài sẽ tập trung vào loại hình giao tiếp giữa CM-CC.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Đề tài sử dụng các phương pháp luận và hướng tiếp cận của xã hội học. Các lý thuyết được áp dụng phù hợp cho từng nội dung nghiên cứu. Bên cạnh đó hướng tiếp cận tổng quát cũng mang lại cái nhìn khách quan cho vấn đề nghiên cứu.

5.2. Phương pháp nghiên cứu:

5.2.1 Phương pháp phân tích những tài liệu có sẵn: giúp tìm hiểu các vấn đề đang quan tâm, nghiên cứu. Từ đó xây dựng nên tổng quan các vấn đề có liên quan đến những ảnh hưởng của ĐTTM đến giao tiếp trong gia đình đô thị. Với phương pháp này, đề tài chủ yếu đi tìm các kết quả và kết luận của các tác giả trước đây về các vấn đề liên quan, từ đó có những hiểu biết sơ bộ về việc sử dụng ĐTTM cũng như những ảnh hưởng của nó.

5.2.2. Phương pháp thu thập dữ liệu định tính:

Phỏng vấn sâu một số học sinh và phụ huynh nhằm tìm hiểu thêm về thói quen sử dụng ĐTTM và suy nghĩ về những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của ĐTTM tới giao tiếp trong gia đình. Việc phỏng vấn sâu phân tìm hiểu một số ý kiến khách quan cho đề tài nghiên cứu. Đề tài đã tiến hành phỏng vấn sâu 05 học sinh và 10 phụ huynh để tìm hiểu các ý kiến, các bình luận của họ về những vấn đề của đề tài nghiên cứu.

5.2.3. Phương pháp thu thập dữ liệu định lượng:

Phương pháp thu thập dữ liệu định lượng thông qua phỏng vấn bằng bảng hỏi. Bảng câu hỏi được xây dựng xung quanh các vấn đề: Thực trạng sử dụng ĐTTM, thực trạng giao tiếp trong gia đình đô thị và những ảnh hưởng của ĐTTM đến giao tiếp trong gia đình đô thị. Đề tài đã tiến hành phỏng vấn 182 phụ huynh và học sinh.

Cách chọn mẫu

Ban đầu, dựa trên tổng số hộ dân của địa bàn nghiên cứu (Phường Phú Lợi), tác giả dự định chọn mẫu ngẫu nhiên, nhưng do trong quá trình khảo sát, nhiều hộ không đáp ứng được yêu cầu của đề tài với các tiêu chí là:

- Gia đình có người sử dụng ĐTTM;
- Con cái thuộc độ tuổi 11-18 (học sinh cấp 2 hoặc cấp 3)

Nên tác giả đã chọn mẫu theo chủ đích, phỏng vấn bằng bảng hỏi đối với 61 phụ huynh là nữ, 61 phụ huynh là nam và 60 học sinh (trong đó có 30 học cấp 2 và 30 học sinh cấp 3).

6. Ý nghĩa lý luận và ý nghĩa thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận:

Lối sống, một trong những chủ đề mà hiện nay các nhà nghiên cứu đang rất quan tâm. Dưới tác động của công nghiệp hoá, hiện đại hoá, kinh tế xã hội biến đổi, các giá trị mới xuất hiện, con người lựa chọn những giá trị phù hợp với mình và hiện thực hoá chúng trong cuộc sống hàng ngày với nhiều phương thức khác nhau, tạo nên những lối sống khác nhau [19,Tr. 275).

Trong phạm vi của đề tài này, tác giả tập trung nghiên cứu về giao tiếp của gia đình đô thị nhằm góp một mảnh ghép vào bức tranh nghiên cứu lối sống của con người đô thị dưới ảnh hưởng của các phương tiện truyền thông số hiện đại ngày nay.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn:

Gia đình là tế bào của xã hội, tất cả những sự biến đổi trong gia đình đều có ảnh hưởng đến cấu trúc chung của xã hội. Sự phát triển của xã hội là dựa trên nền tảng của sự phát triển gia đình. Trong mỗi gia đình, lối sống được truyền tải từ thế

hệ này sang thế hệ khác, các thông tin được truyền tải và sự gắn kết của các thành viên trong gia đình đều thông qua giao tiếp. Sự giao tiếp thành công hay không phụ thuộc vào cách thức giao tiếp. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ mang đến cái nhìn bao quát về cách thức giao tiếp của gia đình đô thị hiện nay và những biến đổi trong hoạt động giao tiếp dưới tác động của ĐTTM như là kết quả của tiến bộ khoa học kỹ thuật trong hoạt động truyền thông và giao tiếp hiện đại.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài các Phần mở đầu, Phần Kết luận và Khuyến nghị, nội dung luận văn gồm có 3 chương:

- **Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn:** Phần này tổng quan tình hình nghiên cứu ở trong nước và ngoài nước về thực trạng sử dụng ĐTTM và những ảnh hưởng của nó; phân tích các lý thuyết áp dụng; các khái niệm liên quan đến đề tài nghiên cứu, cùng mô hình khung phân tích, câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu.

- **Chương 2: Thực trạng giao tiếp trong gia đình đô thị hiện nay:** Phân tích thực trạng giao tiếp giữa CM-CC trong gia đình đô thị hiện nay về các nội dung giáo dục, tình cảm và nghi ngại, giải trí. Xem xét mức độ và những cách thức giao tiếp.

- **Chương 3: Thực trạng sử dụng và ảnh hưởng của ĐTTM đến giao tiếp của gia đình đô thị:** Phân tích thời gian sử dụng, các ứng dụng thường dùng và mục đích sử dụng ĐTTM; phân tích ảnh hưởng của ĐTTM đến giao tiếp giữa CM-CC khi trao đổi về nội dung giáo dục, chia sẻ tình cảm và thảo luận về việc nghi ngại, giải trí chung.

PHẦN NỘI DUNG

Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

1.1. Cơ sở lý luận:

Luận văn sử dụng các lý thuyết xã hội học gia đình, lý thuyết về truyền thông (quyết định luận kỹ thuật) và lý thuyết lối sống đô thị như là cơ sở lý luận trong phân tích nội dung nghiên cứu về giao tiếp trong gia đình đô thị dưới ảnh hưởng của ĐTTM (smartphone) bao gồm việc phân tích thực trạng giao tiếp trong gia đình đô thị hiện nay, thực trạng sử dụng ĐTTM và ảnh hưởng của ĐTTM tới giao tiếp trong gia đình đô thị.

- Lý thuyết Xã hội học gia đình

Gia đình hiện đại chỉ còn lại hai chức năng là chức năng sinh con đẻ cái để nối dõi và chức năng gắn bó với nhau về tình cảm trong số 7 chức năng của thời kỳ tiền công nghiệp (nhà xã hội Mỹ William F. Ogburn (1938)). Chức năng gắn bó với nhau về tình cảm là đảm bảo sự cân bằng tâm lý, thoả mãn nhu cầu tình cảm cho các thành viên gia đình, giúp thành viên gia đình luôn có sự cân bằng về tâm lý, tình cảm, nhằm củng cố độ bền vững của hôn nhân và gia đình, sự ổn định của xã hội [32, tr.39].

Đề tài xem xét mức độ thoả mãn tình cảm của các thành viên trong gia đình đô thị hiện nay. Đặc biệt là khi có sự xuất hiện của ĐTTM thì chức năng này được thực hiện như thế nào.

- Lý thuyết về truyền thông

Lý thuyết quyết định luận kỹ thuật: Kỹ thuật là sự nối dài của các giác quan và hệ thống thần kinh của con người, vì thế những thay đổi về kỹ thuật có thể dẫn tới những cách thức tri giác và nhận thức mới (McLuhan) [26, tr.271].

Trong phạm vi đề tài, ĐTTM chính là phương tiện hữu hiệu “nối dài các giác quan” cho các thành viên trong gia đình (CM-CC) để có thể trao đổi với nhau khi không thể gặp mặt trực tiếp. Những chia sẻ thông qua internet cũng làm cho các thành viên trong gia đình có thể thay đổi cách tiếp nhận thông tin so với giao tiếp trực tiếp.

- Lý thuyết Lối sống Đô thị

Đô thị như một lối sống (Louis Wirth): Các khuôn mẫu của văn hoá và cấu trúc xã hội, đặc trưng của các đô thị là khác căn bản với văn hoá của các cộng đồng nông thôn. Trong khi nông thôn còn thường xuyên hỏi thăm nhau, làng xóm xem nhau như họ hàng thì ở đô thị người dân sống tách biệt kiểu “đèn nhà ai nấy sáng”. Người dân đô thị dễ dàng tiếp cận cái mới và tạo ra những phương thức sản xuất cũng như nếp sống mới mà ở nông thôn chưa từng có [19, tr.129]. Một trong những cái mới mà người dân đô thị tiếp nhận chính là sử dụng smartphone và xem nó như vật “bất khả ly thân” để hỗ trợ người sở hữu trong công việc, học tập cũng như giải trí và giao tiếp với bạn bè, người thân.

1.1.1. Các khái niệm then chốt

- *Giao tiếp*: hay còn gọi là truyền thông, là quá trình truyền đạt, tiếp nhận và trao đổi thông tin nhằm thiết lập các mối liên hệ giữa con người với con người. Một trong những các phân loại giao tiếp là giao tiếp trực tiếp và giao tiếp gián tiếp (qua trung gian người khác hoặc qua một phương tiện kỹ thuật nào đó)[26, tr.2]. Trong phạm vi đề tài, khi nói đến giao tiếp gián tiếp nghĩa là giao tiếp thông qua ĐTTM.

- Gia đình đô thị:

Gia đình: là một hình thức tổ chức đời sống cộng đồng của con người, một thiết chế văn hóa – xã hội đặc thù, được hình thành, tồn tại và phát triển trên cơ sở của quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng và giáo dục ... giữa các thành viên.

Đô thị: là điểm dân cư có tối thiểu 40.000 người trở lên, trong đó ít nhất ít nhất 60% dân cư không làm nông nghiệp.

Gia đình đô thị trong phạm vi đề tài bao gồm các thành viên là cha mẹ, con cái sống ở khu vực đô thị

- *ĐTTM*: hay tiếng Anh gọi là Smartphone, một thiết bị kết hợp giữa điện thoại di động và các tính năng của một thiết bị hỗ trợ cá nhân kỹ thuật số (PDA). Tức là với một chiếc điện thoại bạn vừa có thể nghe, gọi, nhắn tin

đồng thời bạn có thể truy cập mạng, gửi e-mail, chỉnh sửa các tài liệu office, chơi game, ...

1.1.2. Câu hỏi nghiên cứu:

1. Thực trạng giao tiếp giữa cha mẹ - con cái trong gia đình đô thị hiện nay là như thế nào? (loại hình, cường độ và tính chất của giao tiếp)

2. Thực trạng sử dụng ĐTTM trong gia đình đô thị hiện nay là gì? (mức độ sử dụng, cường độ và tính chất)

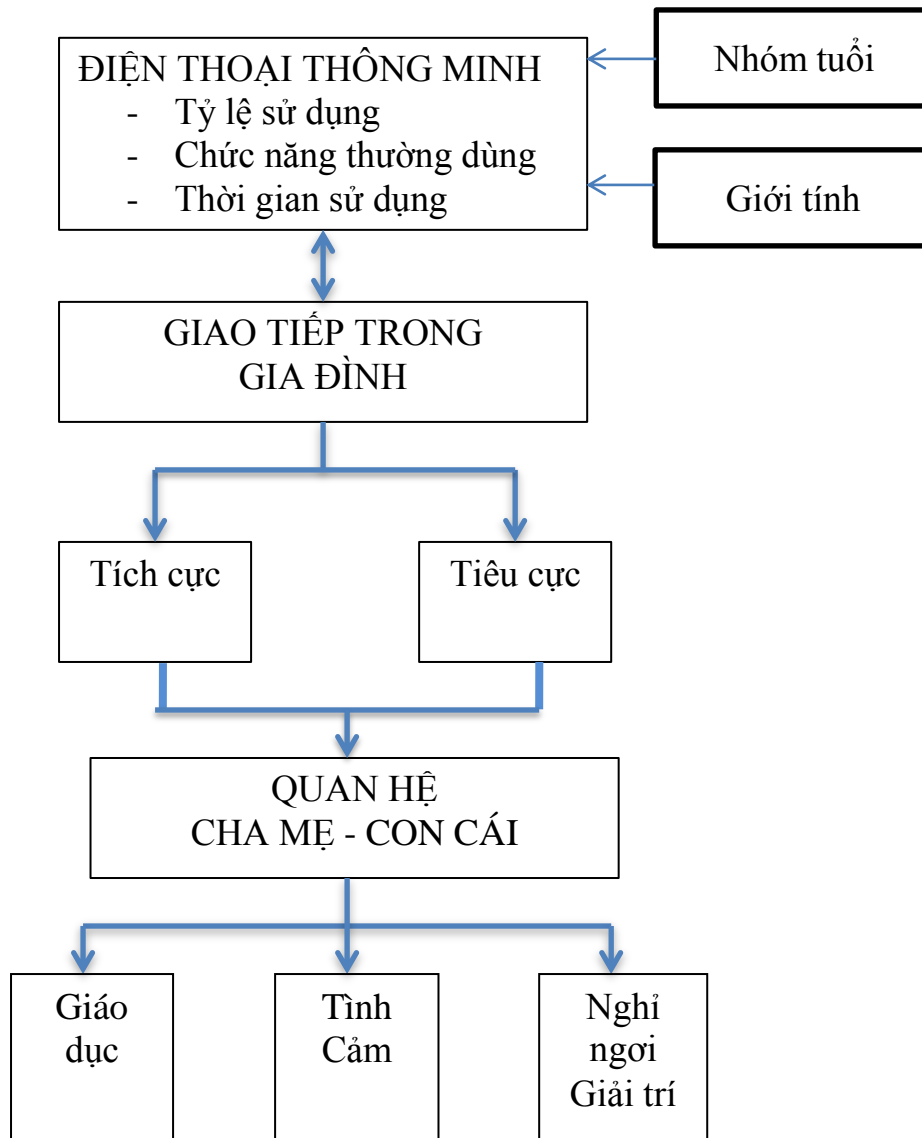
3. Có những ảnh hưởng nào (tích cực và tiêu cực) từ việc sử dụng ĐTTM tới hoạt động giao tiếp trong gia đình đô thị hiện nay?

1.1.3. Giả thuyết nghiên cứu:

- Mỗi quan hệ giữa CM-CC dưới ảnh hưởng của việc sử dụng ĐTTM bao gồm cả 2 mặt tích cực và tiêu cực; ảnh hưởng tích cực nhiều hơn.

- Giao tiếp giữa CM-CC ngày càng ít trực tiếp hơn do sử dụng ĐTTM. Hình thức giao tiếp gián tiếp thông qua ĐTTM chiếm thời gian lớn trong giao tiếp giữa CM-CC.

1.1.4. Khung phân tích:



1.1.5. Đặc điểm mẫu nghiên cứu

Việc nghiên cứu lựa chọn và phân bổ số lượng khách thể là học sinh và phụ huynh. Cuộc khảo sát được thực hiện với dung lượng mẫu là 182.

Giới tính là một trong những biến quan trọng mà đề tài quan tâm để phân tích. Tuy nhiên, vì chọn mẫu theo chủ đích nên không thể chọn 30 học sinh nam và 30 học sinh nữ mà chỉ chọn được 30 học sinh THCS (tỷ lệ 50%) và 30 học sinh THPT (tỷ lệ 50%), kết quả thì có 18 học sinh nam (tỷ lệ 30%) và 42 học sinh nữ (tỷ lệ 70%) tham gia trả lời câu hỏi phỏng vấn.

Bảng 1.1: Trình độ học vấn của học sinh

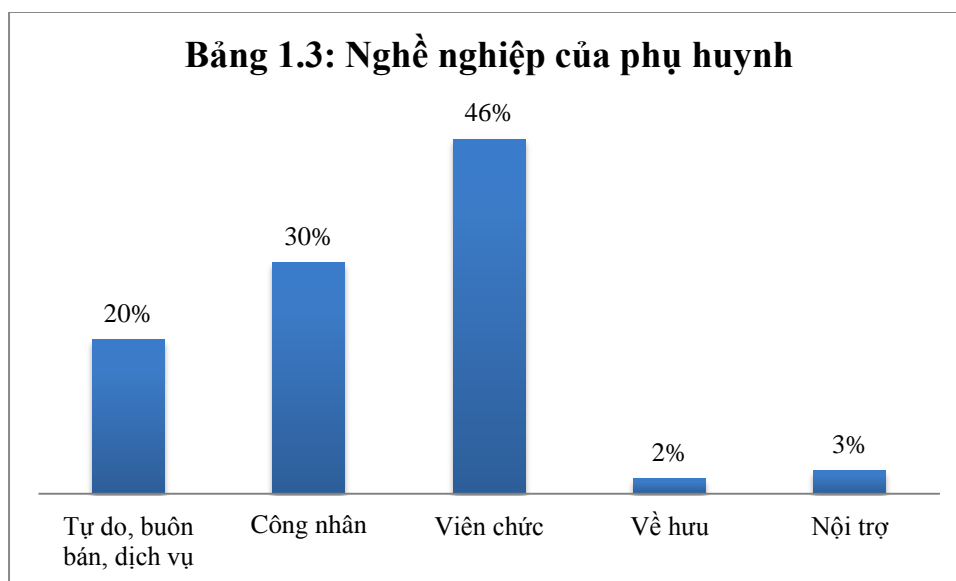
Học vấn	N	%
THSC	30	50
THPT	30	50
Tổng	60	100

Bảng 1.2: Giới tính của học sinh

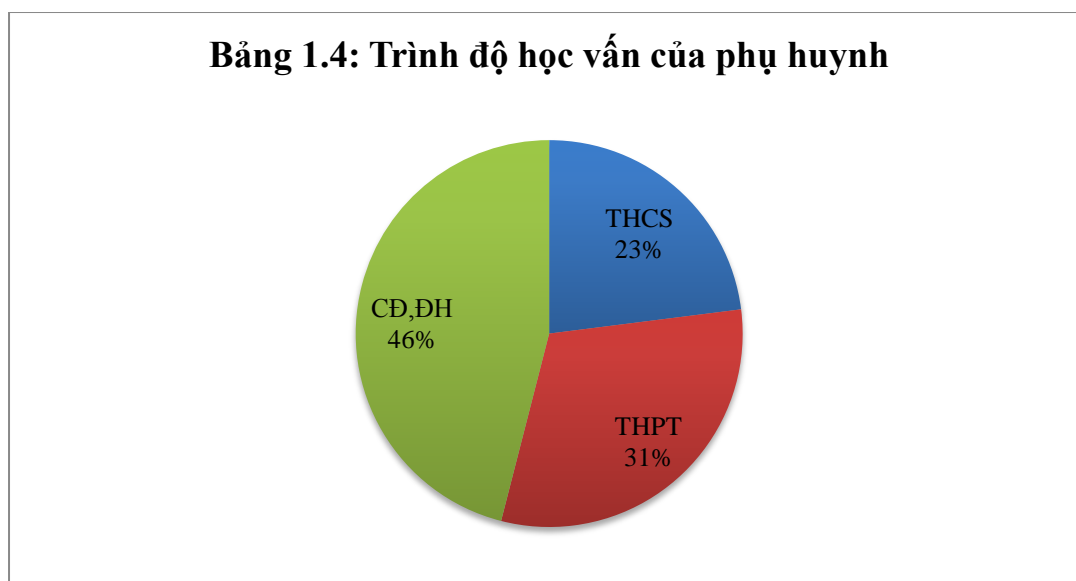
Giới tính	N	%
Nam	18	30
Nữ	42	70
Tổng	60	100

Tổng số mẫu cha mẹ học sinh tham gia trả lời phỏng vấn là 122 người. Trong đó có 61 là nữ (tỷ lệ 50%), 61 là nam (tỷ lệ 50%).

Về nghề nghiệp thì có 46% phụ huynh làm cán bộ - viên chức, 30% phụ huynh làm công nhân, 20% phụ huynh là nghề tự do, kinh doanh, dịch vụ, 3% làm nội trợ, 2% phụ huynh đã về hưu.



Về trình độ học vấn thì có 46% phụ huynh đạt trình độ cao đẳng, đại học, 31% phụ huynh có trình độ THPT và 23% phụ huynh có trình độ THCS.



1.2. Cơ sở thực tiễn

1.2.1. Đặc điểm địa bàn nghiên cứu: Thành phố Thủ Dầu Một là thành phố trực thuộc tỉnh Bình Dương, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có vị trí tương đối thuận lợi cho việc giao lưu với các huyện, thị trong tỉnh và cả nước qua quốc lộ 13, cách Thành phố Hồ Chí Minh 30km.

Ngày 2 tháng 5 năm 2012, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 11/NQ-CP thành lập thành phố Thủ Dầu Một thuộc tỉnh Bình Dương, trên cơ sở toàn bộ diện

tích tự nhiên, dân số và các đơn vị hành chính trực thuộc của thị xã Thủ Dầu Một đồng thời chính thức hoạt động vào ngày 1 tháng 7 năm 2012. Hiện Thủ Dầu Một đang là đô thị loại II. Theo quy hoạch, đến năm 2020, Thủ Dầu Một sẽ là đô thị loại 1 thuộc thành phố Bình Dương.

Thành phố có diện tích tự nhiên 118,67 km² và 271.165 người (thống kê năm 2014). Thành phố không có các xã ngoại thành mà tất cả 14 phường: Chánh Mỹ, Chánh Nghĩa, Định Hòa, Hiệp An, Hiệp Thành, Hòa Phú, Phú Cường, Phú Hòa, Phú Lợi, Phú Mỹ, Phú Tân, Phú Thọ, Tân An, Tương Bình Hiệp.

Phú Lợi là phường trung tâm của Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, có 09 khu phố, 89 tổ, 7.161 hộ (Số liệu đến ngày 01/10/2015), mang những đặc trưng của thành phố Thủ Dầu Một về văn hóa – kinh tế - xã hội tiêu biểu của Thủ Dầu Một nên tác giả đã chọn địa bàn này để nghiên cứu trong phạm vi một luận văn.

Bảng 1.5: Số hộ dân trong từng khu phố của phường Phú Lợi

Stt	Khu phố	Số hộ	Stt	Khu phố	Số hộ
1	1	359	6	6	907
2	2	1,285	7	7	1,327
3	3	1,681	8	8	422
4	4	685	9	9	479
5	5	826	Tổng cộng		4,836



Vị trí của phường Phú Lợi trong thành phố Thủ Dầu Một

Chương 2:

THỰC TRẠNG GIAO TIẾP TRONG GIA ĐÌNH ĐÔ THỊ HIỆN NAY

Trong các gia đình đô thị, quan hệ giữa các thành viên gia đình mang nhiều đặc trưng theo từng nhóm tuổi trong những điều kiện sống ở đô thị. Trong giao tiếp giữa CM-CC, theo chu trình sống của gia đình, nhóm tuổi vị thành niên, “tuổi teen” hay nhóm tuổi 12-18 có những đặc điểm tâm sinh lý đặc thù. Đây là độ tuổi mà bước đầu hình thành hình thành nhân cách với những giá trị, chuẩn mực được thiết lập trong mối quan hệ với những người xung quanh, trước hết là những người trong gia đình. Ở giai đoạn này, gia đình giúp đỡ và cung cấp cho các em những kinh nghiệm xã hội quan trọng trong quan hệ và ứng xử với những người xung quanh, đồng viên, thông cảm, nâng đỡ các em khi thất bại, nản chí [25].

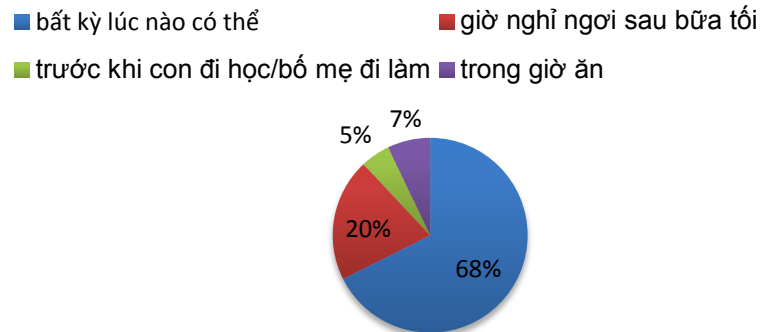
Trong chương này sẽ xem xét thực trạng giao tiếp, các hình thức và mức độ giao tiếp trong gia đình đô thị, giữa CM-CC về những nội dung liên quan đến các lĩnh vực giáo dục, tình cảm và việc nghỉ ngơi, giải trí.

2.1. Thời gian và cách thức giao tiếp giữa CM-CC

Trong các gia đình đô thị hiện nay, mặc dù nhịp sống khẩn trương, công việc bận rộn nhưng các thành viên trong gia đình vẫn có thể tìm được thời gian để trao đổi, trò chuyện với nhau từ công việc làm ăn, việc nhà đến các quan hệ tình cảm trong nội bộ gia đình, họ hàng, xóm giềng, cộng đồng và bạn bè, đồng nghiệp,...

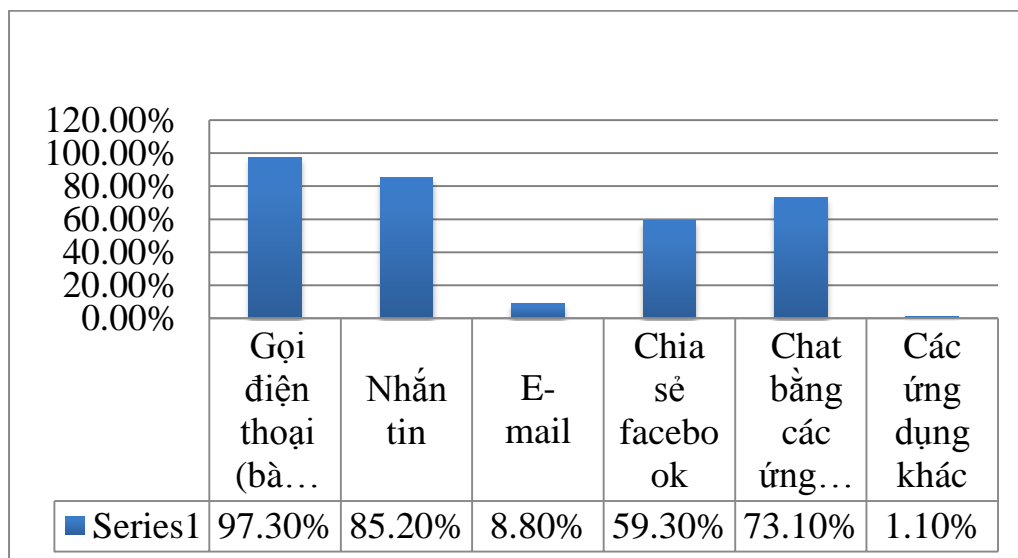
Về khoảng thời gian giao tiếp thường diễn ra nhất, theo kết quả khảo sát của đề tài, 67,6% số người được hỏi cho biết các giao tiếp có thể diễn ra bất kỳ lúc nào có thể, 20,3% cho là thường vào giờ nghỉ ngơi sau bữa tối, 7,1% thường trao đổi với nhau lúc trước khi con đi học và bố mẹ đi làm; và 4,9% trả lời là giao tiếp trong giờ ăn.

Bảng 2.1: Thời gian CM-CC thường giao tiếp trực tiếp



Trong cuộc sống hiện đại ở các đô thị, thời gian học tập – làm việc chiếm phần lớn thời gian của các thành viên trong gia đình, ngay cả những bữa ăn trưa cũng diễn ra tại nơi học tập – làm việc nên thời gian gặp nhau để trao đổi, trò chuyện cũng bị hạn chế theo. CM-CC chính vì vậy mà tận dụng mọi thời gian rảnh và thuận tiện để có thể duy trì việc trao đổi thông tin với nhau, dùng mọi hình thức khác nhau để liên lạc và chia sẻ.

Bảng 2.2: Cách thức CM-CC giao tiếp thông qua ĐTTM



Về hình thức giao tiếp giữa CM-CC, có giao tiếp trực tiếp – nói chuyện trực tiếp, và giao tiếp gián tiếp - thông qua các phương tiện hiện đại như điện thoại (bàn, di động), nhắn tin, gửi email, chia sẻ trên facebook, chat bằng các ứng dụng miễn phí trên điện thoại (như Viber, Zalo, Skype, hoặc các ứng dụng khác).

Trong các hình thức giao tiếp gián tiếp trên thì hình thức mà cả cha mẹ và các con lựa chọn nhiều nhất là gọi điện thoại (97,3%), nhắn tin (85,2%) và chat bằng các ứng dụng miễn phí (73,1%). (xem bảng 2.2)

Bảng 2.3: Các cách thức giao tiếp giữa CM-CC thông qua ĐTTM phân theo giới tính và nhóm tuổi

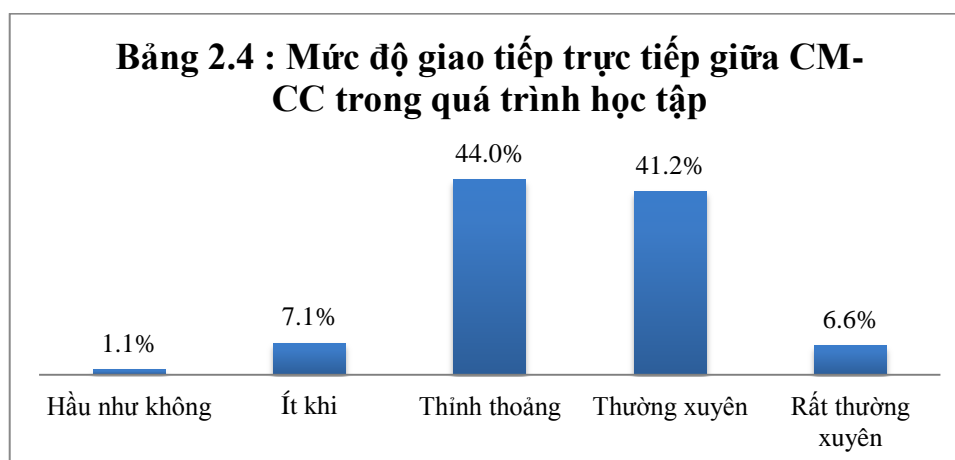
Các cách thức giao tiếp gián tiếp	Độ tuổi 12 - 18 (Học sinh)				Độ tuổi 30 - 61 (Phụ huynh)			
	Nam		Nữ		Nam		Nữ	
	N	%	N	%	N	%	N	%
Gọi điện thoại (bản, di động)	18	100	41	97,6	59	96,7	58	95,1
Nhắn tin	16	88,8	37	88,1	45	73,8	57	93,4
E-mail	0	0	5	12	7	11,5	4	6,5
Chia sẻ trên facebook	16	88,8	34	81	32	52,5	26	42,6
Chat bằng các ứng dụng miễn phí (Zalo, Viber,,)	4	22,2	25	59,5	51	83,6	53	86,9
Các ứng dụng khác	18	100	42	100	59	96,7	61	100

Có một sự khác biệt nhỏ là ngoài gọi điện thoại và nhắn tin thông dụng ra thì thế hệ con cái thích thú với facebook nhiều hơn, còn cha mẹ thì lại quan tâm đến các ứng dụng miễn phí, thuận tiện, dễ sử dụng và không mất nhiều thời gian như facebook. Khi đã vào ứng dụng facebook thì ngoài trao đổi thông tin với nhau, người dùng thường mất nhiều thời gian để xem các thông tin cập nhật của bạn bè, bấm like hoặc để lại nhận xét (xem bảng 2.3).

2.2. Mức độ và cách thức giao tiếp giữa CM-CC trong có nội dung giáo dục.

Kể từ khi các con được đến trường (từ lúc 3 tuổi), trong quá trình học tập của con cái, các bậc cha mẹ thường có sự quan tâm đến thời gian và chất lượng học tập của chúng. Nhưng khi con cái vào học THCS hay THPT, dù cha mẹ có thường xuyên hỏi han thì việc kể chuyện trên lớp hàng ngày có phần giảm. Vì vậy, mức độ giao tiếp giữa CM-CC về nội dung này chiếm tỷ lệ cao nhất là thỉnh thoảng (44%), 41,2% CM-CC giữ được mức độ thường xuyên, chỉ có 6,6 % câu trả lời là CM-CC

rất thường xuyên giao tiếp trong quá trình học tập của con, 7,1% trả lời là ít khi và 1,1% là hầu như không. (xem bảng 2.4)



“Khi con còn học PTCS thì hàng ngày về hỏi nó còn trả lời, và khi lên cấp PTTH thì nó không thích nói nữa, hỏi thì nó hỏi cứ hỏi hoài nên ít hỏi lại, thì thoảng hỏi hoặc là chủ yếu thời gian thi cử mới đôn đốc cho nó chuyên tâm và hỏi lại kết quả như thế nào thôi” (nam, 46, buôn bán).

Ngoài cách giao tiếp trực tiếp, thì trong quá trình học tập của con cái, CM-CC còn trao đổi thông tin với nhau thông qua điện thoại, cụ thể: gọi điện thoại (86,8%), nhắn tin (17,6%), liên lạc thông qua các trang mạng xã hội (12,1%), gửi hình ảnh (1,6%) hoặc các hình thức khác (7,1%).

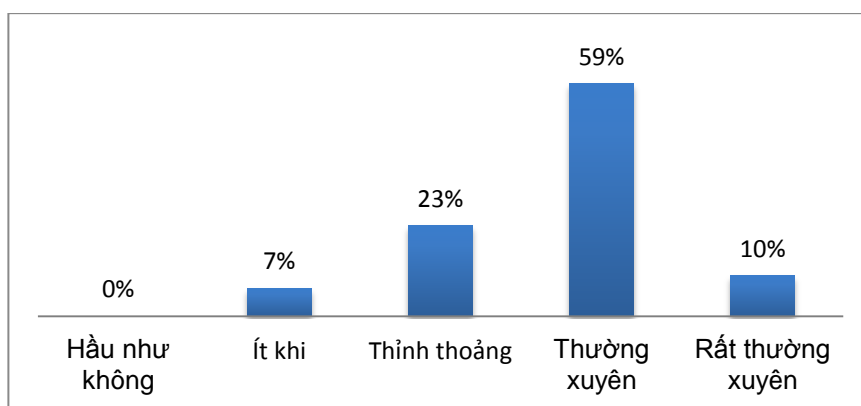
Bảng 2.5: Cách thức giao tiếp giữa CM-CC thông qua ĐTTM trong quá trình học tập phân theo giới tính và nhóm tuổi

Cách thức sử dụng điện thoại	TỔNG		Độ tuổi 12 - 18 (Học sinh)				Độ tuổi 30 - 61 (Phụ huynh)			
			Nam		Nữ		Nam		Nữ	
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%
Gọi điện	158	86,8	16	88,9	38	90,5	57	93,4	47	77
Nhắn tin	32	17,6	2	11,1	6	14,3	8	13,1	16	26,2
Qua mạng xã hội	22	12,1	1	5,6	3	7,14	8	13,1	10	16,4
Hình ảnh	3	1,6	1	5,6	2	4,76	1	1,6	2	3,3
Khác	13	7,1	3	16,7	7	16,7	3	4,9	0	0

Nhìn vào bảng ta thấy cách thức gọi điện thoại trao đổi với nhau trong quá trình học tập được các em học sinh và các bậc phụ huynh lựa chọn cao nhất so với các cách thức khác. Cả học sinh nam, học sinh nữ và cha lẫn mẹ đều chọn cách thức này nhiều nhất. Vì mức độ trao đổi về nội dung này không phải là quá thường xuyên, các em thường gọi điện khi có sự việc gì xảy ra trên trường và cần xin ý kiến cha mẹ ngay, chẳng hạn như xin về trễ, hoặc thông báo cô giáo cần gặp phụ huynh vào cuối giờ chiều,...

Kết quả học tập của con cái thường được cha mẹ rất quan tâm bởi đó là một trong những cách thức quan trọng để biết trong suốt quá trình học tập con cái tiếp thu được những gì. Theo như khảo sát, có 10,4 % người trả lời (bao gồm cả học sinh và phụ huynh) là cha mẹ rất thường xuyên hỏi về kết quả học tập của con, 59,4% người trả lời là thường xuyên hỏi han, 23,1% người trả lời là thỉnh thoảng hỏi thăm, 7,1% trả lời là ít khi hỏi đến kết quả học tập của con và không có ai là không quan tâm đến việc này.

Bảng 2.6: Mức độ giao tiếp trực tiếp giữa CM-CC về kết quả học tập



Ngoài cách giao tiếp trực tiếp, thì kết quả trình học tập của con cái, CM-CC còn trao đổi thông tin với nhau thông qua điện thoại, cụ thể: gọi điện thoại (48,9%), nhắn tin (54,9%), liên lạc thông qua các trang mạng xã hội (17%), gửi hình ảnh (14,8%) hoặc các hình thức khác (4,9%).

Bảng 2.7: Cách thức giao tiếp giữa CM-CC thông qua ĐTTM về kết quả học tập, phân theo giới tính và nhóm tuổi

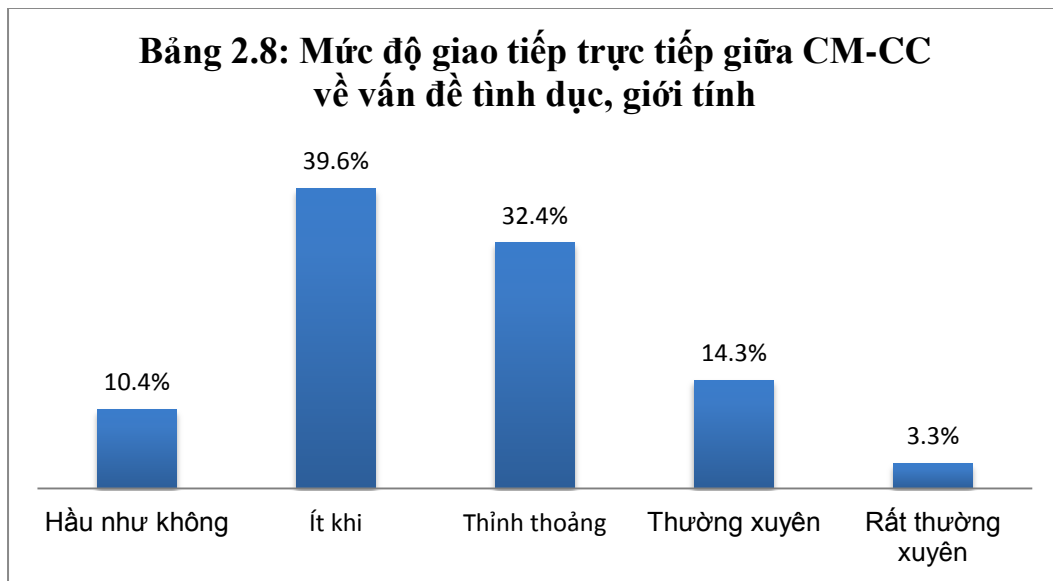
Cách thức sử dụng điện thoại	TỔNG		Độ tuổi 12 - 18 (Học sinh)				Độ tuổi 30 - 61 (Phụ huynh)			
			Nam		Nữ		Nam		Nữ	
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%
Gọi điện	89	48,9	16	88,9	36	85,7	25	41	12	19,7
Nhắn tin	100	54,9	4	22,2	9	21,4	39	63,9	48	78,7
Qua mạng xã hội	31	17,0	2	11,1	13	31	6	9,8	10	16,4
Hình ảnh	27	14,8	7	38,9	15	35,7	2	3,3	3	4,9
Khác	9	4,9	2	11,1	5	11,9	2	3,3	0	0

Theo như kết quả khảo sát, hai ứng dụng điện thoại được dùng nhiều nhất là: nhắn tin và gọi điện thoại. Và trong hai ứng dụng này thì cha mẹ ưa dùng ứng dụng nhắn tin hơn, còn con cái thì ưa dùng ứng dụng gọi điện thoại hơn. Trong nhóm học sinh thì các bạn trai sử dụng ứng dụng điện thoại nhiều hơn bạn gái (chênh lệch 4,2%); còn trong nhóm phụ huynh thì ta thấy mẹ sử dụng ứng dụng nhắn tin nhiều hơn cha (chênh lệch 14,8%)

Vấn đề giới tính – tình dục hiện rất được các bậc phụ huynh quan tâm, nhưng vì đây được coi là vấn đề nhạy cảm, cha mẹ thường hay tránh né hoặc cảm thấy rất khó nói để sao cho các con hiểu một cách đúng đắn, không quá cứng nhắc cũng không quá trần trụi.

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ giao tiếp về nội dung này khá thưa thớt chỉ có 3,3% phụ huynh và học sinh rất thường xuyên trao đổi về giới tính và tình dục, 14,3% người thường xuyên nói về vấn đề này, 32,4% người thỉnh thoảng mới hỏi tới, 39,6% người ít khi nói đến và 10,4% người là hầu như không có giao tiếp giữa CM-CC về vấn đề này.

Bảng 2.8: Mức độ giao tiếp trực tiếp giữa CM-CC về vấn đề tình dục, giới tính



Ngoài cách giao tiếp trực tiếp, về vấn đề giới tính – tình dục, CM-CC còn trao đổi thông tin với nhau thông qua điện thoại, cụ thể: gọi điện thoại (32,4%), nhắn tin (12,1%), liên lạc thông qua các trang mạng xã hội (68,7%), gửi hình ảnh (5,5%) hoặc các hình thức khác (5,5%).

Bảng 2.9: Cách thức giao tiếp giữa CM-CC thông qua ĐTTM về vấn đề tình dục, giới tính phân theo giới tính và nhóm tuổi

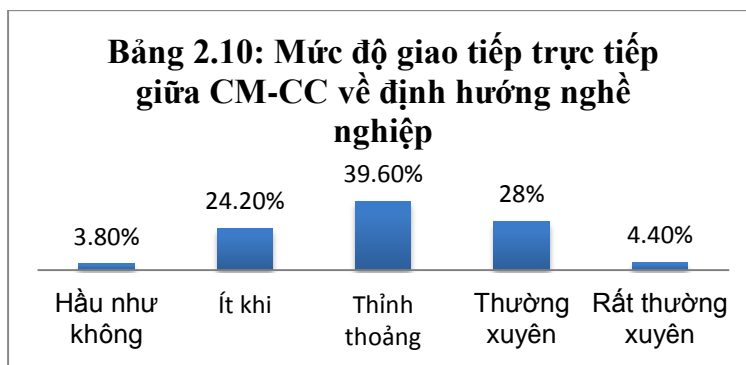
Cách thức sử dụng điện thoại	TỔNG		Độ tuổi 12 - 18 (Học sinh)				Độ tuổi 30 - 61 (Phụ huynh)			
			Nam		Nữ		Nam		Nữ	
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%
Gọi điện	59	32,4	11	61,1	25	59,5	12	19,7	11	18
Nhắn tin	22	12,1	0	0	2	4,8	11	18	9	14,8
Qua mạng xã hội	125	68,7	10	55,6	23	54,8	45	73,8	47	77
Hình ảnh	10	5,5	1	5,6	2	4,8	3	4,9	4	6,6
Khác	10	5,5	3	16,7	3	7,1	2	3,3	2	3,3

Như bảng trên, ta thấy cách thức được lựa chọn nhiều nhất là: giao tiếp thông qua mạng xã hội (68,7%). Trong khi trao đổi về quá trình học tập và kết quả học tập thì cách thứ gọi điện và nhắn tin được cả CM-CC ưa dùng, thì với vấn đề được cho

là nhạy cảm ở Việt Nam là giới tính và tình dục thì hình thức trao đổi thông qua mạng xã hội được lựa chọn nhiều hơn. Có lẽ việc gửi thông tin qua những bài viết, hình ảnh có sẵn thuận tiện hơn là nói trực tiếp cùng nhau.

Tuy vậy, nhìn vào bảng trên ta cũng có thể thấy, khi phân chia theo nhóm tuổi và giới tính, có sự khác biệt về cách thức giao tiếp về vấn đề này. Trong khi cha mẹ thì ưa dùng cách thức giao đổi thông tin về giới tính, tình dục thông qua mạng xã hội thì các con (cả nam lẫn nữ) đều lựa chọn cách thức gọi điện thoại nhiều nhất. Tại sao lại có sự khác biệt này? Điều này có thể phải xét đến quá trình giáo dục của hai thế hệ khác nhau. Trong khi cha mẹ thường là khi lớn lên mới tự tìm hiểu về vấn đề này thì con cái đã được học trong trường học. Giáo dục giới tính cho thanh thiếu niên được đưa vào chương trình chính thức. Và vì vậy, các em không cảm thấy ách ngại hay có gì khó nói cả, đơn giản là không biết thì hỏi.

“Em thấy đôi lúc bố mẹ em cũng lúng túng khi em hỏi về các cơ quan sinh dục nhưng em nói là em học trong trường như vậy, em chỉ muốn hỏi thêm thôi thì bố mẹ em cũng có giải thích cho em” (Nữ, 13 tuổi, học sinh).



Về việc định hướng nghề nghiệp cho con cái, phụ huynh thường rất chú trọng vì đây là tương lai của con cái họ, họ mong muốn đầu tư giáo dục cho con và sau này con có việc làm tốt. Cha mẹ thường định hướng nghề nghiệp cho con khi con bắt đầu vào THCS để con có thể chú tâm học các môn học thuộc các khối A, B hay các khối học khác. Tuy nhiên, ở các gia đình đô thị, có lẽ do suy nghĩ tân tiến, cho con tự do lựa chọn nên việc giao tiếp về vấn đề này cũng không được chú trọng lắm, hoặc là phụ huynh chỉ thật sự chú trọng định hướng cho con khi con vào lớp 12, chuẩn bị thi đại học.

Kết quả khảo sát chỉ ra 4,4% câu trả lời là rất thường xuyên có sự giao tiếp giữa CM-CC về định hướng nghề nghiệp, 28% là thường xuyên, 39,6% là thỉnh thoảng, 24,2% là ít khi và 3,8% là hầu như không có giao tiếp giữa CM-CC về vấn đề này.

Ngoài cách giao tiếp trực tiếp, về vấn đề định hướng nghề nghiệp, CM-CC còn trao đổi thông tin với nhau thông qua điện thoại, cụ thể: gọi điện thoại (36,8%), nhắn tin (14,8%), liên lạc thông qua các trang mạng xã hội (51,6%), gửi hình ảnh (8,2%) hoặc các hình thức khác (9,9%).

Bảng 2.11: Cách thức giao tiếp giữa CM-CC thông qua ĐTTM về định hướng nghề nghiệp phân theo giới tính và nhóm tuổi

Cách thức sử dụng điện thoại	TỔNG		Độ tuổi 12 - 18 (Học sinh)				Độ tuổi 30 - 61 (Phụ huynh)			
			Nam		Nữ		Nam		Nữ	
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%
Gọi điện	67	36,8	10	55,6	16	38	21	34,4	20	32,8
Nhắn tin	27	14,8	0	0	3	7,1	11	18	13	21,3
Qua mạng xã hội	94	51,6	4	22,2	13	30,9	42	68,8	35	57,4
Hình ảnh	15	8,2	1	4,6	5	11,9	4	6,6	5	8,2
Khác	18	9,9	4	22,2	10	23,8	4	6,6	0	0

Lựa chọn nhiều nhất là: trao đổi thông tin qua các mạng xã hội. Tuy nhiên, khi phân tích kỹ thì ta thấy, cha mẹ ưu tiên chia sẻ thông tin qua các mạng xã hội với con cái về vấn đề định hướng nghề nghiệp, nhưng các con lại ưu tiên cho cách thức gọi điện thoại và học sinh nam lựa chọn cách thức này nhiều hơn học sinh nữ (chênh lệch 17,6%). Như phần trên đã phân tích, các em học sinh không đọc báo, đọc các trang thông tin nhiều như các phụ huynh, nên về vấn đề hướng nghiệp này thì các em không biết hoặc không hiểu gì thì muốn gọi điện thoại hỏi ngay cho tiện lợi, nhanh chóng, còn các bậc phụ huynh thì khi đọc thông tin trên internet, cách nhanh nhất để ghi nhớ và chia sẻ đầy đủ cho các con là share (chia sẻ) luôn trên các trang mạng xã hội mà chắc rằng con mình có thể đọc được (facebook, Zalo,...)

Bảng 2.12: Tổng hợp mức độ giao tiếp trực tiếp giữa CM-CC về các nội dung giáo dục (%)

Mức độ	Về quá trình học tập	Về kết quả học tập	Về vấn đề giới tính tình dục	Về định hướng nghề nghiệp
Hầu như không	1,1	0	10,4	3,8
Ít khi	7,1	7,1	39,6	24,2
Thỉnh thoảng	44	23,1	32,4	39,6
Thường xuyên	41,2	59,4	14,3	28
Rất thường xuyên	6,6	10,4	3,3	4,4
Tổng	100,0	100,0	100,0	100,0

Bảng 2.13: Tổng hợp cách thức giao tiếp giữa CM-CC thông qua ĐTTM về các nội dung giáo dục (%)

Cách sử dụng điện thoại	Về quá trình học tập	Về kết quả học tập	Về vấn đề giới tính tình dục	Về định hướng nghề nghiệp
Gọi điện	86,8	48,9	32,4	36,8
Nhắn tin	17,6	54,9	12,1	14,8
Qua mạng xã hội	12,1	17,0	68,7	51,6
Hình ảnh	1,6	14,8	5,5	8,2
Khác	7,1	4,9	5,5	9,9

Nhìn chung, giao tiếp giữa CM-CC trong lĩnh vực giáo dục thường là ở mức độ thấp. Trong quá trình học tập cũng như việc định hướng nghề nghiệp, CM-CC thỉnh thoảng mới trao đổi với nhau; riêng về giới tính – tình dục thì càng ít khi trao đổi; chỉ riêng về kết quả học tập là CM-CC trao đổi với nhau thường xuyên hơn.

Cách thức giao tiếp gián tiếp thông qua điện thoại chủ yếu là gọi điện và nhắn tin để trao đổi về quá trình học và kết quả học tập. Riêng về vấn đề giới tính – tình dục và định hướng nghề nghiệp thì cha mẹ thường hay chia sẻ thông tin trên các trang mạng xã hội để con cái có thể tự tìm hiểu thêm.

2.3. Mức độ và cách thức giao tiếp giữa CM-CC về tình cảm.

Gia đình, dưới tác động công nghiệp hoá – hiện đại hoá, có những biến đổi về chức năng là tất yếu. Nhưng dù biến đổi thế nào, nó vẫn giữ được hai (trong bảy) chức năng của nó là sinh con đẻ cái và gắn bó với nhau về tình cảm (W.F.Ogburn, 1938) [33, tr.39]. Và việc thể hiện tình cảm được thông qua việc CM-CC chia sẻ với nhau những khó khăn, những niềm vui cũng như hỗ trợ nhau trong cuộc sống.

Về việc chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống, kết quả khảo sát cho thấy, tính chung có 5,5% ý kiến cho rằng CM-CC rất thường xuyên chia sẻ với nhau những khó khăn trong cuộc sống, 27,5% là thường xuyên, 34,6% là thỉnh thoảng, 31,9% là ít khi. Chỉ có 0,5% là hầu như không có giao tiếp giữa CM-CC về vấn đề này.

Tuy nhiên, có sự khác nhau giữa ý kiến của cha mẹ và ý kiến của con cái. Nhìn vào bảng 2.14 ta thấy, tỷ lệ cao nhất mà các em học sinh lựa chọn là “thường xuyên” (55,5% ở học sinh nam và 50% ở học sinh nữ), còn tỷ lệ cao nhất mà phụ huynh lựa chọn là “ít khi” (cha - 45,9%) và “thỉnh thoảng” (mẹ - 36,1%).

Tại sao con cái thì nói cha mẹ thường xuyên chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống với chúng còn cha mẹ thì lại nói là ít khi hoặc thỉnh thoảng mới chia sẻ? Vì điều này thuộc về cảm nhận. Có thể cha mẹ cho là phải giúp ích về lời nói, hay tiền bạc một cách cụ thể thì mới gọi là đã giúp đỡ con cái, còn con cái thì chỉ cần cha mẹ quan tâm, chia sẻ, bằng cách này hay cách khác, giúp cho chúng có tâm trạng bình yên khi gặp phải một vấn đề khó khăn là đã đủ, hoặc chỉ đơn giản khi con cảm thấy cô đơn, khi con vấp ngã, trở về nhà được mẹ nấu cho một bữa ăn ngon thì con cũng đã thấy có động lực để đứng lên đi tiếp.

Bảng 2.14: Mức độ giao tiếp trực tiếp giữa CM-CC trong chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống phân theo giới tính và nhóm tuổi

Mức độ giao tiếp	TỔNG		Độ tuổi 12 - 18 (Học sinh)				Độ tuổi 30 - 61 (Phụ huynh)				
			Nam		Nữ		Nam		Nữ		
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%	
Hầu như không	1	0,5	0	0	0	0	0	0	0	1	1,6
Ít khi	58	31,9	1	5,6	7	16,7	28	45,9	22	36,1	
Thỉnh thoảng	63	34,6	6	33,3	14	33,3	16	26,2	27	44,3	
Thường xuyên	50	27,5	10	55,5	21	50	14	23	5	8,2	
Rất thường xuyên	10	5,5	1	5,6	0	0	3	4,9	6	9,8	

“Nhiều khi em cảm thấy buồn rầu hoặc gặp chuyện gì khó khăn, trở về nhà, ăn cơm mẹ nấu và trò chuyện cùng mọi người là em thấy bớt buồn nhiều lắm. Có lúc thì em nói ra vấn đề em gặp phải, cũng có lúc em thấy không cần nói” (Nữ, 17t, học sinh)

Ngoài giao tiếp trực tiếp, hai cách thức giao tiếp để chia sẻ khó khăn trong cuộc sống được lựa chọn nhiều nhất là gọi điện thoại và nhắn tin. Các em học sinh thì thường chọn cách gọi điện thoại còn các bậc phụ huynh thì lại thích dùng tin nhắn.

Bảng 2.15: Cách thức giao tiếp giữa CM-CC thông qua ĐTTM trong chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống phân theo giới tính và nhóm tuổi

Cách thức sử dụng điện thoại	TỔNG		Độ tuổi 12 - 18 (Học sinh)				Độ tuổi 30 - 61 (Phụ huynh)			
			Nam		Nữ		Nam		Nữ	
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%
Gọi điện	112	61,5	17	94,4	41	97,6	32	52,5	22	36,1
Nhắn tin	89	48,9	2	11	11	26,2	35	57,4	41	67,2
Qua mạng xã hội	41	22,5	2	11,1	11	26,2	15	24,6	13	21,3
Hình ảnh	3	1,6	0	0	1	2,4	1	1,64	1	1,64
Khác	6	3,3	1	5,6	3	7,1	2	3,3	0	0

Bảng 2.16: Mức độ giao tiếp trực tiếp giữa CM-CC trong chia sẻ những niềm vui trong cuộc sống

Mức độ giao tiếp	TỔNG		Độ tuổi 12 - 18 (Học sinh)				Độ tuổi 30 - 61 (Phụ huynh)			
			Nam		Nữ		Nam		Nữ	
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%
Hầu như không	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Ít khi	6	3,3	0	0	0	0	0	0	6	9,8
Thỉnh thoảng	67	36,8	0	0	7	16,7	32	52,5	28	45,9
Thường xuyên	74	40,7	9	50	20	47,6	25	41	20	32,8
Rất thường xuyên	35	19,2	9	50	15	35,7	4	6,5	7	11,5

Về việc chia sẻ những niềm vui trong cuộc sống, tính chung có 19.2% ý kiến là CM-CC rất thường xuyên chia sẻ với nhau, 40,7% là thường xuyên, 36,8% là thỉnh thoảng, 3,3% là ít khi và 0% là hầu như không có giao tiếp giữa CM-CC về vấn đề này.

Nhìn vào bảng 2.16 thấy, đối với các em học sinh nam, câu trả lời chỉ có hai mức độ là “rất thường xuyên” và “thường xuyên”, không có câu trả lời cho các mức độ khác, nghĩa là các em cho rằng cha mẹ luôn quan tâm và chia sẻ với các em những niềm vui trong cuộc sống. Đối với các em học sinh nữ thì hai mức độ cao nhất là “thường xuyên” (47,6%) và “rất thường xuyên” (35,7%), mức độ thấp nhất là “thỉnh thoảng” (16,7%), không có lựa chọn ở các mức độ “ít khi” và “hầu như không”. Vậy cũng có nghĩa là các em cũng cho là cha mẹ thường xuyên quan tâm, chia sẻ với các em những niềm vui trong cuộc sống.

Tuy nhiên, các bậc phụ huynh thì lại lựa chọn mức độ “thỉnh thoảng” là cao nhất (52,5% đối với cha và 45,9% đối với mẹ).

Có thể giải thích điều này như việc giải thích chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống. Mặc dù việc cảm nhận về mức độ chia sẻ của CM-CC là khác nhau, nhưng có lẽ cảm nhận về việc chia sẻ những niềm vui sẽ rõ ràng và dễ dàng hơn. Nhưng vì con cái ở tuổi nhạy cảm hơn nên cách tiếp nhận cũng khác hơn, cảm nhận có khác biệt so với cha mẹ của chúng.

Về cách thức giao tiếp thông qua điện thoại (ngoài giao tiếp trực tiếp) về việc chia sẻ những niềm vui trong cuộc sống thì cả phụ huynh và học sinh đều ưu tiên cách thức gọi điện thoại. Có lẽ vì những niềm vui mang lại khó mà có thể giữ lâu, ai cũng muốn chia sẻ ngay với người mình yêu thương, khi không thể gặp nhau ngay được thì gọi điện thoại là cách nhanh nhất để chia sẻ những niềm vui này. Cách thức chia sẻ qua mạng xã hội cũng được nhiều lựa chọn vì đây là cách nhân niềm vui lên cấp số nhân nhanh chóng nhất và hữu hiệu nhất. Niềm vui tăng lên gấp đôi khi có một người cùng chia sẻ, trong khi đó bạn bè trên facebook hay các trang mạng xã hội của mỗi người không ai có ít hơn mười bạn, và người chia sẻ cũng sẽ cảm thấy thú vị hơn khi có thêm like (thích) hoặc comment (bình luận).

Bảng 2.17: Cách thức giao tiếp giữa CM-CC thông qua ĐTTM trong chia sẻ những niềm vui trong cuộc sống phân theo giới tính và nhóm tuổi

Cách thức sử dụng điện thoại	TỔNG		Độ tuổi 12 - 18 (Học sinh)				Độ tuổi 30 - 61 (Phụ huynh)			
			Nam		Nữ		Nam		Nữ	
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%
Gọi điện	168	92,3	16	88,9	40	95,2	58	95,1	54	88,5
Nhắn tin	54	29,7	10	55,6	26	61,9	7	11,5	11	18
Qua mạng xã hội	67	36,8	9	50	27	64,3	20	32,8	11	18
Hình ảnh	25	13,7	5	27,8	17	40,5	2	3,3	1	1,64
Khác	4	2,2	1	5,6	0	0	1	1,64	0	0

Bảng 2.18: Mức độ giao tiếp trực tiếp giữa CM-CC trong việc hỗ trợ lẫn nhau khi gặp khó khăn

Mức độ	TỔNG		Độ tuổi 12 - 18 (Học sinh)				Độ tuổi 30 - 61 (Phụ huynh)			
			Nam		Nữ		Nam		Nữ	
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%
Hầu như không	2	1,1	0	0	0	0	0	0	2	3,3
Ít khi	6	3,3	0	0	0	0	0	0	6	9,8
Thỉnh thoảng	54	29,7	3	16,7	10	23,8	16	26,2	25	40,9
Thường xuyên	85	46,7	11	61,1	28	66,7	31	50,8	15	24,6
Rất thường xuyên	35	19,2	4	22,2	4	9,5	14	23	13	16,4

Những khó khăn trong cuộc sống là thứ vốn không thể tránh khỏi. Khi chúng ta gặp khó khăn, nơi con người muốn quay về nhất là gia đình, và người mà có thể luôn tin tưởng để chia sẻ và nương tựa chính là cha mẹ. Ngược lại, con cái là niềm vui, là nguồn động viên lớn về tinh thần để cha mẹ có thể làm việc và vượt qua những khó khăn. Việc thường xuyên quan tâm chia sẻ và hỗ trợ lẫn nhau sẽ giúp cho các thành viên trong gia đình có thêm động lực để đi tiếp. Về việc hỗ trợ lẫn nhau khi gặp khó khăn. Kết quả khảo sát cho thấy 19,2% ý kiến là CM-CC rất thường xuyên hỗ trợ nhau trong cuộc sống, 46,7% là thường xuyên, 29,7% là thỉnh thoảng, 3,3% là ít khi và 1,1% là hầu như không có giao tiếp giữa CM-CC về vấn đề này.

Nhìn vào bảng ta thấy, phần lựa chọn của các em học sinh và người cha là trùng nhau, với mức độ “thường xuyên” hỗ trợ lẫn nhau trong cuộc sống chiếm tỷ lệ cao nhất và không có mức độ “ít khi” hay “hầu như không”; trong khi mẹ lại chọn mức độ cao nhất là “thỉnh thoảng” và chọn đủ 5 mức độ mặc dù tỷ lệ là khác nhau. Một mặt, mẹ là người được cho là thường xuyên gần gũi và chia sẻ với các con nhiều hơn cha, nhưng có lẽ vì quá thường xuyên làm mọi việc cho các con nên mẹ cảm thấy mọi thứ thật bình thường. Những chuyện con cho là khó khăn thì chưa chắc gì mẹ đã nghĩ như vậy, phải là sự việc thật sự nghiêm trọng và mẹ phải làm giúp con thì mẹ mới cho là giúp đỡ? Mặt khác, mẹ trong gia đình đô thị hiện nay phải gánh vác cả trách nhiệm với xã hội và trách nhiệm với gia đình nên việc thật sự cảm thấy là có hỗ trợ người khác hoặc là được người khác hỗ trợ thì mẹ cảm thấy chưa toàn vẹn? Tác giả cho rằng đây là một vấn đề cần phải nghiên cứu thêm để hiểu rõ phụ nữ trong gia đình đô thị hỗ trợ và được hỗ trợ như thế nào trong công việc tại cơ quan cũng như công việc nhà.

Nhìn vào bảng ta thấy, về việc hỗ trợ lẫn nhau trong cuộc sống, ngoài giao tiếp trực tiếp thì cách thức gọi điện thoại được lựa chọn nhiều nhất. Trong đó, các em học sinh và cha đều ưu tiên cách thức gọi điện thoại, vượt trội so với cách thức nhắn tin, chia sẻ qua các mạng xã hội hay là chia sẻ hình ảnh, trong khi đó mẹ vừa gọi điện, cũng vừa chọn cách thức nhắn tin, và cách thức nhắn tin được mẹ ưu tiên hơn.

Bảng 2.19: Cách thức giao tiếp giữa CM-CC thông qua ĐTTM để hỗ trợ nhau khi gặp khó khăn phân theo giới tính và nhóm tuổi

Cách thức sử dụng điện thoại	TỔNG		Độ tuổi 12 - 18 (Học sinh)				Độ tuổi 30 - 61 (Phụ huynh)			
			Nam		Nữ		Nam		Nữ	
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%
Gọi điện	124	68,1	16	88,9	39	92,9	43	70,5	26	42,6
Nhắn tin	60	33,0	2	11,1	5	11,9	20	32,8	33	54,1
Qua mạng xã hội	34	18,7	2	11,1	5	11,9	17	27,9	10	16,4
Hình ảnh	5	2,7	0	0	0	0	2	3,3	3	4,9
Khác	5	2,7	1	5,6	2	4,8	2	3,3	0	0

Nhìn chung, giao tiếp về tình cảm bao gồm chia sẻ niềm vui và hỗ trợ nhau khi khó khăn thì CM-CC có mức độ thường “thường xuyên”, về việc chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống thì đa phần ý kiến là ở mức độ thỉnh thoảng. Có thể theo các em học sinh và phụ huynh thì đã là thành viên trong gia đình, có khó khăn và đã nói ra thì mọi người cùng chung tay hỗ trợ, giúp sức, chứ chỉ nói để hiểu thì việc đó được tính là thỉnh thoảng hoặc ít thường xuyên. Cách thức giao tiếp thông qua điện thoại được lựa chọn nhiều nhất là gọi điện thoại, kế đến là nhắn tin và chia sẻ qua mạng xã hội.

Bảng 2.20: Tổng hợp mức độ giao tiếp trực tiếp giữa CM-CC về tình cảm (%)

Mức độ	Về chia sẻ khó khăn	Về chia sẻ niềm vui	Về hỗ trợ khó khăn
Hầu như không	0,5	0	1,1
Ít khi	31,9	3,3	3,3
Thỉnh thoảng	34,6	36,8	29,7
Thường xuyên	27,5	40,7	46,7
Rất thường xuyên	5,5	19,2	19,2
Tổng	100,0	100,0	100,0

Bảng 2.21: Tổng hợp cách thức giao tiếp CM-CC qua ĐTTM về tình cảm (%)

Cách thức	Về chia sẻ khó khăn	Về chia sẻ niềm vui	Về hỗ trợ khó khăn
Gọi điện	61,5	92,3	68,1
Nhắn tin	48,9	29,7	33,0
Qua mạng xã hội	22,5	36,8	18,7
Hình ảnh	1,6	13,7	2,7
Khác	3,3	2,2	2,7

2.4. Mức độ và cách thức giao tiếp giữa CM-CC trong lĩnh vực nghỉ ngơi, giải trí

Thời gian CM-CC cùng nghỉ ngơi, giải trí bên nhau rất quan trọng. Đó vừa là thời gian để tái tạo năng lượng sau những ngày làm việc, học tập vất vả, vừa là thời gian để CM-CC có thể vui chơi cùng nhau, hiểu nhau và gắn bó với nhau hơn. Việc vui chơi ra sao, như thế nào, khi nào cũng cần phải thảo luận với nhau vì mỗi thành viên trong gia đình còn có những nhiệm vụ học tập, làm việc của mình. Ở đây, xem xét mức độ và cách thức giao tiếp của CM-CC khi thảo luận về sở thích giải trí, địa điểm, thời gian cũng như cách thức nghỉ ngơi, giải trí cùng với nhau.

Việc chia sẻ sở thích là điều rất quan trọng, hiểu sở thích của nhau để khi có thời gian vui chơi, giải trí sẽ lựa chọn các cách thức thích hợp cho cả CM-CC. Tuy nhiên, theo kết quả khảo sát, chỉ có 2,7% câu trả lời là CM-CC rất thường xuyên chia sẻ sở thích với nhau, 10,4% là thường xuyên, 54,4% là thỉnh thoảng, 27,5% là ít khi và 4,9% là hầu như không có giao tiếp giữa CM-CC về vấn đề này.

Nhìn vào bảng 2.22 ta thấy, trong khi các em học sinh nữ và các bậc phụ huynh đều nói là thỉnh thoảng có chia sẻ về những sở thích cùng nhau thì các em học sinh nam lại cho là CM-CC ít khi chia sẻ sở thích cùng nhau. Điều này có thể hiểu là ở lứa tuổi này (12-18) các em học sinh nam ít thích chia sẻ sở thích cùng với cha mẹ, các em thiên về các mối quan hệ bên ngoài hơn.

Bảng 2.22: Mức độ giao tiếp trực tiếp giữa CM-CC để chia sẻ sở thích

Mức độ giao tiếp trực tiếp	TỔNG		Độ tuổi 12 - 18 (Học sinh)				Độ tuổi 30 - 61 (Phụ huynh)			
			Nam		Nữ		Nam		Nữ	
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%
Hầu như không	9	4,9	3	16,7	4	9,5	2	3,3	0	0
Ít khi	50	27,5	8	44,4	17	40,5	11	18	14	23
Thỉnh thoảng	99	54,4	6	33,3	17	40,5	39	63,9	37	60,7
Thường xuyên	19	10,4	1	5,6	4	9,5	8	13,1	6	9,8
Rất thường xuyên	5	2,7	0	0	0	0	1	1,64	4	6,6

Bảng 2.23: Cách thức giao tiếp giữa CM-CC thông qua ĐTTM để chia sẻ sở thích phân theo giới tính và nhóm tuổi

Cách thức sử dụng điện thoại	TỔNG		Độ tuổi 12 - 18 (Học sinh)				Độ tuổi 30 - 61 (Phụ huynh)			
			Nam		Nữ		Nam		Nữ	
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%
Gọi điện	68	37,4	4	22,2	11	26,2	31	50,8	22	36,1
Nhắn tin	70	38,5	3	16,7	10	23,8	28	45,9	29	47,5
Qua mạng xã hội	65	35,7	10	55,6	16	38,1	18	29,5	21	34,4
Hình ảnh	20	11,0	6	33,3	10	23,8	0	0	4	6,6
Khác	17	9,3	1	5,6	10	23,8	5	8,2	1	1,64

Ngoài cách thức giao tiếp trực tiếp thì nhìn vào bảng 2.23, việc chia sẻ sở thích với nhau qua điện thoại, nhắn tin và mạng xã hội có tỷ lệ chênh lệch không nhiều (37,4% người chọn cách thức gọi điện, 38,5% người chọn cách thức nhắn tin, 35,7% người chọn cách chia sẻ qua mạng xã hội), 11% chọn cách chia sẻ qua hình ảnh và 9,3% chọn các cách khác.

Trong đó, các em học sinh thì thích chia sẻ sở thích qua mạng xã hội hơn (55,6% đối với học sinh nam và 38,1% đối với học sinh nữ), cha thì thích chia sẻ sở thích bằng cách gọi điện và mẹ thì lựa chọn cách thức nhắn tin.

Việc thảo luận về địa điểm giải trí cũng không diễn ra thường xuyên. 4% câu trả lời là CM-CC rất thường xuyên thảo luận về địa điểm giải trí chung, 30,2% là thường xuyên, trong khi có tới 48,4% câu trả lời là thỉnh thoảng, 17,6% là ít khi và 1,6% là hầu như không có giao tiếp giữa CM-CC về vấn đề này.

Ở đây, hai mức độ chiếm tỷ lệ cao nhất là “thỉnh thoảng” và “thường xuyên”. Khi phân tích cụ thể mức độ giao tiếp trực tiếp giữa CM-CC ở từng nhóm phụ huynh và học sinh trong việc thảo luận về địa điểm giải trí chung thì ta thấy mức độ cao nhất cũng là “thỉnh thoảng”, mức độ chiếm tỷ lệ cao thứ hai là “thường xuyên” được các em học sinh và mẹ lựa chọn, còn tỷ lệ cao thứ hai mà cha lựa chọn là “ít khi”. Ở đây, cần phải hiểu là vì dịp đi chơi, nghỉ ngơi cả gia đình trong một năm là rất ít, cho nên câu trả lời “thỉnh thoảng” cũng là hợp lý, thỉnh thoảng đi chơi chung thì thỉnh thoảng mới bàn tới địa điểm để đi chơi. Và có ý kiến cho rằng địa điểm để đi chơi chung không phải là việc quan trọng để phải thảo luận với nhau, quan trọng là cả nhà có đi được cùng nhau hay không.

“Nhà tôi một năm đi chơi cùng nhau khoảng 3-4 lần vì bọn trẻ phải học rất nhiều. Địa điểm đi thì tùy hứng thôi, cái quan trọng là sắp xếp được thời gian đi cùng nhau” (nữ, 48t, nội trợ)

Bảng 2.24: Mức độ giao tiếp trực tiếp giữa CM-CC để thảo luận về địa điểm giải trí chung

Mức độ giao tiếp trực tiếp	TỔNG		Độ tuổi 12 - 18 (Học sinh)				Độ tuổi 30 - 61 (Phụ huynh)			
			Nam		Nữ		Nam		Nữ	
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%
Hầu như không	3	1,6	0	0	0	0	2	3,3	1	1,64
Ít khi	32	17,6	2	11,1	2	4,8	17	27,9	11	18
Thỉnh thoảng	88	48,4	9	50	25	59,5	26	42,6	28	45,9
Thường xuyên	55	30,2	7	38,9	14	33,3	15	24,6	19	31,1
Rất thường xuyên	4	2,2	0	0	1	2,4	1	1,64	2	3,3

Về cách thức sử dụng điện thoại để thảo luận về địa điểm giải trí chung thì hai cách thức được lựa chọn nhiều nhất là gọi điện thoại (54,9%) và thông qua mạng xã hội (41,2%), Các em học sinh thì lựa chọn cách thức gọi điện thoại nhiều hơn (94,4% đối với học sinh nam và 92,9% đối với học sinh nữ), còn phụ huynh thì lựa chọn cách thức trao đổi thông qua mạng xã hội (47,5% đối với cha và 37,7% đối với mẹ). Có thể vì con cái chỉ cần báo con thích nơi nào để đi thì cha mẹ có thể dễ dàng thuận theo, còn lựa chọn của cha mẹ thì cần chia sẻ cụ thể hình ảnh, bài viết để gây thêm hứng thú cho con khi tới một địa điểm nào đó để giải trí.

“Khi biết thêm địa điểm du lịch nào đó mới, tôi thường lưu hình ảnh, thông tin lại rồi share trên facebook hoặc chuyển hình ảnh cho gia đình tôi cùng biết, khi nào có dịp đi chúng tôi dễ dàng lựa chọn vì ai cũng biết thông tin hết rồi, nhất là

mấy đứa nhỏ, nếu thấy thích thì sẽ đi ngay thôi, khỏi mất thời gian lựa chọn” (Nam, 35t, viên chức)

Việc bàn luận với nhau về thời gian giải trí cùng nhau cũng có mức độ như việc lựa chọn địa điểm, mức độ trao đổi giữa CM-CC là không thường xuyên. Theo kết quả khảo sát, 1,6% câu trả lời là CM-CC rất thường xuyên chia sẻ thời gian giải trí chung, 30,2% là thường xuyên, 56% là thỉnh thoảng, 10,4% là ít khi và 1,6% là hầu như không có giao tiếp giữa CM-CC về vấn đề này.

Bảng 2.25: Cách thức sử dụng ĐTTM để thảo luận về địa điểm giải trí chung

Cách thức sử dụng điện thoại	TỔNG		Độ tuổi 12 - 18 (Học sinh)				Độ tuổi 30 - 61 (Phụ huynh)			
			Nam		Nữ		Nam		Nữ	
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%
Gọi điện	100	54,9	17	94,4	39	92,9	27	44,3	17	27,9
Nhắn tin	73	40,1	6	33,3	13	31	21	34,4	23	37,7
Qua mạng xã hội	75	41,2	6	33,3	17	40,5	29	47,5	23	37,7
Hình ảnh	27	14,8	5	27,8	15	35,7	3	4,9	4	6,6
Khác	5	2,7	1	5,6	1	2,4	3	4,9	0	0

Mức độ “thỉnh thoảng” được các em học sinh và phụ huynh lựa chọn cao nhất vì thời gian giải trí để đưa ra thảo luận là vào những dịp nghỉ lễ, được xác định trong năm, ngoài thời gian đó thì chỉ có dịp hè, kỳ nghỉ dài, thì mới lựa chọn thời gian để đi chơi, lúc đó mới thảo luận.

Bảng 2.26: Mức độ giao tiếp trực tiếp giữa CM-CC để thảo luận về thời gian giải trí chung

Mức độ giao tiếp trực tiếp	TỔNG		Độ tuổi 12 - 18 (Học sinh)				Độ tuổi 30 - 61 (Phụ huynh)			
			Nam		Nữ		Nam		Nữ	
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%
Hầu như không	3	1,6	0	0	0	0	2	3,3	1	1,64
Ít khi	19	10,4	0	0	0	0	12	19,7	7	11,5
Thỉnh thoảng	102	56,0	10	55,6	27	64,3	30	49,2	35	57,4
Thường xuyên	54	30,2	8	44,4	14	33,3	16	26,2	16	26,2
Rất thường xuyên	4	1,6	0	0	1	2,4	1	1,64	2	3,3

Nhìn vào bảng 2.26, ta có thể thấy, các em học sinh (cả nam lẫn nữ) hoặc là thỉnh thoảng, hoặc là thường xuyên trao đổi với cha mẹ về vấn đề này, nghĩa là khi có thể đi chơi, nghỉ ngơi cùng nhau thì các em cũng có trao đổi với cha mẹ, không có em nào mà không trao đổi. Ngược lại, cha mẹ thì có khi không trao đổi với con cái.

Bảng 2.27: Cách thức giao tiếp giữa CM-CC qua ĐTTM để thảo luận về thời gian giải trí chung phân theo giới tính và nhóm tuổi

Cách thức sử dụng điện thoại	TỔNG		Độ tuổi 12 - 18 (Học sinh)				Độ tuổi 30 - 61 (Phụ huynh)			
			Nam		Nữ		Nam		Nữ	
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%
Gọi điện	98	53,8	17	94,4	36	85,7	29	47,5	16	26,2
Nhắn tin	87	47,8	14	77,8	31	73,8	17	27,9	25	41
Qua mạng xã hội	70	38,5	7	38,9	10	23,8	24	39,3	29	47,5
Hình ảnh	3	1,6	2	11,1	0	0	1	1,64	0	0
Khác	6	3,3	1	5,6	2	4,8	3	4,9	0	0

Cách thức trao đổi qua điện thoại về việc thảo luận thời gian giải trí chung được lựa chọn cao nhất là gọi điện thoại “*nếu không thể gặp thì gọi điện là xong, chỉ hỏi về thời gian đi chơi thôi mà*”(nữ, 16t, học sinh), riêng mẹ thì ưu tiên chọn cách thức thông qua mạng xã hội, tuy nhiên khi hỏi rõ vì sao lại lựa chọn cách thức này thì được trả lời là “*không phải là chia sẻ gì trên facebook mà là nhắn zalo miễn phí*” (nữ, 40t, buôn bán).

Việc thảo luận về cách thức giải trí chung cũng giống như việc chia sẻ về các sở thích, CM-CC thỉnh thoảng mới chia sẻ cùng nhau. Kết quả khảo sát cho thấy 1,6% câu trả lời là CM-CC rất thường xuyên chia sẻ các thức giải trí chung, 22,5% là thường xuyên, 58,2% là thỉnh thoảng, 14,3% là ít khi và 3,3% là hầu như không có giao tiếp giữa CM-CC về vấn đề này.

Bảng 2.28: Mức độ giao tiếp trực tiếp giữa CM-CC để thảo luận về cách thức giải trí chung

Mức độ giao tiếp trực tiếp	TỔNG		Độ tuổi 12 – 18 (Học sinh)				Độ tuổi 30 - 61 (Phụ huynh)			
			Nam		Nữ		Nam		Nữ	
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%
Hầu như không	6	3,3	0	0	1	2,4	2	3,3	3	4,9
Ít khi	26	14,3	3	16,7	8	19	10	16,4	5	9,2
Thỉnh thoảng	106	58,2	9	50	24	57,1	34	55,7	39	63,9
Thường xuyên	41	22,5	6	33,3	9	21,4	14	23	12	19,7
Rất thường xuyên	3	1,6	0	0	1	2,4	0	0	2	3,3

Bảng 2.29: Cách thức sử dụng điện thoại để thảo luận về cách thức giải trí chung

Cách thức sử dụng điện thoại	TỔNG		Độ tuổi 12 – 18 (Học sinh)				Độ tuổi 30 - 61 (Phụ huynh)			
			Nam		Nữ		Nam		Nữ	
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%
Gọi điện	94	51,6	17	94,4	36	85,7	26	42,6	15	24,6
Nhắn tin	33	18,1	0	0	8	19	10	16,4	15	24,6
Qua mạng xã hội	88	48,4	3	16,7	15	35,7	32	52,5	38	62,3
Hình ảnh	7	3,8	2	11,1	1	2,4	1	1,64	3	4,9
Khác	7	3,8	1	5,6	1	2,4	5	8,2	0	0

Theo như bảng 2.29, cách thức gọi điện được cả con cái và cha mẹ lựa chọn nhiều nhất, xếp thứ hai là cách thức trao đổi qua mạng xã hội. Trong đó, con cái lựa chọn cách thức gọi điện thoại nhiều hơn và cha mẹ thì lựa chọn cách thức trao đổi thông tin qua mạng xã hội nhiều hơn.

Nhìn chung, về lĩnh vực nghỉ ngơi, giải trí, CM-CC thỉnh thoảng mới trao đổi với nhau. Thỉnh thoảng ở đây có nghĩa là khi có dịp nghỉ thì mới trao đổi, còn bình thường các thành viên trong gia đình phải đi học, đi làm, không có thời gian giải trí nên không trao đổi, tự thân các thành viên tìm cách giải trí cho riêng mình để giải khuây sau những giờ học tập, làm việc mệt mệt, khi có kỳ nghỉ thì mới cùng nhau thảo luận, thống nhất để cùng đi chơi hoặc làm một việc gì đó.

Bảng 2.30: Tổng hợp mức độ giao tiếp trực tiếp giữa CM-CC về nghỉ ngơi, giải trí (%)

Mức độ	Chia sẻ sở thích	Thảo luận thời gian giải trí chung	Thảo luận địa điểm giải trí chung	Thảo luận cách thức giải trí chung
Hầu như không	4,9	1,6	1,6	3,3
Ít khi	27,5	17,6	17,6	14,3
Thỉnh thoảng	54,4	48,4	48,4	58,2
Thường xuyên	10,4	30,2	30,2	22,5
Rất thường xuyên	2,7	2,2	1,6	1,6
Tổng	100,0	100,0	100,0	100,0

Bảng 2.31: Tổng hợp cách thức giao tiếp giữa CM-CC qua ĐTTM về nghỉ ngơi, giải trí (%)

Cách thức	Chia sẻ sở thích	Thảo luận thời gian giải trí chung	Thảo luận địa điểm giải trí chung	Thảo luận cách thức giải trí chung
Gọi điện	37,4	54,9	53,8	51,6
Nhắn tin	38,5	40,1	47,8	18,1
Qua mạng xã hội	35,7	41,2	38,5	48,4
Hình ảnh	11	14,8	1,6	3,8
Khác	9,3	2,7	3,3	3,8

Như vậy, có thể nói trong gia đình đô thị hiện nay, thời gian sinh hoạt gia đình thu hẹp dần, CM-CC trao đổi trực tiếp với nhau không thường xuyên. Tuy nhiên, khi phân tích sâu về các nội dung trao đổi, CM-CC trong gia đình đô thị vẫn ưu tiên dành thời gian để thể hiện tình cảm cùng nhau, đặc biệt là chia sẻ những niềm vui và hỗ trợ nhau khi gặp khó khăn trong cuộc sống. Về nội dung giáo dục, mặc dù chỉ là thỉnh thoảng mới trao đổi, nhưng cha mẹ vẫn chú ý đến kết quả học tập của con cái và thường xuyên hỏi han về điều này. Thời gian vui chơi, nghỉ ngơi, giải trí chung không có nhiều, nhưng khi có thể dành thời gian cho nhau thì CM-

CC cùng thảo luận từ sở thích, đến thời gian, địa điểm và cách thức giải trí cùng nhau. Ngoài ra, họ có sử dụng điện thoại để hỗ trợ việc trao đổi thông tin với nhau, có thể liên lạc để trao đổi với nhau về bất kỳ việc gì cần, bao gồm cả giáo dục, thể hiện tình cảm và thảo luận về việc nghỉ ngơi, giải trí cùng nhau. Ứng dụng được lựa chọn nhiều nhất đó là gọi điện thoại. Bên cạnh đó cũng không ít CM-CC sử dụng ứng dụng nhắn tin và thông qua các trang mạng xã hội để trao đổi thông tin với nhau. Nhất là việc trao đổi về giới tính, tình dục, cha mẹ thường thông qua các trang mạng xã hội để chia sẻ hình ảnh, thông tin cho con cái hiểu thêm, giảm bớt sự e ngại khi phải trao đổi trực tiếp. Mạng xã hội giúp cha mẹ giải đáp được những câu hỏi mà nếu không có hình ảnh minh họa thì rất khó khăn trong việc giải thích. Khi chia sẻ thông tin qua mạng xã hội, CM-CC ở các gia đình đô thị cũng chia sẻ và lưu giữ các thông tin, hình ảnh của các địa điểm vui chơi giải trí để khi cần đến, họ nhanh chóng thống nhất ý kiến và thực hiện việc vui chơi, nghỉ ngơi cùng nhau.

Hình ảnh chiếc ĐTTM đã xuất hiện và thể hiện sự hữu ích của nó không phải chỉ với từng cá nhân mà còn hữu ích đối với giao tiếp trong gia đình đô thị. Vậy thì mức độ ảnh hưởng của nó như thế nào, có những tác động tích cực và tiêu cực ra sao? Đề tài tiếp tục nghiên cứu và phân tích trong chương tiếp theo.

Chương 3:

THỰC TRẠNG SỬ DỤNG VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA ĐTTM ĐẾN GIAO TIẾP TRONG GIA ĐÌNH ĐÔ THỊ HIỆN NAY

3.1. Thực trạng sử dụng ĐTTM trong gia đình đô thị

Làn sóng ĐTTM nhanh chóng tràn vào Việt Nam. Không khó để nhận ra việc ĐTTM được phổ biến một cách nhanh chóng, nhất là tại các đô thị. Sự phổ biến nhanh chóng và rộng rãi này là do những chức năng thuận tiện và thật sự “thông minh” do chiếc điện thoại mang lại. Ngoài nghe gọi, nhắn tin, người dùng còn có thể dễ dàng tiếp cận thông tin, kiến thức khi lên các trang mạng, kiến thức dễ dàng được tiếp thu và chia sẻ; công cụ báo giờ, báo thức giúp người dùng không quên các lịch hẹn; người dùng còn có thể giải trí với các ứng dụng trò chơi (game), hay tán ngẫu với bạn bè,....

Có thể nói, sở hữu một chiếc ĐTTM là mang cả thế giới trong tầm tay. Tuy nhiên, không phải người dùng ĐTTM nào cũng sử dụng hết tính năng của nó. Mục đích và thời gian sử dụng ĐTTM của từng người là khác nhau. Đề tài này xem xét xem các bậc phụ huynh và các em học sinh dùng bao nhiêu thời gian trong ngày để sử dụng ĐTTM, mục đích sử dụng và các ứng dụng họ thường dùng.

3.1.1. Thời gian sử dụng điện thoại:

Trong mẫu gồm 182 người được phỏng vấn thì 100% có sử dụng điện thoại, trong đó 180 người sử dụng ĐTTM (98,9%) và 2 người sử dụng điện thoại thường (1,1%)

Mỗi người một ngày có 24 giờ: 8 giờ để ngủ, 8 giờ làm việc và 8 giờ để làm tất cả những việc còn lại bao gồm ăn uống, tắm giặt, gặp gỡ người thân trong gia đình, bạn bè, giải trí,.... Vậy thì thời gian dành cho ĐTTM là bao lâu và khi nào?

Theo kết quả khảo sát, thời gian sử dụng ĐTTM trong ngày được phân bố theo các tần suất như sau (xem bảng):

Bảng 3.1: Tổng thời gian sử dụng ĐTTM trong ngày

Tổng thời gian sử dụng (giờ)	N	%
1	5	2,7
2	21	11,5
3	25	13,7
4	34	18,7
5	16	8,8
6	25	13,7
7	26	14,3
8	25	13,7
9	3	1,6
16	1	0,5
24	1	0,5
Tổng	182	100,0

Theo như bảng tần suất trên thì TRUNG BÌNH một ngày một người dành 5 giờ để sử dụng ĐTTM.

Nếu chia theo hai nhóm tuổi (học sinh và phụ huynh) thì số thời gian trung bình sử dụng ĐTTM trong ngày là 6,6 h/ngày đối với học sinh nam; 6,8 h/ngày đối với học sinh nữ; 4,9 h/ngày đối với cha và 3,8 h/ngày đối với mẹ.

Bảng 3.2: Thời gian sử dụng ĐTTM trung bình một ngày phân theo giới tính và nhóm tuổi

	Giới tính	Học sinh (12-8 tuổi)	Phụ huynh (30-61 tuổi)
Trung bình số giờ sử dụng ĐTTM trong một ngày	Nam	6,6 h	4,9 h
	Nữ	6,8 h	3,8 h

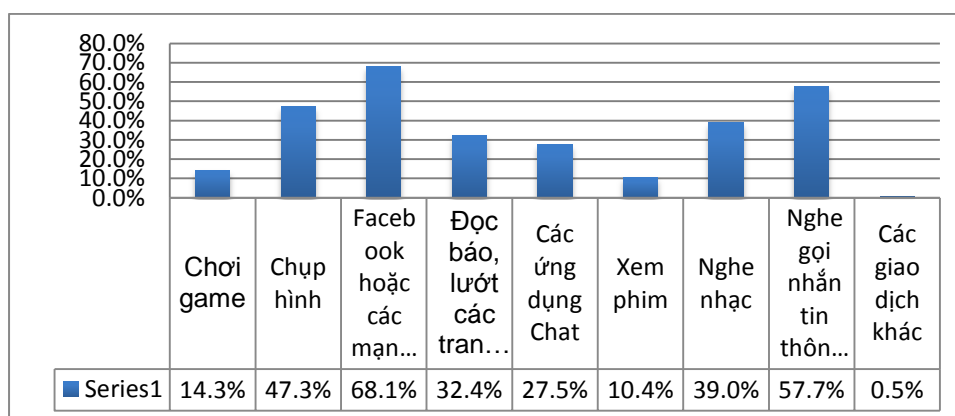
Như vậy, thời gian trung bình sử dụng điện thoại trong ngày thì con cái thì sử dụng nhiều hơn cha mẹ. Học sinh nữ thì dùng nhiều hơn học sinh nam, còn cha thì dùng nhiều hơn mẹ.

3.1.2. Các ứng dụng được sử dụng nhiều nhất:

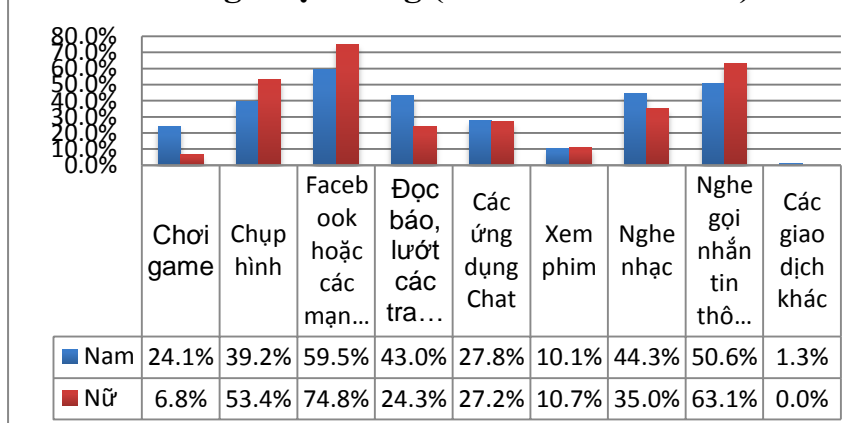
Trong các ứng dụng của ĐTTM thì 3 ứng dụng được người dùng sử dụng nhiều nhất là Facebook hoặc các trang mạng xã hội khác (chiếm 68,1%), nhắn tin, nghe gọi thông dụng (chiếm 57,7%), chụp hình (chiếm 47,3%).

Tiếp đến là các ứng dụng nghe nhạc (39%), đọc báo, lướt các trang thông tin (32,4%), các ứng dụng chat (27,5%), chơi game (14,3%), xem phim (10,4%), các ứng dụng khác chiếm 0,5%.

Bảng 3.3: Các ứng dụng của ĐTTM được sử dụng nhiều nhất



Bảng 3.4: Các ứng dụng của ĐTTM thường được dùng (so sánh nam và nữ)



Ta thấy có những điểm khác biệt giữa nam và nữ trong việc lựa chọn các ứng dụng thường được sử dụng của ĐTTM:

Nhìn vào bảng trên ta thấy tỷ lệ nam chơi game, đọc báo, nghe nhạc nhiều hơn nữ. Trong khi đó, tỷ lệ nữ chụp hình, facebook và nghe gọi thông dụng nhiều hơn nam. Tỷ lệ nam nữ sử dụng các ứng dụng chat và xem phim là tương ứng bằng nhau.

Khi phân chia theo hai nhóm phụ huynh và học sinh thì thấy: (xem bảng 3.5)

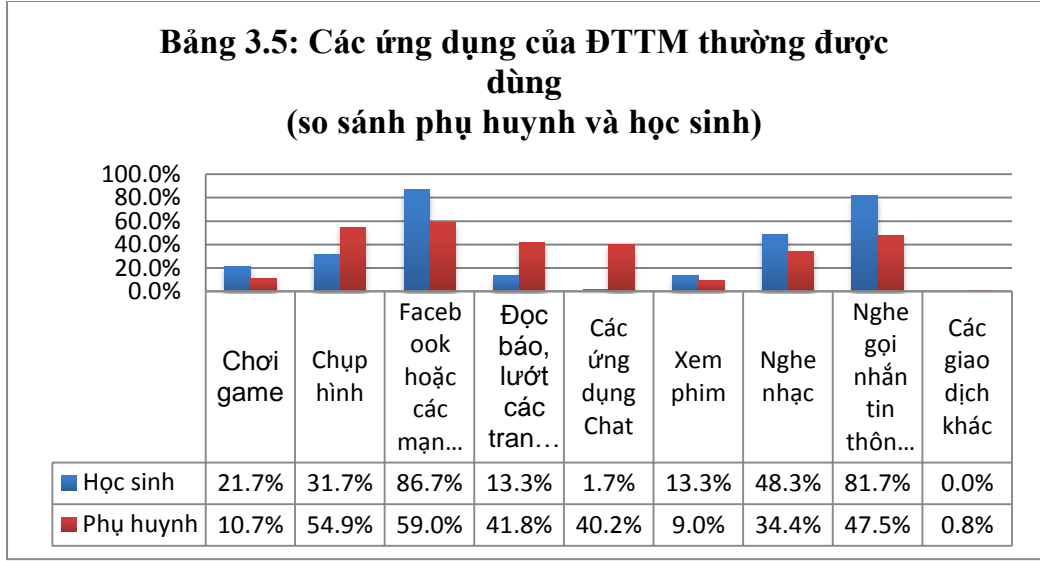
Ứng dụng game: học sinh chơi game nhiều hơn phụ huynh. Có 10,7% phụ huynh lựa chọn ứng dụng game hay dùng nhất, và 21,7% học sinh lựa chọn game là 1 trong 3 ứng dụng hay dùng nhất.

Ứng dụng chụp hình: phụ huynh dùng nhiều hơn học sinh. Có 54,9% phụ huynh lựa chọn chụp hình là 1 trong 3 ứng dụng hay dùng nhất, trong khi đó chỉ có 31,7% học sinh lựa chọn chụp hình là 1 trong 3 ứng dụng hay dùng. Điều này khác với suy nghĩ thông thường của mọi người là thường thấy các em học sinh hay chụp hình và đăng trên các mạng xã hội, nhưng với số liệu này thì có thể vì các em học sinh hay đăng tải hình của mình nên mọi người nghĩ ứng dụng này các em hay dùng hơn các bậc phụ huynh nhưng kết quả khảo sát thì các bậc phụ huynh lại dùng nhiều hơn, nhưng vì họ ít công khai hình nên ít ai nghĩ họ lại dùng ứng dụng này nhiều hơn con em của họ.

Ứng dụng facebook hoặc các mạng xã hội: học sinh dùng nhiều hơn phụ huynh. Có 59% phụ huynh lựa chọn là 1 trong 3 ứng dụng thường dùng nhất, trong khi đó có tới 86,7% học sinh lựa chọn là 1 trong 3 ứng dụng thường dùng nhất.

Ứng dụng đọc báo – lướt các trang thông tin: phụ huynh dùng nhiều hơn học sinh. Phụ huynh có nhu cầu tìm kiếm thông tin nhiều hơn học sinh nên có đến 41,8% phụ huynh lựa chọn ứng dụng đọc báo – lướt các trang thông tin là 1 trong 3 ứng dụng hay dùng nhất, trong khi đó chỉ có 13,3% học sinh lựa chọn ứng dụng này là 1 trong 3 ứng dụng hay dùng.

Ứng dụng chat (Viber, Zalo,...): 40,2% phụ huynh lựa chọn ứng dụng này là 1 trong 3 ứng dụng hay dùng nhất, chỉ có 1,7% học sinh lựa chọn ứng dụng này là 1 trong 3 ứng dụng hay dùng nhất



Ứng dụng xem phim: học sinh dùng nhiều hơn phụ huynh: 9% phụ huynh lựa chọn ứng dụng này là 1 trong 3 ứng dụng hay dùng nhất và 13,3% học sinh lựa chọn ứng dụng này là 1 trong 3 ứng dụng hay dùng nhất.

Ứng dụng nghe nhạc: học sinh lựa chọn nhiều hơn phụ huynh. 48,3% phụ huynh lựa chọn ứng dụng này là 1 trong 3 ứng dụng hay dùng nhất và 34,4% học sinh lựa chọn ứng dụng này là 1 trong 3 ứng dụng hay dùng nhất.

Nhắn tin, nghe gọi thông dụng: trong khi các ứng dụng chat miễn phí được các bậc phụ huynh ưa dùng hơn thì học sinh lại lựa chọn nhắn tin, nghe gọi thông dụng nhiều hơn. Có đến 81,7% học sinh lựa chọn nhắn tin, nghe gọi thông dụng là ứng dụng hay dùng, số phần trăm của phụ huynh là 47,5%. Liệu điều này có thể giải thích là ai làm ra tiền nhiều hơn thì biết tiết kiệm hơn?

Ta có thể thấy 3 ứng dụng mà phụ huynh lựa chọn nhiều nhất là: chụp hình, facebook (các mạng xã hội) và nhắn tin, nghe gọi thông dụng; 3 ứng dụng mà học sinh lựa chọn nhiều nhất là: facebook (các mạng xã hội), nhắn tin, nghe gọi thông dụng và nghe nhạc.

3.1.3. Mục đích sử dụng ĐTTM

Kết quả khảo sát cho thấy, có 88,5% trả lời sử dụng điện thoại cho mục đích giải trí, 78% dùng điện thoại để thăm hỏi người khác, 42,9% dành cho mục đích học tập, 17,6% dành cho mục đích làm việc và 5,5% dành cho mục đích khác.

Bảng 3.6: Mục đích sử dụng ĐTTM phân theo giới tính và nhóm tuổi

Mục đích sử dụng	TỔNG		Độ tuổi 12 - 18 (Học sinh)				Độ tuổi 30 - 61 (Phụ huynh)			
			Nam		Nữ		Nam		Nữ	
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%
Làm việc	32	17,6	1	1,7	0	0	20	16,4	11	9,01
Học tập	78	42,9	16	26,7	39	65	9	7,4	14	11,5
Giải trí	161	88,5	19	31,7	43	71,7	49	40,2	50	41
Thăm hỏi mọi người	142	78	12	20	34	56,7	50	41	46	37,7
Khác	11	6	0	0	0	0	7	5,7	4	3,3

So sánh hai nhóm phụ huynh và học sinh ta thấy có chút khác biệt trong thứ tự các mục đích sử dụng điện thoại của học sinh và phụ huynh. Các em học sinh, cả nam và nữ đều có mục đích sử dụng điện thoại theo thứ tự được lựa chọn nhiều nhất đến ít nhất là: Giải trí, học tập, thăm hỏi mọi người, làm việc và mục đích khác. Người cha thì chọn các mục đích theo thứ tự: Thăm hỏi mọi người, giải trí, làm việc, học tập và mục đích khác, người mẹ thì chọn các mục đích sử dụng điện thoại theo thứ tự từ nhiều nhất đến ít nhất là: Giải trí, thăm hỏi mọi người, học tập, làm việc và mục đích khác

3.1.4. Thời gian thường sử dụng ĐTTM nhất:

Thời gian thường sử dụng điện thoại trong ngày nhất của những người được hỏi (bao gồm cả phụ huynh và học sinh) là bất cứ lúc nào (66,5%), sau giờ làm việc – học tập (28%), lúc nghỉ trưa 4,4%, lúc làm việc – học tập 1,1%. (xem bảng 3.7)

Bảng 3.7: Thời gian thường sử dụng ĐTTM nhất phân theo giới tính và nhóm tuổi

Thời gian thường sử dụng điện thoại nhất	TỔNG		Độ tuổi 12 - 18 (Học sinh)				Độ tuổi 30 - 61 (Phụ huynh)			
			Nam		Nữ		Nam		Nữ	
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%
Lúc làm việc - học tập	2	1,1	0	0	0	0	1	0,8	1	0,8
Lúc nghỉ trưa	8	4,4	1	1,7	5	8,3	2	1,6	0	0
Sau giờ làm việc - học tập	51	28	12	20	26	43,3	10	8,2	3	2,5
Bất cứ lúc nào	121	66,5	6	10	12	20	47	38,5	56	46
Khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Khi phân tích theo nhóm tuổi (phụ huynh và học sinh) thì ta thấy, thời gian mà các em học sinh thường sử dụng điện thoại nhất là sau giờ học tập, còn phụ huynh thì sử dụng điện thoại bất cứ lúc nào. Các em học sinh không thể sử dụng điện trong giờ học trên trường, đây cũng chính là thời gian không chế việc sử dụng điện thoại của các em, còn phụ huynh thì dù đang làm việc hay nghỉ ngơi thì cũng có thể sử dụng điện thoại tùy ý. Tuy nhiên, khi so sánh với tổng số giờ trung bình sử dụng trong ngày thì ta thấy, dù các em học sinh có bị hạn chế thời gian thì sau giờ học các em sử dụng điện thoại rất nhiều (gần 7h/ngày), trong khi các bậc phụ huynh thoải mái giờ giấc sử dụng điện thoại thì cũng chỉ dùng 4-5 giờ/ngày.

3.2. Ảnh hưởng của ĐTTM tới giao tiếp trong gia đình đô thị hiện nay.

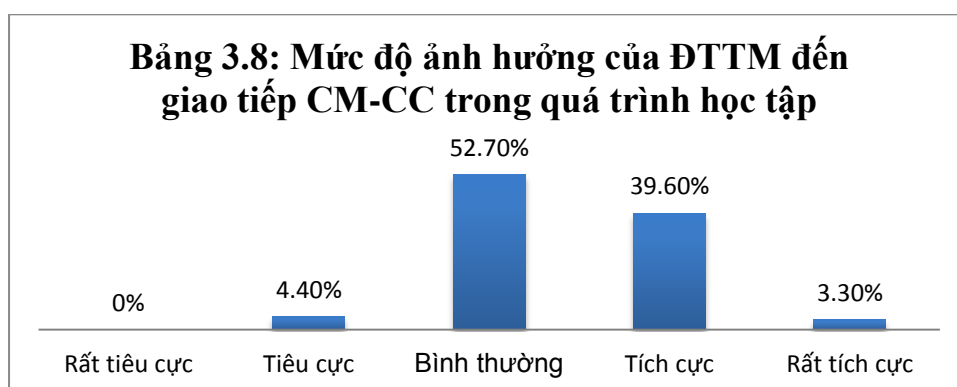
ĐTTM, ngoài những lợi ích mà nó mang lại cho người sử dụng, nó cũng gây ra không ít ảnh hưởng nếu người sử dụng không biết kiểm soát. Việc sử dụng ĐTTM quá nhiều gây ra ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe của con người như các bệnh về xương khớp; hay ảnh hưởng đến nhu cầu tình dục của các cặp vợ chồng; đối với trẻ em, nếu tiếp xúc với ĐTTM quá sớm và quá nhiều sẽ ảnh hưởng đến não bộ và chậm phát triển về ngôn ngữ,...

Ở đây, đề tài nghiên cứu ĐTTM có ảnh hưởng như thế nào đến việc giao tiếp của CM-CC về các nội dung giáo dục, tình cảm và nghỉ ngơi, giải trí chứ không nghiên cứu tác động của ĐTTM tới các quá trình giáo dục, thể hiện tình cảm hay nghỉ ngơi giải trí một cách trực tiếp.

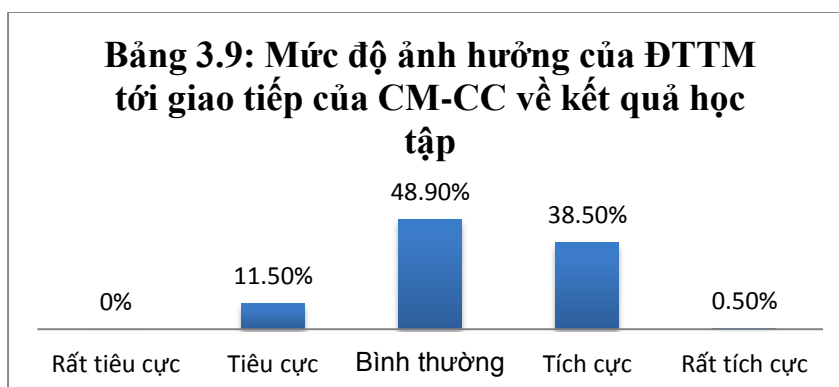
3.2.1. Ảnh hưởng của ĐTTM tới giao tiếp giữa CM-CC có nội dung giáo dục

Khi được hỏi ĐTTM ảnh hưởng như thế nào tới việc trao đổi giữa cha mẹ - và con cái trong quá trình học tập của con cái thì có 52,7% ý kiến trả lời là “bình thường”, 39,6% trả lời là có tác động tích cực, 4,4% trả lời là có tác động tiêu cực và 3,3% trả lời là có tác động tích cực.

Như vậy, có đến 92,3% cho rằng ĐTTM có tác động bình thường hoặc tích cực đối với giao tiếp của CM-CC trong quá trình học tập của con. Tuy nhiên, theo phân tích ở trên, ứng dụng mà ĐTTM hỗ trợ tích cực ở đây chủ yếu là gọi điện thoại. Điều này rõ ràng chỉ ra rằng ngay cả điện thoại thường cũng làm được việc này, tác động của ĐTTM là chưa lớn.

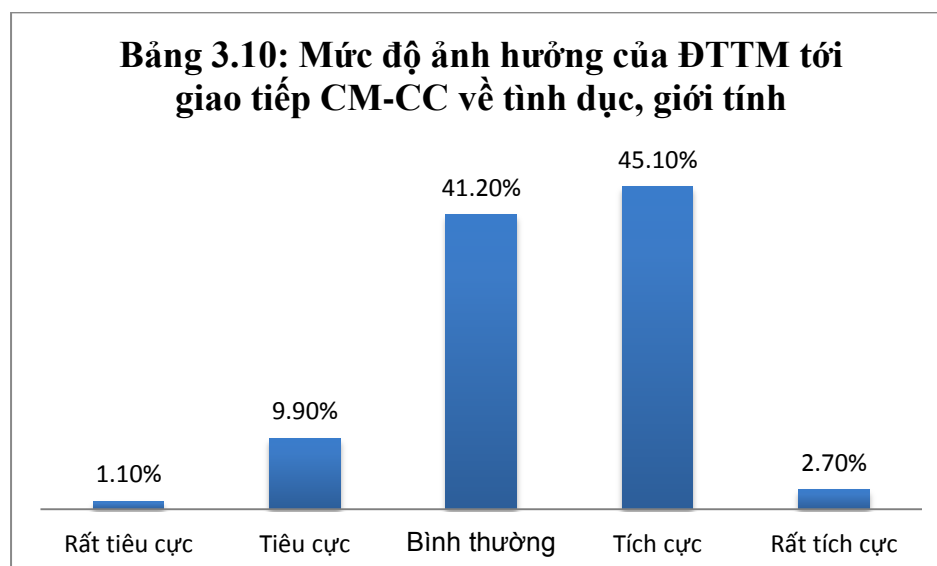


Theo kết quả khảo sát, ảnh hưởng của ĐTTM đến giao tiếp giữa CM-CC về kết quả học tập nhận được nhiều ý kiến trả lời là “bình thường” (48,9%), một lượng lớn ý kiến chiếm 38,5% thì thấy ĐTTM có tác động tích cực về việc trao đổi kết quả học tập của con cái. 11,5% ý kiến cho rằng có tác động tiêu cực và 0,5% cho là có tác động rất tích cực.



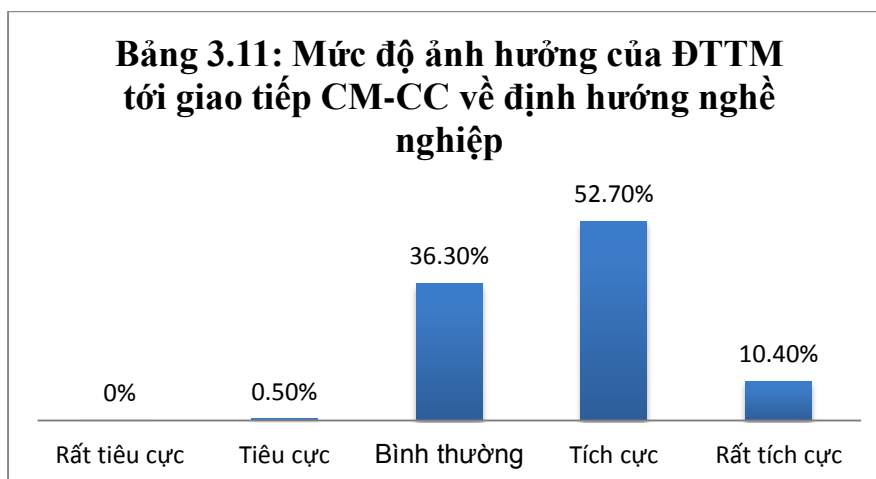
Cách thức lựa chọn nhiều nhất thông qua điện thoại để trao đổi về kết quả học tập là nhắn tin, kế đến là gọi điện thoại. Có vẻ như ta vẫn chưa thấy có sự khác biệt trong ảnh hưởng của điện thoại thường và ĐTTM tới giao tiếp trong gia đình. Tuy nhiên, ở đây, tỷ lệ trao đổi thông tin qua các trang mạng xã hội có tăng lên. Trong khi trao đổi về quá trình học tập thông qua các trang mạng xã hội chiếm tỷ lệ 12,1% thì trao đổi về kết quả học tập chiếm tỷ lệ là 17%, tăng hơn gần 5% (xem bảng)

Về vấn đề giới tính, tình dục, vấn đề được cho là nhạy cảm này được người trả lời rằng ĐTTM có tác động tích cực đến giao tiếp giữa CM-CC, 2,7% trả lời là rất tích cực, có đến 45,1% câu trả lời là có tác động tích cực, 41,2% trả lời là bình thường, 9,9% trả lời là có tác động tiêu cực, và 1,1% trả lời là rất tiêu cực.



Như trên đã phân tích, có tới 68,7% người trả lời chọn cách thức trao đổi thông tin về giới tính, tình dục qua các trang mạng xã hội, Ở đây, ảnh hưởng của ĐTTM được nhìn thấy rõ ràng hơn. Điều này điện thoại thường không thể làm được.

Giao tiếp giữa CM-CC về định hướng nghề nghiệp thì 52,7% ý kiến cho rằng ĐTTM có tác động tích cực, 36,3% ý kiến cho là bình thường, 10,4% ý kiến là có tác động rất tích cực và 0,5% ý kiến là có ảnh hưởng tiêu cực, không có ý kiến nào cho là có tác động rất tiêu cực.



Cũng như vấn đề giáo dục, giới tính, cách thức lựa chọn nhiều nhất của CM-CC để trao đổi về định hướng nghề nghiệp thông qua điện thoại là “mạng xã hội” vì nó mang lại sự thuận tiện. Ở đây cũng đã thể hiện được mức độ tác động tích cực của ĐTTM.

Bảng 3.12: Tổng hợp mức độ ảnh hưởng của ĐTTM tới giao tiếp của CM-CC có nội dung giáo dục

Giao tiếp	Mức độ ảnh hưởng của ĐTTM cao nhất	Cách thức hay dùng nhất qua ĐTTM	Tỷ lệ giao tiếp qua mạng XH (%)
Quá trình học tập	Bình thường	Gọi điện thoại	12,1
Kết quả học tập	Bình thường	Nhắn tin	17
Giới tính, tình dục	Tích cực	Mạng xã hội	68,7
Định hướng nghề nghiệp	Tích cực	Mạng xã hội	51,6

Tóm lại, giao tiếp giữa CM – CC có nội dung giáo dục, đa phần người trả lời cho rằng ĐTTM không có tác động tích cực hay tiêu cực rõ ràng đối với giao tiếp giữa CM-CC, mức độ tác động là “bình thường”. Chỉ đáng chú ý ở vấn đề giới tính, tình dục và định hướng nghề nghiệp thì ĐTTM mới thể hiện rõ nó có tác động

tích cực tới việc trao đổi của CM-CC. Nó giúp CM-CC vẫn có thể trao đổi với nhau, vượt qua ngại ngùng khi phải nói chuyện trực tiếp về vấn đề giới tính, tình dục, và giúp cho cha mẹ thuận lợi khi gửi những bài viết, hình ảnh để hướng nghiệp cho con thông qua các bài viết có sẵn nhờ các trang mạng xã hội trên internet.

Theo như lý thuyết quyết định luận kỹ thuật, các giác quan của CM-CC thật sự đã được nối dài, phá vỡ bức màn ngại ngùng của cha mẹ khi nói về chủ đề giới tính, tình dục, giúp cho các con có thể tiếp nhận những tri thức mới. Khi thảo luận về định hướng nghề nghiệp, khả năng thuyết phục của cả đôi bên cũng cao hơn khi chia sẻ với nhau được những hình ảnh, bài viết, chứng minh cho ý kiến, quan điểm của mình.

3.2.2. Ảnh hưởng của ĐTTM tới giao tiếp giữa CM-CC trong lĩnh vực tình cảm

Kết quả khảo sát cho thấy hơn một nửa ý kiến cho rằng ĐTTM không có ảnh hưởng gì nhiều đến giao tiếp giữa CM-CC khi chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống (51,1%). Tuy nhiên, khi so sánh hai nhóm phụ huynh và học sinh thì đa phần ý kiến của các em học sinh cho rằng ĐTTM có ảnh hưởng tích cực đến giao tiếp của chúng với cha mẹ (83,3% đối với học sinh nam và 76,2% đối với nữ), còn phụ huynh thì lại nói rằng ĐTTM không có tác động gì nhiều, mức độ tác động chỉ là “bình thường (73,8% đối với cha và 62,3% đối với mẹ).

Ở đây, có thể hiểu là việc cha mẹ sử dụng điện thoại là rất bình thường, trước đây hay bây giờ thì cha mẹ cũng đã dùng điện thoại rồi. Còn con cái, quyền sử dụng điện thoại của chúng là do cha mẹ quyết định nên chúng có thể hiểu rõ giá trị khi sử dụng điện thoại là như thế nào, nhất là còn được dùng ĐTTM. Trước khi sử dụng điện thoại, nếu các em cần chia sẻ những khó khăn, các em cần phải gặp cha mẹ để trao đổi, còn bây giờ thì bất kỳ lúc nào các em cần cũng có thể gọi điện để chia sẻ khó khăn mà mình có với cha mẹ ngay.

“Em thấy có điện thoại rất là tiện. Có việc gì là em báo về nhà được liền, chẳng hạn như xin về trễ để đi uống nước với tụi bạn sau giờ học một chút. Hay khi trên đường về em bị thủng vỏ xe thì em cũng báo cho ba mẹ biết mà an tâm hoặc là em nhờ ba ra đón em về luôn” (nữ, 13t, học sinh)

Bảng 3.13: Mức độ ảnh hưởng của ĐTTM tới giao tiếp CM-CC khi chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống

Mức độ ảnh hưởng của ĐTTM	TỔNG		Độ tuổi 12 - 18 (Sinh viên - Học sinh)				Độ tuổi 30 - 61 (Phụ huynh)			
			Nam		Nữ		Nam		Nữ	
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%
Rất tiêu cực	1	0,5	0	0	0	0	1	1,64	0	0
Tiêu cực	6	3,3	0	0	2	4,8	4	6,6	0	0
Bình thường	93	51,1	2	11,1	8	19	45	73,8	38	62,3
Tích cực	80	44,0	15	83,3	32	76,2	11	18	22	36,1
Rất tích cực	2	1,1	1	5,6	0	0	0	0	1	1,64

Xét đến cách thức sử dụng điện thoại để chia sẻ với nhau những khó khăn trong cuộc sống như ở phần trên, thì ta thấy ứng dụng con cái thường dùng nhất là gọi điện thoại, tỷ lệ chia sẻ qua mạng xã hội thấp. Cha mẹ cũng dùng cách gọi điện và nhắn tin, nhưng có tỷ lệ chia sẻ qua mạng xã hội cao hơn các con. Nghĩa là ở đây, ảnh hưởng của ĐTTM chưa có nét rõ rệt. Các em học sinh cho rằng nó có tác động tích cực là do các em đang so sánh trước và sau khi các em được dùng điện thoại, không phân biệt ĐTTM hay điện thoại thường (xem bảng).

Về mức độ ảnh hưởng của ĐTTM đến giao tiếp giữa CM-CC khi chia sẻ những niềm vui trong cuộc sống, có tới 63,7% ý kiến cho rằng có ảnh hưởng tích cực, 26,8% ý kiến thì cho là ĐTTM không có tác động gì, 7,1% ý kiến là tích cực và chỉ có 0,5% cho rằng ĐTTM có ảnh hưởng tiêu cực tới việc CM-CC chia sẻ niềm vui trong cuộc sống với nhau.

Bảng 3.14: Mức độ ảnh hưởng của ĐTTM đến giao tiếp giữa CM-CC khi chia sẻ những niềm vui trong cuộc sống

Mức độ ảnh hưởng của ĐTTM	TỔNG		Độ tuổi 12 - 18 (Học sinh)				Độ tuổi 30 - 61 (Phụ huynh)				
			Nam		Nữ		Nam		Nữ		
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%	
Rất tiêu cực	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tiêu cực	1	0,5	0	0	0	0	0	0	1	1,64	
Bình thường	52	28,6	0	0	2	4,8	35	57,4	15	24,6	
Tích cực	116	63,7	17	94,4	32	76,2	24	39,3	43	70,5	
Rất tích cực	13	7,1	1	5,6	8	19	2	3,3	2	3,3	

Xét về cách thức sử dụng điện thoại để giao tiếp về vấn đề này, ứng dụng được cả phụ huynh và học sinh sử dụng nhiều nhất là gọi điện thoại. Tuy nhiên, ở việc chia sẻ niềm vui qua mạng xã hội ta thấy có cao hơn nhiều so với việc chia sẻ những khó khăn qua mạng xã hội (xem bảng 3.16). Chứng tỏ khi chia sẻ niềm vui, cả phụ huynh và học sinh cảm thấy ĐTTM có hỗ trợ nhiều hơn nên được đánh giá mức độ ảnh hưởng là tích cực.

Về việc hỗ trợ lẫn nhau khi gặp khó khăn trong cuộc sống, ảnh hưởng của ĐTTM cũng được đánh giá là tích cực (56%), trong khi đó có 34,6% cho là mức độ ảnh hưởng là bình thường, 8,2% ý kiến đánh giá là tích cực và 1,1% đánh giá mức độ ảnh hưởng là tiêu cực.

Bảng 3.15: Ảnh hưởng của ĐTTM đến giao tiếp giữa CM-CC khi hỗ trợ lẫn nhau lúc gặp khó khăn trong cuộc sống

Mức độ ảnh hưởng của ĐTTM	TỔNG		Độ tuổi 12 - 18 (Học sinh)				Độ tuổi 30 - 61 (Phụ huynh)				
			Nam		Nữ		Nam		Nữ		
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%	
Rất tiêu cực	0	,0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tiêu cực	2	1,1	0	0	0	0	2	3,3	0	0	0
Bình thường	63	34,6	1	5,6	7	16,7	26	42,6	29	47,5	47,5
Tích cực	102	56,0	16	88,8	34	81	25	41	27	44,3	44,3
Rất tích cực	15	8,2	1	1,6	1	1,6	8	6,4	5	4	4

Khi phân chia theo nhóm phụ huynh và học sinh, thì ta thấy đa phần các em học sinh đánh giá ĐTTM có ảnh hưởng tích cực đến giao tiếp của chúng với cha mẹ khi hỗ trợ nhau những khó khăn trong cuộc sống. Còn cha mẹ thì có gần một nửa đánh giá mức độ ảnh hưởng của ĐTTM là bình thường (42,6% đối với cha và 47,5% đối với mẹ), một số khác thì đánh giá ĐTTM có tác động tích cực (41% đối với cha và 44,3% đối với mẹ).

Như phân tích ở trên, khi giao tiếp qua điện thoại để hỗ trợ nhau khi gặp khó khăn, cách thức thường được dùng nhất là gọi điện thoại, tỷ lệ sử dụng ứng dụng mạng xã hội thấp (xem bảng 3.16). Có nghĩa là mặt ảnh hưởng tích cực của ĐTTM tới giao tiếp giữa CM-CC về vấn đề này cũng không khác gì ảnh hưởng của điện thoại thường. Mức độ đánh giá tích cực ở đây chính là đánh giá cao ứng dụng nghe gọi thông dụng.

Bảng 3.16: Tổng hợp mức độ ảnh hưởng của ĐTTM đến giao tiếp của CM-CC về tình cảm

Giao tiếp	Mức độ ảnh hưởng của ĐTTM cao nhất	Cách thức hay dùng nhất qua ĐTTM	Tỷ lệ giao tiếp qua mạng XH (%)
Chia sẻ khó khăn trong cuộc sống	Bình thường	Gọi điện thoại	22,5
Chia sẻ niềm vui trong cuộc sống	Tích cực	Gọi điện thoại	36,8
Hỗ trợ lẫn nhau khi gặp khó khăn	Tích cực	Gọi điện thoại	18,7

Không đâu các cá nhân được đáp ứng các nhu cầu trực tiếp, thường xuyên, hàng ngày và vô điều kiện như ở trong gia đình. Người mang sự chăm sóc và chia sẻ đến đến các thành viên khác trong gia đình được thúc đẩy bởi tình yêu thương, chủ nghĩa nhân ái và chuẩn mực xã hội về bổn phận và nghĩa vụ. Còn những người nhận sự chăm sóc sẽ cảm nhận được sự quan tâm, lòng biết ơn và mong muốn đền đáp công ơn đó [29, tr.129].

Như vậy, nhìn chung kết quả khảo sát chỉ ra ĐTTM có ảnh hưởng tích cực đến giao tiếp giữa CM-CC về tình cảm. Cũng như chức năng của điện thoại thường, ĐTTM giúp CM và CC chia sẻ niềm vui cũng như khó khăn, hỗ trợ nhau kịp thời. Mặc dù không luôn ở gần bên nhau nhưng chỉ cần một cuộc điện thoại, các thành viên trong gia đình có thể biết được cha mẹ hoặc con cái của mình có gì vui hay gặp phải khó khăn gì. Ngoài ra, khi các thành viên của mình không trực tiếp chia sẻ với mình thì thông qua mạng xã hội, cha mẹ hay con cái cũng biết các thành viên trong gia đình đang có tâm trạng như thế nào, có cần hỗ trợ hay không. Ứng dụng chia sẻ qua mạng xã hội được các thành viên trong gia đình sử dụng nhiều hơn khi cần chia sẻ những niềm vui trong cuộc sống so với việc chia sẻ những khó khăn.

Có thể nói, ĐTTM cũng đã góp phần cho gia đình đô thị thực hiện chức năng gắn bó với nhau về tình cảm, làm thoả mãn nhu cầu tình cảm cho các thành

viên gia đình, giúp thành viên gia đình luôn có sự cân bằng về tâm lý, tình cảm, cũng có sự bền vững của gia đình đô thị.

3.2.3. Ảnh hưởng của ĐTTM tới giao tiếp giữa CM-CC trong lĩnh vực nghỉ ngơi, giải trí

Đánh giá về mức độ ảnh hưởng của ĐTTM khi chia sẻ sở thích, hơn một nửa người tham gia khảo sát (bao gồm cả phụ huynh và học sinh) cho là ĐTTM không ảnh hưởng gì nhiều, mức độ là bình thường (54,4%), gần một nửa cho là ĐTTM có ảnh hưởng tích cực (42,3%), chỉ có 0,5% đánh giá mức độ ảnh hưởng là rất tích cực, 2,2% đánh giá mức độ ảnh hưởng là tiêu cực và 0,5% đánh giá rất tiêu cực.

Bảng 3.17: Ảnh hưởng của ĐTTM đến giao tiếp giữa CM-CC khi chia sẻ sở thích

Mức độ ảnh hưởng của ĐTTM	TỔNG		Độ tuổi 12 - 18 (Học sinh)				Độ tuổi 30 - 61 (Phụ huynh)			
			Nam		Nữ		Nam		Nữ	
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%
Rất tiêu cực	1	0,5	0	0	0	0	0	0	1	1,64
Tiêu cực	4	2,2	0	0	2	4,8	1	1,64	1	1,64
Bình thường	98	54,4	10	55,6	18	42,9	43	70,5	27	44,3
Tích cực	77	42,3	8	44,4	22	52,4	17	27,9	31	50,8
Rất tích cực	1	0,5	0	0	0	0	0	0	1	1,64

Khi phân theo nhóm phụ huynh và học sinh, đồng thời phân theo giới tính, ta thấy đa phần mẹ và học sinh nữ đánh giá mức độ ảnh hưởng là tích cực, trong khi cha và học sinh nam đánh giá mức độ ảnh hưởng là bình thường.

Xét về cách thức sử dụng ĐTTM để chia sẻ sở thích, tỷ lệ lựa chọn cách thức nhắn tin (cao nhất) là 38,5%, trong khi đó chia sẻ sở thích qua mạng xã hội là

35,7%, sự chênh lệch không cao, nghĩa là sự ảnh hưởng của ĐTTM cũng đã thể hiện được ý nghĩa của nó.

Đánh giá về mức độ ảnh hưởng của ĐTTM đến giao tiếp giữa CM-CC khi thảo luận về địa điểm giải trí, hơn một nửa ý kiến đánh giá là có ảnh hưởng tích cực (52,7%), mức độ ảnh hưởng bình thường được đánh giá thấp hơn với tỷ lệ 39,6%, còn lại 6% ý kiến đánh giá mức độ ảnh hưởng là rất tích cực và không có ý kiến đánh giá là rất tiêu cực.

Bảng 3.18: Ảnh hưởng của ĐTTM đến giao tiếp giữa CM-CC khi thảo luận về địa điểm giải trí chung

Mức độ ảnh hưởng của ĐTTM	TỔNG		Độ tuổi 12 - 18 (Học sinh)				Độ tuổi 30 - 61 (Phụ huynh)			
			Nam		Nữ		Nam		Nữ	
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%
Rất tiêu cực	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tiêu cực	3	1,6	0	0	2	4,8	0	0	1	1,64
Bình thường	72	39,6	11	61,1	14	33,3	26	42,6	21	34,4
Tích cực	96	52,7	7	38,9	25	59,5	28	45,9	36	59
Rất tích cực	11	6,0	0	0%	1	2,4	7	11,5	3	4,9

Như đã phân tích, cách thức sử dụng điện thoại khi thảo luận địa điểm giải trí chung thì đa phần phụ huynh và học sinh gọi điện thoại cho nhau (53,8%), tỷ lệ họ thảo luận thông qua mạng xã hội cũng không phải là thấp (41,2%). Như vậy, ĐTTM cũng đã thể hiện được vai trò của nó trong việc hỗ trợ giao tiếp giữa CM-CC khi thảo luận về địa điểm giải trí chung.

Đánh giá về mức độ ảnh hưởng của ĐTTM đến giao tiếp giữa CM-CC khi thảo luận về thời gian giải trí chung, 55,5% đánh giá là có ảnh hưởng tích cực,

39,6% đánh giá là bình thường, 4,9% đánh giá là rất tích cực. Không có đánh giá nào là tiêu cực hay rất tiêu cực.

Bảng 3.19: Ảnh hưởng của ĐTTM đến giao tiếp giữa CM-CC khi thảo luận về thời gian giải trí chung

Mức độ ảnh hưởng của ĐTTM	TỔNG		Độ tuổi 12 - 18 (Học sinh)				Độ tuổi 30 - 61 (Phụ huynh)				
			Nam		Nữ		Nam		Nữ		
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%	
Rất tiêu cực	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tiêu cực	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Bình thường	72	39,6	10	55,6	13	31	25	41	24	39,3	
Tích cực	101	55,5	8	44,4	29	69	30	49,2	34	55,8	
Rất tích cực	9	4,9	0	0	0	0	6	9,8	3	4,9	

Khi phân nhóm phụ huynh và học sinh, đồng thời phân chia theo giới tính thì ta thấy chỉ học sinh nữ và các bậc phụ huynh (cả cha lẫn mẹ) đa phần đều đánh giá là ĐTTM có ảnh hưởng tích cực, riêng học sinh nam đánh giá là bình thường.

Về cách thức sử dụng ĐTTM đã phân tích khi thảo luận về thời gian giải trí chung, cả phụ huynh và học sinh đều thường dùng cách gọi điện thoại, tuy nhiên tỷ lệ thảo luận thông qua mạng xã hội cũng không thấp (38,5%). Nghĩa là ĐTTM có hỗ trợ tích cực, thể hiện được sự khác biệt của nó so với điện thoại thường.

Đánh giá về mức độ ảnh hưởng của ĐTTM tới giao tiếp của CM-CC khi thảo luận về cách thức giải trí chung thì hơn một nửa ý kiến đánh giá là có ảnh hưởng tích cực (57,1%), 40,1% ý kiến đánh giá là không có ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực mà chỉ ở mức độ bình thường, 2,2% ý kiến cho là có ảnh hưởng rất tích cực và 0,5% cho là tiêu cực. Không có ý kiến nào đánh giá là rất tiêu cực.

Bảng 3.20: Ảnh hưởng của ĐTTM đến giao tiếp giữa CM-CC khi thảo luận về cách thức giải trí chung

Mức độ ảnh hưởng của ĐTTM	TỔNG		Độ tuổi 12 - 18 (Học sinh)				Độ tuổi 30 - 61 (Phụ huynh)			
			Nam		Nữ		Nam		Nữ	
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%
Rất tiêu cực	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tiêu cực	1	0,5	0	0	0	0	0	0	1	1,64
Bình thường	73	40,1	10	55,6	16	38,1 %	27	44,3	20	32,8
Tích cực	104	57,1	8	44,4	26	61,9	30	49,1	40	65,6
Rất tích cực	4	2,2	0	0	0	0	4	6,6	0	0

Khi phân nhóm phụ huynh và học sinh, đồng thời phân theo giới tính thì ta thấy các em học sinh chỉ đánh giá ở hai mức độ bình thường và tích cực. Đa phần học sinh nữ đánh giá là tích cực, đa phần học sinh nam đánh giá là bình thường. Trong khi đó cha thì đánh giá ở 3 mức độ, từ bình thường tới rất tích cực, (cao nhất là tích cực – 49,1%), còn mẹ thì đánh giá ở 3 mức độ tiêu cực tới tích cực (cao nhất là tích cực – 65,6%).

Cách thức sử dụng ĐTTM khi thảo luận về cách thức giải trí chung mà đa phần phụ huynh và học sinh dùng là gọi điện thoại (51,6%), tỷ lệ trao đổi qua mạng xã hội cũng khác cao (48,4%). Có vẻ ứng dụng mạng xã hội của ĐTTM đã phát huy tích cực vai trò của mình để hỗ trợ cho phụ huynh và học sinh thảo luận về cách thức giải trí chung.

Bảng 3.21: Tổng hợp mức độ ảnh hưởng của ĐTTM đến giao tiếp của CM-CC về nghỉ ngơi, giải trí

Giao tiếp	Mức độ ảnh hưởng của ĐTTM cao nhất	Cách thức thường hay dùng nhất thông qua ĐTTM	Tỷ lệ giao tiếp qua mạng XH (%)
Chia sẻ sở thích	Bình thường	Nhắn tin	35,7
Thảo luận địa điểm giải trí chung	Tích cực	Gọi điện thoại	38,5
Thảo luận thời gian giải trí chung	Tích cực	Gọi điện thoại	41,2
Thảo luận cách thức giải trí chung	Tích cực	Gọi điện thoại	48,4

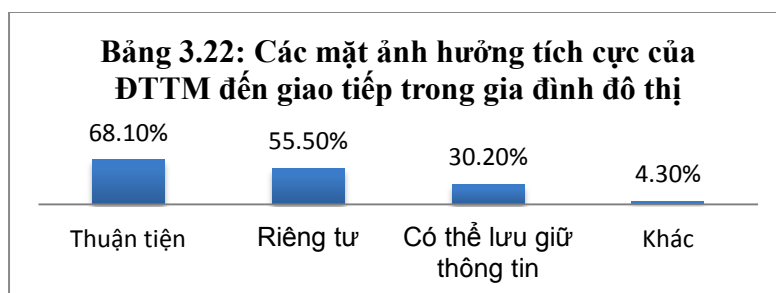
Như vậy, có thể nói, đối với giao tiếp giữa CM-CC về nội dung nghỉ ngơi, giải trí, ĐTTM có tác động tích cực. Nó giúp cho phụ huynh và học sinh chia sẻ với nhau những sở thích và thảo luận về địa điểm vui chơi một cách sống động và cụ thể hơn khi có thể chia sẻ những thông tin, hình ảnh rõ ràng. Bên cạnh việc thảo luận thời gian giải trí và cách thức giải trí cũng được đi đến ý kiến thống nhất nhanh chóng mặc dù các thành viên không có nhiều thời gian để ngồi lại tụ họp nhưng có thể gọi điện thoại hoặc gửi thông tin qua mạng xã hội.

3.2.4. Các ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của ĐTTM tới giao tiếp của gia đình đô thị.

Như phân tích ở trên, việc sử dụng ĐTTM có những ảnh hưởng nhất định đến giao tiếp giữa CM-CC trong gia đình đô thị. Ở phần này, đề tài nghiên cứu những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực đó cụ thể là gì.

3.2.4.1. Ảnh hưởng tích cực của ĐTTM tới giao tiếp của gia đình đô thị

Đối với các em học sinh nhóm tuổi 12-18, quan hệ với cha mẹ không còn mang tính chất “chỉ bảo” và “phục tùng”. Các em mong muốn cha mẹ quan hệ đối xử bình đẳng với mình như đối xử với người lớn, muốn được tin tưởng và độc lập hơn để thúc đẩy các em tích cực hoạt động, chấp nhận những yêu cầu đạo đức của người lớn, phương thức hành vi trong thế giới người lớn, ... [25, tr.79-80].



Việc trao đổi qua ĐTTM cũng đã thể hiện được sự bình đẳng trong giao tiếp giữa CM-CC. Mọi vấn đề là cùng nhau thảo luận chứ không phải là áp đặt. Vì vậy, theo kết quả khảo sát, những người trả lời thừa nhận ĐTTM có sự ảnh hưởng tích cực tới giao tiếp của gia đình đô thị như thuận tiện trao đổi (có nhiều tiện ích, mọi lúc, mọi nơi; mang tính riêng tư; dễ lưu trữ thông tin (hình ảnh, lời văn),... Trong đó, 68,1% ý kiến cho rằng dùng ĐTTM trong giao tiếp mang tới sự thuận tiện, 55,5% ý kiến cho là có tính riêng tư, 30,2% ý kiến cho là dễ lưu trữ thông tin và 4,3% ý kiến khác, cũng đánh giá là có tính tích cực.

Bảng 3.23: Các mặt ảnh hưởng tích cực của ĐTTM tới giao tiếp trong gia đình đô thị phân theo nhóm tuổi và giới tính

Các mặt ảnh hưởng tích cực	Độ tuổi 12 - 18 (Học sinh)				Độ tuổi 30 - 61 (Phụ huynh)			
	Nam		Nữ		Nam		Nữ	
	N	%	N	%	N	%	N	%
Thuận tiện	7	38,9	14	33,3	49	80,3	54	88,5
Riêng tư	6	33,3	19	45,2	42	68,9	34	55,7
Dễ lưu trữ thông tin	3	16,7	6	14,3	25	41	21	34,4
Khác	1	5,6	3	7,1	1	1,64	3	4,9

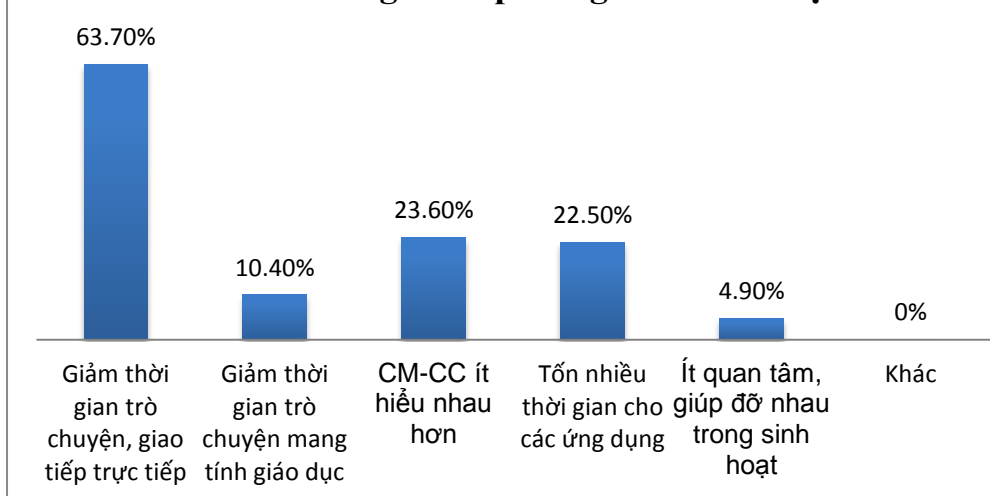
Nhìn vào bảng 3.23, ta thấy khi phân nhóm phụ huynh và học sinh, phân theo giới tính thì cả phụ huynh hay học sinh, nam hay nữ đều đánh giá cao sự thuận tiện và riêng tư mà ĐTTM mang lại, giúp ích cho việc giao tiếp giữa CM-CC về tất cả các vấn đề. Về mặt thuận tiện, như đã phân tích ở trên, về tất cả các nội dung trao đổi về giáo dục, tình cảm hay nghỉ ngơi giải trí, con cái cũng dễ dàng gọi điện

cho cha mẹ để trao đổi. Về mặt riêng tư, khi ĐTTM đã được các em học sinh đánh giá là có tác động tích cực thì điều này thực sự nên được các bậc phụ huynh quan tâm và phát huy. Bởi vì các em ở lứa tuổi 12-18 thường có xu hướng giảm giao tiếp với cha mẹ và tăng cường giao tiếp với bạn bè bên ngoài, có những chuyện về “đàn ông” các em trai chỉ muốn chia sẻ với một trong hai người cha hoặc mẹ, và những chuyện “phụ nữ” các em nữ cũng muốn chia sẻ riêng với một người mà thôi. ĐTTM đã giải quyết được vấn đề này. Các em có thể chủ động chia sẻ riêng với một người mà các em tin tưởng và cảm thấy dễ dàng chia sẻ nhất, không ngại ngùng khi sợ khi nói chuyện sẽ có người thứ ba nghe thấy. Mức độ giao tiếp giữa CM-CC trong các gia đình đô thị hiện nay có mức độ không thường xuyên (phần phân tích chương 2), cho nên khi các em đã có thể chia sẻ với cha mẹ qua điện thoại thì các bậc phụ huynh nên nắm lấy cơ hội để duy trì và tăng cường mức độ trao đổi với con mình, để hiểu con mình hơn trong giai đoạn phát triển quan trọng của cuộc đời.

3.2.4.2 Ảnh hưởng tiêu cực của ĐTTM tới giao tiếp của gia đình đô thị

Các số liệu đã dẫn ra ở trên phần lớn cho thấy sự thuận tiện của ĐTTM và ảnh hưởng tích cực của nó trong việc *trao đổi thông tin* giữa các thành viên gia đình, đặc biệt là giữa CM-CC. Đây là bề nổi, ý nghĩa thực dụng của vấn đề, mà thế hệ trẻ, con cái thường cảm nhận thấy trước hết. Song qua quan sát và phân tích sâu vào hoạt động giao tiếp trong gia đình, sẽ thấy những “mặt trái”, phần chìm của vấn đề - những tác động tiêu cực tới *quan hệ giao tiếp trong gia đình*, và từ đây tới tính chất của các *quan hệ gia đình*. Như đã nêu ngay ở trang đầu của luận văn, Matine Segalen đã viết rằng “Liên quan đến các cặp vợ chồng, chiếc điện thoại, một công cụ trao đổi thông tin, có thể là một kẻ gây chia rẽ: nó ném một trong hai vợ chồng ra khỏi vòng tròn hôn nhân, nó làm rối loạn cái có thể là thời gian tụ họp gia đình trước máy thu hình chẳng hạn” [38]. Dường như các bậc phụ huynh là những người thể hiện mối lo ngại về nguy cơ này nhiều hơn là ở lớp trẻ. Các số liệu đưa ra ở phần dưới đây sẽ phần nào phản ánh thực trạng và sự khác biệt trong ý kiến đánh giá giữa nhóm con cái và nhóm cha mẹ về ảnh hưởng tiêu cực của ĐTTM đối với giao tiếp trong gia đình đô thị hiện nay.

Bảng 3.23: Các mặt ảnh hưởng tiêu cực của ĐTTM tới giao tiếp của gia đình đô thị



Bên cạnh những mặt tích cực đã nêu trên thì ĐTTM cũng có những ảnh hưởng tiêu cực đến giao tiếp trong gia đình đô thị như: giảm thời gian trò chuyện giao tiếp trực tiếp, giảm thời gian trò chuyện mang tính giáo dục, CM-CC ít hiểu nhau hơn, tốn nhiều thời gian cho các ứng dụng (game, facebook, tin tức,...), ít quan tâm, giúp đỡ nhau trong sinh hoạt,...





Smartphone làm các thành viên trong gia đình lạnh nhạt với nhau dù ở bên cạnh nhau



Smartphone – kẻ hủy hoại quan hệ gia đình

Chính bản thân những người trong cuộc, cha mẹ và cả con cái đều cảm nhận và ý thức được ĐTTM có những ảnh hưởng tiêu cực đến giao tiếp trong gia đình mình. Theo kết quả khảo sát, có tới 63,7% ý kiến cho là việc sử dụng ĐTTM làm giảm thời gian trò chuyện, giao tiếp trực tiếp giữa CM-CC, 23,6% cho là nó làm cho CM-CC ít hiểu nhau hơn, 22,5% ý kiến cho là người sử dụng ĐTTM tiêu tốn nhiều thời gian cho các ứng dụng, 10,4% ý kiến cho là nó làm giảm thời gian trò chuyện mang tính giáo dục và 4,9% ý kiến cho là nó làm CM-CC ít quan tâm, giúp đỡ nhau trong sinh hoạt.



Bức tường vô hình

Nhìn vào bảng số liệu ta thấy (bảng 3.24), có sự khác nhau giữa CM-CC khi đánh giá về sự ảnh hưởng tiêu cực của ĐTTM tới giao tiếp trong gia đình. Cha mẹ thì lo lắng về tất cả các vấn đề, từ việc ĐTTM là giảm thời gian giao tiếp trực tiếp, giảm thời gian trò chuyện mang tính giáo dục, đến việc làm cho CM-CC ít hiểu nhau hơn, những thành viên trong gia đình ít quan tâm, giúp đỡ nhau và tốn thời gian cho các ứng dụng. Trong khi đó, các con không mấy may lo ngại gì đến việc ĐTTM làm ảnh hưởng chuyện CM-CC ít quan tâm giúp đỡ nhau trong sinh hoạt, các vấn đề khác các em cũng có đánh giá là có ảnh hưởng nhưng với tỷ lệ thấp.

Hơn 80% cha mẹ cho rằng ĐTTM làm giảm thời gian trò chuyện trực tiếp giữa cha mẹ với con con cái thì chỉ có hơn 20% những đứa con lo ngại về việc này. Riêng về việc lo ngại tiêu tốn nhiều thời gian cho ĐTTM, các em gái có vẻ lo ngại nhiều hơn các em trai và nhiều hơn cả cha mẹ (33,3%), có lẽ các em gái lo sợ sẽ ảnh hưởng đến việc học hành của các em.

Có thể nhận ra các vấn đề mà các em quan tâm tuy không nhiều bằng cha mẹ nhưng tỷ lệ quan tâm đến các vấn đề là tương đối bằng nhau, mức độ chênh lệch không nhiều (dao động từ 20-30%). Bởi vì các vấn đề đều có liên quan với nhau. Khi chúng ta dành quá nhiều thời gian cho các ứng dụng của ĐTTM thì giảm thời

gian trò chuyện trực tiếp với nhau, càng ít giao tiếp thì càng ít hiểu nhau, từ đó khó mà trao đổi những vấn đề giáo dục cũng như quan tâm, giúp đỡ nhau trong sinh hoạt.

Bảng 3.24: Các mặt ảnh hưởng tiêu cực của ĐTTM tới giao tiếp của gia đình đô thị phân theo nhóm tuổi và giới tính

Các mặt ảnh hưởng tiêu cực	TỔNG		Độ tuổi 12 - 18 (Học sinh)				Độ tuổi 30 - 61 (Phụ huynh)			
			Nam		Nữ		Nam		Nữ	
	N	%	N	%	N	%	N	%	N	%
Giảm thời gian trò chuyện mang tính giáo dục	19	10,4	5	27,8	8	19	3	4,9	3	4,9
Giảm thời gian trò chuyện, giao tiếp trực tiếp giữa CM-CC	116	63,7	5	27,8	9	21,4	49	80,3	53	86,9
CM-CC ít hiểu nhau hơn	43	23,6	4	22,2	11	26,2	13	21,3	15	24,6
Tốn nhiều thời gian cho các ứng dụng	41	22,5	4	22,2	14	33,3	9	14,8	14	23
Ít quan tâm, giúp đỡ nhau trong sinh hoạt	9	4,9	0	0	0	0	3	4,9	6	9,8

Ở Trung Quốc, đã có cuộc vận động các gia đình giảm thời gian dành cho ĐTTM nhằm phá vỡ “bức tường điện thoại”. Khi cha mẹ dán mắt vào điện thoại thông minh, những đứa con cảm thấy như bị ngăn cách với họ bằng cả một bức tường. [2]



Bức tường điện thoại ngăn cách cha mẹ và con cái

Theo một khảo sát toàn cầu do công ty an ninh mạng AVG Technologies (Mỹ), nhiều trẻ chú ý đến thói quen "nghiện" điện thoại của bố mẹ và điều đó có thể ảnh hưởng sâu sắc đến cách nhìn nhận của trẻ về thiết bị này. Vào tháng 6/2015, AVG đã khảo sát 6.000 người trong các gia đình có trẻ ở độ tuổi từ 8 đến 15 tại 8 nước khác nhau, kết quả đã chỉ ra 54% trẻ cảm thấy cha mẹ kiểm tra điện thoại quá thường xuyên, 32% trẻ cảm thấy mình không quan trọng khi cha mẹ xao nhãng vì điện thoại, 52% cha mẹ thừa nhận rằng họ kiểm tra điện thoại quá thường xuyên, 28% cha mẹ cảm thấy việc mình sử dụng điện thoại không nêu gương tốt cho con và 25% cha mẹ muốn con ít sử dụng điện thoại hơn [18].

Ở các gia đình đô thị tại Bình Dương cũng không ngoại lệ, khi thực hiện phỏng vấn sâu đối với 10 phụ huynh với cùng một câu hỏi “Anh/chị có thường hay mang điện thoại bên mình không?” thì 100% trả lời là “có”, lý do là họ đã quen với việc có chiếc điện thoại bên cạnh, nếu lỡ phát hiện để quên ở nhà hoặc hết pin thì có cảm giác lo lắng. Với câu hỏi “Anh/chị thấy ĐTTM có ảnh hưởng gì đến giao tiếp trong gia đình hay không?” thì đa phần các câu trả lời nhận được cũng là “có”.

“Hoặc là cha mẹ, hoặc là con cái chăm chăm vào cái điện thoại làm cho đối phương không muốn tiếp tục cuộc nói chuyện”, “Nhiều lúc tôi cứ nhìn quanh thấy chồng cũng cầm điện thoại, con cũng cầm điện thoại, tôi cảm thấy cũng không biết làm gì nên cũng cầm điện thoại lướt web cho đỡ buồn” (nữ, 35 tuổi, viên chức)

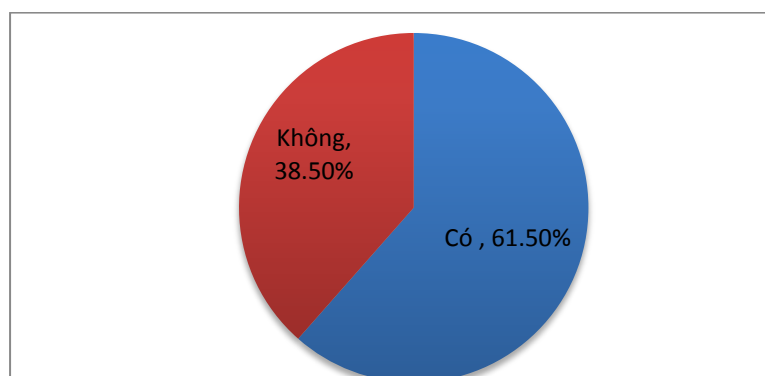
“Thật ra bản thân tôi cũng không thích các con cứ cầm điện thoại chơi hay chat nhưng giờ tôi cũng có thói quen hay cầm điện thoại, cũng khó trách các con, thôi thì học xong rồi cứ cho tụi nó giải trí vậy” (nam, 43 tuổi, viên chức)

Chính cha mẹ đã tự tạo và tạo ra thói quen sử dụng ĐTTM thường xuyên cho các con. Các cuộc nói chuyện trực tiếp giảm do các thành viên không còn cảm thấy lời nói mình còn giá trị khi đối phương nghe (hoặc giả vờ nghe) mà mắt chỉ chăm chú vào điện thoại.

3.2.4.3. Lo ngại về các ảnh hưởng tiêu cực của việc sử dụng ĐTTM

Các kết quả nghiên cứu cho thấy việc sử dụng ĐTTM không những ảnh hưởng đến sức khỏe mà còn ảnh hưởng đến tình cảm và giao tiếp giữa các thành viên trong gia đình [2][11][13][17][18]. Theo kết quả khảo sát 182 người tại phường Phú Lợi, có 61,5% ý kiến trả lời là có lo ngại về ảnh hưởng tiêu cực của ĐTTM, 38,5% trả lời là không lo ngại.

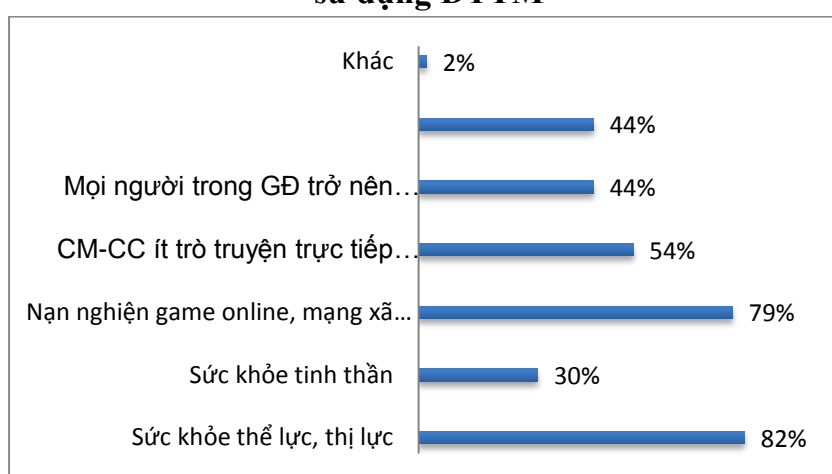
Bảng 3.25: Sự lo ngại về ảnh hưởng tiêu cực của việc sử dụng ĐTTM



Các vấn đề lo ngại bao gồm: ĐTTM làm ảnh hưởng đến sức khỏe thể lực, thị lực; sức khỏe tinh thần, nạn nghiện game online, mạng xã hội,...; trong gia đình CM-CC ít nói chuyện trực tiếp với nhau hơn; mọi người trong gia đình trở nên xa cách, không gần gũi với nhau như trước; con cái lười làm việc nhà hơn trước,...

Theo kết quả khảo sát, 82% ý kiến lo ngại nhiều nhất là về sức khỏe thể lực, thị lực khi sử dụng ĐTTM, 30% lo ngại về sức khỏe tinh thần, 79% lo ngại về nạn nghiện game online, mạng xã hội,..., 54% ý kiến lo ngại ĐTTM làm cho CM-CC giảm thời gian trò chuyện trực tiếp với nhau, 44% ý kiến lo ngại CM-CC trở nên xa cách, không gần gũi với nhau như trước, 44% lo ngại con cái lười làm việc nhà hơn trước và 2% lo ngại về những ảnh hưởng tiêu cực khác.

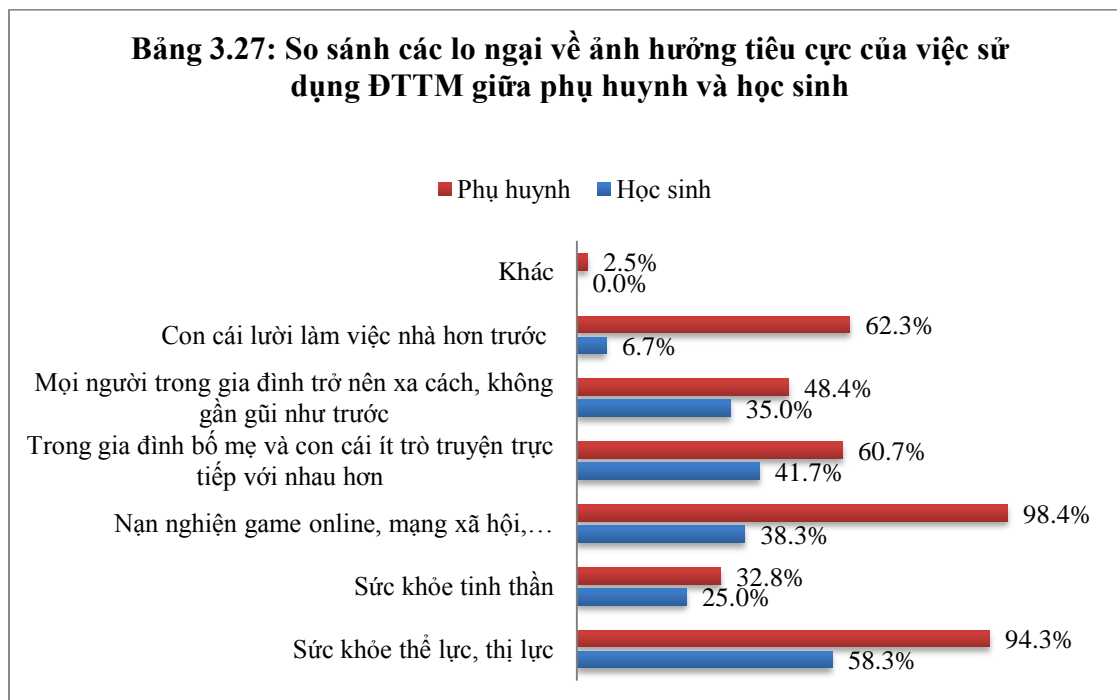
Bảng 3.26: Các vấn đề lo ngại về ảnh hưởng tiêu cực của việc sử dụng ĐTTM



Khi so sánh hai nhóm phụ huynh và học sinh, ta thấy các em cũng có lo ngại về những ảnh hưởng tiêu cực của việc sử dụng ĐTTM, tuy nhiên mức độ chưa cao. Hai vấn đề mà các em lo ngại nhất đó là sức khỏe thể lực, thị lực (58,3%) và CM-CC ít giao tiếp trực tiếp với nhau hơn (41,7%). Còn đối với phụ huynh, họ lo ngại tất cả các ảnh hưởng tiêu cực của việc ĐTTM, và lo ngại nhất là nạn nghiện game online, mạng xã hội (98,4%) và sức khỏe thể lực, thị lực (94,3%).

Mặc dù các em học sinh cũng có lo ngại về những ảnh hưởng tiêu cực của việc sử dụng ĐTTM nhưng mức độ đánh giá của các em luôn dưới ngưỡng 50%, chỉ có ảnh hưởng về thị lực, thể lực, là ở mức cao hơn (58,3%). Còn các bậc phụ huynh có tỷ lệ lo ngại cao đến rất cao. Có thể nói, các em học sinh chỉ có thể cảm nhận rõ ràng ảnh hưởng của ĐTTM khi nó có tác động trực tiếp đến cơ thể của các em, còn những tác hại khác các em có biết nhưng chưa cụ thể và đầy đủ. Các bậc phụ huynh

thì với trải nghiệm cuộc sống của mình, bất kỳ những thay đổi nào gây ảnh hưởng đến cuộc sống của gia đình họ đều nhận ra rất nhanh.



Tiểu kết Chương 3

Trong gia đình đô thị hiện nay, trung bình mỗi ngày một người dành 5 tiếng đồng hồ cho việc sử dụng ĐTTM. Trong khi cha mẹ có thể dùng ĐTTM bất cứ lúc nào thì con cái bị giới hạn bởi thời gian học tập, chỉ thường dùng ĐTTM sau giờ học tập. Tuy vậy, thời gian mà con cái sử dụng ĐTTM lại nhiều hơn cha mẹ (con cái sử dụng ĐTTM 6 -7 tiếng/ngày, cha mẹ sử dụng ĐTTM khoảng 3-4 tiếng/ngày). Mục đích dùng ĐTTM chủ yếu là cho việc giải trí, ngoài ra còn để hỏi thăm mọi người và phục vụ cho học tập – làm việc.

Khi phân tích cụ thể ĐTTM ảnh hưởng như thế nào đến giao tiếp trong gia đình đô thị, cụ thể là giao tiếp giữa CM-CC về nội dung giáo dục, chia sẻ tình cảm cũng như về nội dung nghỉ ngơi, giải trí thì ta thấy ĐTTM có ảnh hưởng tích cực. Mặc dù cũng có một số ít cho rằng ĐTTM có tác động tiêu cực đến giao tiếp giữa CM-CC nhưng tỷ lệ thấp.

Điều này thấy giải thuyết nghiên cứu thứ nhất đưa ra là đúng. Nghĩa là ĐTTM có tác động cả tích cực và tiêu cực đến giao tiếp của gia đình đô thị nhưng

mặt tích cực nhiều hơn. Nhịp sống hối hả tại các đô thị làm giảm thời gian giao tiếp của CM-CC với nhau, nhưng cũng nhờ ĐTTM mà CM-CC thuận tiện hơn trong việc liên lạc với nhau để chia sẻ thông tin và tình cảm.

Giả thuyết thứ hai là “Giao tiếp giữa CM-CC ngày càng ít trực tiếp hơn do sử dụng ĐTTM, hình thức gián tiếp thông qua ĐTTM chiếm thời gian lớn trong giao tiếp giữa CM-CC” cũng đã được chứng minh là đúng. Các thành viên trong gia đình thuận tiện hơn khi trao đổi với nhau và cũng cảm thấy có tính riêng tư khi trao đổi qua điện thoại. Quan điểm của Goffman trong lý thuyết kịch xã hội cho rằng để hoàn thành vai diễn của người cha, người mẹ đòi hỏi rất nhiều công sức trong việc nhập tâm, khai thác tâm lý nhân vật và hàng loạt những hành động xã hội bổ sung cho vai diễn đó. Trong guồng quay của xã hội hiện đại ngày nay, vai diễn của cha mẹ vốn đòi hỏi phải có thời gian, có điều kiện vật chất, sự kiên nhẫn và tự do tư tưởng ... nên đôi khi cha mẹ khó có thể thực hiện được vai trò của mình trong việc thoả mãn nhu cầu tình cảm của con cái [29, tr.130], và ĐTTM đã góp phần giúp cho cha mẹ thực hiện chức năng này dễ dàng hơn. Tuy vậy, các thành viên trong gia đình cũng lo ngại việc sử dụng ĐTTM làm thời gian giao tiếp trực tiếp giảm đi, CM-CC xa cách hơn trước, và đặc biệt là các bậc phụ huynh lo lắng con mình sẽ bị nghiện game online hay mạng xã hội, lười làm việc nhà. Vấn đề về sức khoẻ thể lực và thị lực cũng được quan tâm. Những điều lo ngại này các em học sinh cũng có quan tâm nhưng ở mức độ chưa cao. Một bức tường vô hình đã được dựng lên mà các em chưa thật sự cảm nhận được hết, khi các thành viên trong gia đình chỉ thích thú với ĐTTM thì chất lượng giao tiếp trực tiếp đã giảm đi rất nhiều.

Rõ ràng, sự hiện diện của ĐTTM đã tạo ra một lối sống mới cho gia đình đô thị mà gia đình nông thôn không thể có, đó là giao tiếp gián tiếp qua ĐTTM. Cho dù là trao đổi về nội dung giáo dục, chia sẻ niềm vui, khó khăn thảo luận với nhau để cùng nghỉ ngơi giải trí thì cũng có thể thông qua ĐTTM để trao đổi được, không nhất thiết phải ngồi lại cùng nhau hay họp gia đình. Đồng thời nó cũng đe dọa tới mối quan hệ của các thành viên khi thời gian ngồi nói chuyện cùng nhau giảm đi. Có thể sẽ có lúc họ cảm thấy không cần thiết gặp mặt nhau nữa chẳng?

Chương 4:

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

Trong gia đình đô thị hiện nay, mức độ giao tiếp trực tiếp giữa CM – CC không quá thường xuyên nhưng cũng không quá ít.

Về nội dung giáo dục, cha mẹ vẫn thường xuyên quan tâm đến kết quả học tập của con cái, tuy nhiên diễn biến trong quá trình học tập thì thỉnh thoảng CM-CC mới trao đổi với nhau, không phải ngày này cũng hỏi. Các con tuy đã học trung học cơ sở và trung học phổ thông nhưng cũng thỉnh thoảng CM-CC mới trao đổi về tình dục, giới tính và nói về định hướng nghề nghiệp.

Về tình cảm, CM-CC vẫn thường xuyên chia sẻ, thể hiện tình cảm, quan tâm lẫn nhau. Mặc dù thời gian học tập của con cái và thời gian làm việc của cha mẹ chiếm khá nhiều trong ngày nhưng họ vẫn dành thời gian chia sẻ niềm vui hay khó khăn với nhau để hỗ trợ nhau kịp thời.

Việc nghỉ ngơi, giải trí thì thỉnh thoảng CM-CC mới trao đổi, thảo luận với nhau vì trong năm họ cũng không có nhiều dịp để cùng nhau nghỉ ngơi, giải trí cùng nhau. Các con thì phải đi học liên tục, chỉ nghỉ trong dịp hè, cha mẹ thì công việc làm quanh năm. Nhịp sống hối hả ở đô thị khó có thể cho các gia đình có nhiều thời gian nghỉ cùng với nhau.

Với nhiều ứng dụng rất hấp dẫn, ĐTTM nhanh chóng tràn vào các gia đình đô thị. Không những giúp các thành viên trong gia đình dễ dàng liên lạc với nhau mà còn giúp cho các thành viên tự có thể giải trí, tìm kiếm thông tin một cách dễ dàng. Hiện nay, ở các gia đình, một ngày các thành viên dành khoảng 5 giờ đồng hồ cho việc sử dụng ĐTTM, trong đó con cái dù chỉ thường dùng sau giờ học thì cũng dùng ĐTTM trung bình gần 7 giờ đồng hồ một ngày, cha mẹ thì chỉ dùng 3-4 giờ đồng hồ một ngày dù có lợi thế là có thể dùng bất kỳ khi nào. Các ứng dụng thường được dùng nhất là facebook và các trang mạng xã hội, nghe gọi thông dụng và chụp hình. Mục đích dùng ĐTTM chủ yếu là để giải trí và hỏi thăm người thân.

Đối với giao tiếp CM-CC, việc sử dụng ĐTTM không có nhiều ảnh hưởng. ĐTTM giúp cho CM-CC thuận tiện trao đổi thông tin khi không ở cùng nhau với chức năng nghe gọi thông dụng, đôi khi là nghe gọi, nhắn tin qua các ứng dụng miễn phí. Một số nội dung trao đổi, nó còn thể hiện được sự ảnh hưởng tích cực. Nhất là trong việc trao đổi về nội dung giáo dục giới tính, tình dục. ĐTTM giúp CM-CC dễ dàng chia sẻ với nhau hơn khi cảm thấy không thể nói quá cụ thể, sát thực thì chia sẻ thông tin, hình ảnh qua mạng xã hội. Về việc định hướng nghề nghiệp cũng vậy, ĐTTM giúp chia sẻ được những thông tin có sẵn để CM-CC dễ tìm hiểu và lựa chọn.

Khi CM-CC muốn chia sẻ niềm vui với nhau, không chỉ giao tiếp trực tiếp, còn gọi điện thoại và chia sẻ qua mạng xã hội. ĐTTM giúp cho các thành viên trong gia đình chia sẻ những niềm vui tức thời, thể hiện đúng cảm xúc của mình ngay lúc có điều gì vui và gửi niềm vui đến ngay cho người mình yêu quý nhất. Việc lựa chọn cách thức giải trí hay địa điểm giải trí cũng dễ dàng và thuận lợi hơn khi một thành viên nói về một địa điểm nào đó thì các thành viên khác cũng đã có thông tin để nêu ý kiến vì mọi thứ đã được trao đổi bằng hình ảnh, bài biết qua mạng xã hội làm cho thời gian đi đến ý kiến thống nhất được rút ngắn tối đa có thể.

Vì thế, ĐTTM được đánh giá có những mặt ảnh hưởng tích cực giao tiếp giữa các thành viên trong gia đình như thuận tiện, dễ liên lạc, mang tính riêng tư. Tuy vậy, các thành viên cũng đánh giá nó có những mặt ảnh hưởng tiêu cực như việc tiêu tốn thời gian cho các ứng dụng của ĐTTM làm giảm thời gian trò chuyện trực tiếp giữa CM-CC, làm cho các thành viên có thể ngày càng ít hiểu nhau hơn.

Các thành viên trong gia đình đô thị cũng lo ngại về những ảnh hưởng tiêu cực của việc sử dụng ĐTTM như làm ảnh hưởng đến thị lực, thể lực, có thể bị nghiện game online hoặc mạng xã hội,.... Các ảnh hưởng tiêu cực của ĐTTM đến giao tiếp của gia đình được các bậc cha mẹ quan tâm và chú ý hơn, còn các em học sinh thì vì những tiện ích của ĐTTM mà ít lo ngại đến các ảnh hưởng tiêu cực của nó, điều làm các em dễ dàng nhận ra nhất là ĐTTM làm ảnh hưởng đến thể lực, thị lực của các em.

Nhắc lại kết quả nghiên cứu của Martine Selagen, ông nói rằng nhờ điện thoại và internet mà con cái trong gia đình đã “đi ra ngoài” bằng một lối riêng dù chúng đang ngồi trước mặt cha mẹ của chúng. Cuộc nghiên cứu chỉ tập trung vào con cái, nhưng ở đây vì CM-CC đều có dùng ĐTTM, nên họ đã đi ra ngoài theo những lối riêng của mình dù ở bên cạnh nhau. Đây thực sự là một mối đe dọa đối với quan hệ của các thành viên trong gia đình. Cho đến một lúc nào đó có thể các thành viên không còn cần gặp mặt nhau mà chỉ cần chia sẻ thông tin và nhắn tin cho nhau qua điện thoại.

Tuy vậy, cũng phải nói một cách khách quan rằng, mức độ giao tiếp của các gia đình đô thị hiện nay dù có đang ở mức độ không thường xuyên thì ĐTTM cũng chỉ là một trong những nguyên nhân gây ra. Chưa thể nói nó là nguyên nhân chính hay không vì ngoài ĐTTM, việc cha mẹ tập trung chăm lo cho sự nghiệp, không dành thời gian cho con, hay con cái phải học quá nhiều thứ ở trường và các kỹ năng khác ngoài khóa cũng làm cho thời gian cũng như chất lượng giao tiếp giữa CM-CC bị ảnh hưởng xấu.

Một số khuyến nghị:

- Đề tài đã cho thấy được những hữu ích của ĐTTM đối với giao tiếp trong gia đình nhưng dễ dàng trao đổi thông tin khi các thành viên không ở cạnh nhau, vì vậy việc để cho các thành viên trong gia đình (ở những lứa tuổi thích hợp) sở hữu ĐTTM là có ý nghĩa.

- Tuy vậy, vì thời gian giao tiếp trực tiếp giữa CM-CC bị giảm do việc sử dụng ĐTTM quá nhiều nên CM-CC trong gia đình đô thị nên thiết lập thời gian biểu để sinh hoạt cùng nhau, nhất là thời gian buổi tối. Đặt ra nhưng quy định chung trong gia đình như không sử dụng ĐTTM khi đang ăn cơm, cha mẹ không dùng ĐTTM làm đồng hồ báo thức (giúp hạn chế việc để điện thoại bên cạnh khi ngủ), thu điện thoại của con sau 11h.

- Cài đặt các ứng dụng giúp hạn chế thời gian sử dụng ĐTTM như Forest Stay Focused (trồng được cây nếu trong vòng 30 phút không dùng đến điện thoại), hay ứng dụng Stay Focused cho phép giới hạn việc sử dụng ứng dụng nào đó trong ngày như giới hạn dùng Facebook 30 phút/ngày, xem youtube 20 phút/ngày, ... hay

hữu ích như BreakFree Cell Phone Addiction, ứng dụng tự tính toán thời gian hợp lý cho người dùng, khi người dùng đạt mức nghiện thì máy sẽ có tín hiệu cảnh báo.

- Cha mẹ nên giới hạn thời gian cho con sử dụng ĐTTM vào mục đích giải trí, đồng thời kiểm soát những thông tin, ứng dụng mà con đang tìm kiếm nhằm hiểu rõ con hơn và ngăn con tiếp cận với các luồng thông tin xấu.

- Cha mẹ và các con cùng nhau tham gia thể thao, các hoạt động ngoại khóa nhằm tăng cường thể lực và có nhiều thời gian bên nhau hơn.

- Có thể có các nghiên cứu tiếp theo về ảnh hưởng của Điện thoại thông minh đến giao tiếp giữa vợ chồng, giữa các thế hệ khác trong gia đình để có cái nhìn tổng quát và đánh giá toàn diện các mặt tích cực và tiêu cực của điện thoại thông minh đối với giao tiếp trong gia đình đô thị.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Lê Hoà An (2013), *Nghiên cứu về hành vi sử dụng facebook của con người – Một thách thức mới cho tâm lý học hiện đại*, Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh (số 49), tr. 15-21
2. Thuận An (theo *huffingtonpost*), *Smartphone khiến cha mẹ bỏ quên con như thế nào*, vnexpress.net, http://giadinh.vnexpress.net/tin-tuc/to-am/smartphone-khien-cha-me-bo-quen-con-nhu-the-nao-3247093.html?utm_source=detail&utm_medium=box_relatedtop&utm_campaign=boxtracking, 11.07.2015
3. Nguyễn Trần Bạt (dẫn từ Phạm Hồng Tung), *Nghiên cứu về lối sống: Một số vấn đề về khái niệm và cách tiếp cận*, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Xã hội và Nhân văn 23, 2007, tr.275
4. Mai Huy Bích (2011), *Xã hội học gia đình*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội
5. Ngọc Diệp (Biên dịch từ Daily Mail), hình ảnh tiệc tùng trên facebook gây ảnh hưởng xấu đến giới trẻ, kenhtretho.vn, <http://kenhtretho.vn/hinh-anh-tiec-tung-tren-facebook-gay-anh-huong-xau-den-gioi-tre-19518.htm>, 05.09.2013
6. Trương Minh Đức, Lê Văn Định (2013), *Lối sống đô thị Việt Nam trong quá trình đô thị hoá (sách chuyên khảo)*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội
7. Phan Đình Dũng, Nguyễn Thị Thu Hiền (2014), *Giáo dục đạo đức lối sống trong gia đình – Một góc nhìn*, Tạp chí Dạy và Học ngày nay (số 8), tr. 63-64
8. Bùi Quang Dũng (2004), *Nhập môn Lịch sử Xã hội học*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội
9. Bùi Quang Dũng (2013), *Xã hội học*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội

10. TS. Lê Văn Định, ThS. Nguyễn Thị Yên (2014), *Một số vấn đề về phát triển đô thị bền vững và xây dựng lối sống đô thị ở Việt Nam hiện nay*, Tạp chí Dạy và Học ngày nay (số 8), tr. 55-59
11. Nguyễn Thị Hằng, Nguyễn Thị Vân Anh (tháng 8/2014), *Tác động của mạng Internet đến đạo đức lối sống của thanh niên Việt Nam hiện nay – Những điều cần suy nghĩ*, Tạp chí Giáo dục lý luận (số 217), tr. 37-40
12. TS. KTS. Đỗ Hậu (2012), *Xã hội học Đô thị*, NXB Xây dựng, Hà Nội
13. Nguyễn Hải Hoàn (tóm lược), *Điện thoại di động có thể làm thay đổi chức năng của bộ não con người*, tiasang.com, <http://tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=62&News=8414&CategoryID=2>, 25.02.2015
14. Nguyễn Ngô Hồng (2013), *6 Công nghệ chủ đạo dẫn đầu thị trường ĐTTM*, Tạp chí CNNT&TT (Kỳ 1), tr.18-20
15. Lê Ngọc Hùng (2015), *Lịch sử và lý thuyết Xã hội học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội
16. Hà Hương (theo Daily Mail), *Smartphone đang hủy hoại đời sống chần chĩ*, vietnamnet.vn, <http://vietnamnet.vn/vn/khoa-hoc/225805/smartphone-dang-huy-hoai-doi-song-chan-goi.html>, 16.03.2015
17. Hoàng Lâm, *Giới trẻ phụ thuộc vào smartphone, đờc và mất*, myidol.com.vn <http://myidol.com.vn/gioi-tre-le-thuoc-va-smartphone-duoc-va-mat-d1799.htm>, 02.12.2014
18. Vương Linh (Theo *Huffingtonpost*), *Trẻ phải cạnh tranh với smartphone để đợc cha mẹ yêu*, <http://giadinh.vnexpress.net/tin-tuc/to-am/tre-phai-can-phanh-tranh-voi-smartphone-de-duoc-cha-me-yeu-3249875.html>, 17.07.2015
19. Trịnh Duy Luân (2004), *Xã hội học Đô thị*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội

20. Kim Minh, *Liếc nhìn điện thoại, người mẹ “đứng hình” với con gái*, vietnamnet.vn, <http://vietnamnet.vn/vn/doi-song/301146/liec-nhin-dien-thoai-nguoi-me-dung-hinh-voi-phan-ung-cua-con-gai.html>, 25.04.2016
21. Minh Minh, *Con người đang nghiện smartpohne?*, news.zing.vn, <http://news.zing.vn/con-nguoi-dang-nghien-smartphone-post598075.html>, 07.11.2015
22. Ngọc Phạm, *Đã tìm ra nguyên nhân khiến con người nghiện smartphone*, 24h.com.vn, <http://www.24h.com.vn/cong-nghe-thong-tin/da-tim-ra-nguyen-nhan-khien-con-nguoi-nghien-smartphone-c55a797106.html>, 13.06.2016
23. Khương Nha, *Smartphone đang hủy hoại một đứa trẻ như thế nào*, news.zing.vn, <http://news.zing.vn/smartphone-dang-huy-hoai-mot-dua-tre-nhu-the-nao-post627975.html>, 27.02.2016
24. Nguyễn Xuân Nghĩa (2010), *Phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội*, NXB Phương Đông, Tp. Hồ Chí Minh
25. Lê Minh Nguyệt (2016), *Xung đột tâm lý giữa cha mẹ với con tuổi thiếu niên. Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội
26. Trần Hữu Quang (2015), *Xã hội học báo chí*, NXB Đại học quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh
27. Huỳnh Văn Sơn, Nguyễn Huỳnh Ngọc Trâm (2014), *Thực trạng việc sử dụng Facebook của thanh thiếu niên 15-18 tuổi tại Tp. Hồ Chí Minh*, Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh (số 63), tr. 46-55
28. Lý Văn Thạnh (2013), *Sử dụng Facebook và sự gia tăng vốn xã hội*, Tạp chí Phát triển khoa học và kỹ thuật (số 16), tr. 20-30
29. Hoàng Bá Thịnh (2016), *Giáo trình Gia đình học*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội

30. Phạm Hồng Tung (2007), *Nghiên cứu về lối sống: Một số vấn đề về khái niệm và cách tiếp cận*, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học Xã hội và Nhân văn (số 23), tr. 271-278
31. Đặng Tươi, Trà My, *Cảnh báo lối sống “cúi mặt vào màn hình”*, tuoitre.vn, <http://tuoitre.vn/tin/chinh-tri-xa-hoi/tieu-diem/20141121/the-gioi-ao-la-cuu-canhs-cho-hon-nhan/674277.html>, 21.11.2014
32. Lê Ngọc Văn (2006), *Nghiên cứu gia đình – Lý thuyết nữ quyền, quan điểm giới*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội
33. Lê Ngọc Văn (2012), *Gia đình và biến đổi gia đình ở Việt Nam*, NXB Khoa học Xã Hội, Hà Nội
34. Lê Ngọc Văn (2014), *Nghiên cứu Xã hội học về giá trị gia đình: Một số vấn đề lý luận và phương pháp luận*, Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới (số 4), tr. 3-13
35. Tuấn Việt, *Những ảnh hưởng của smartphone đối với sức khỏe*, techz.vn, <http://www.techz.vn/nhung-anh-huong-cua-smartphone-doi-voi-suc-khoe-ylt41452.html>, 13.01.2015
36. ThS. Nguyễn Thị Yên (2013), *Những biến đổi của đời sống gia đình và sự hình thành, biến đổi lối sống ở đô thị nước ta hiện nay*, Tạp chí Dạy và Học ngày nay (số 6), tr. 46-48
37. Denis.F.Berg (2006), *“Did you know? SEAMEO, Citynews – data mining on the Internet*, ngày 06/09/2013.
38. Martine Segalen (2013), *Xã hội học gia đình*, NXB Thế giới, Hà Nội
39. Seth Colaner (2011), *Nguồn mở thách thức Facebook*, Tạp chí Tin học và đời sống (ngày 10.01.2011), tr. 68-69
40. Kenh14.vn, *Người lớn có đang dùng Facebook nhiều hơn giới trẻ?*, kenh14.vn, <http://kenh14.vn/2-tek/nguoi-lon-co-dang-dung-facebook-nhieu-hon-gioi-tre-2014011705282998.chn>, 05.12.2015

41. Tạp chí Nghề Báo (2014), *Facebook - Được và mất*, Tạp chí Nghề Báo, (Số 129), tr. 45-47
42. TTGD (2016), *Cảnh giác với điện thoại*, Tạp chí Tiếp thị & Gia đình (ngày 13.06.2016), tr. 30-31
43. Tạp chí Thế giới số (2013), *Facebook len vào mọi thiết bị*, Tạp chí Thế giới số (ngày 16.12.2013), tr. 20-21

**PHỤ LỤC:
CÁC CÔNG CỤ NGHIÊN CỨU**

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN

Kính thưa Anh / Chị,

Tôi là Nguyễn Hà Vy, hiện đang học thạc sĩ chuyên ngành xã hội học tại Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Trong quá trình viết luận văn thạc sĩ, tôi sẽ tiến hành nghiên cứu đề tài “Giao tiếp trong gia đình đô thị dưới ảnh hưởng của điện thoại thông minh” tại Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

Chúng tôi mong được Anh / Chị giúp đỡ bằng cách trả lời những câu hỏi được nêu ra sau đây. Những câu trả lời của anh/chị chỉ nhằm mục đích phục vụ cho nghiên cứu khoa học.

Rất mong nhận được sự giúp đỡ của Anh / Chị.

Xin chân thành cảm ơn.

Ngày phỏng vấn: / /2016

Nhà Anh / Chị có ai đang dùng điện thoại thông minh (ĐTTM) (được hiểu là điện thoại có kết nối internet qua wi-fi hay 3G) hay không?

1. Có
2. Không (Kết thúc)

Thông tin chung về hộ gia đình:

STT	Quan hệ với người trả lời	Tuổi	Giới tính 1. Nam 2. Nữ	Học vấn	Nghề nghiệp	Hiện đang sử dụng	
						ĐTĐĐ thường (1)	ĐTTM (2)
1	Người trả lời						
2							
3							
4							
5							

Mã hóa nhóm tuổi:	Mã hóa học vấn	Mã hóa nghề nghiệp
1. 11 - 15	1. Tiểu học	1. Công nhân
2. 16 - 18	2. THCS	2. Viên chức
3. 18 - 30 tuổi	3. THPT	3. Tự do, buôn bán, dịch vụ
4. 31 - 40 tuổi	4. Cao đẳng, Đại học	4. Bộ đội, công an
5. 41 - 50 tuổi	5. Trên đại học	5. Nội trợ
6. Trên 50 tuổi		6. Học sinh, sinh viên

A. THỰC TRẠNG SỬ DỤNG ĐTTM TRONG GIA ĐÌNH ĐÔ THỊ

<p>1. Người được hỏi có sử dụng ĐTTM hay không?</p>	<p>1. Có (Tiếp câu 2) 2. Không (Chuyển sang câu 6)</p>
<p>2. Ứng dụng nào anh chị dùng nhiều nhất ? <i>(Chọn tối đa 3 ứng dụng)</i></p>	<p>1. Chơi game 2. Chụp hình 3. Facebook hoặc các mạng xã hội khác 4. Đọc báo, lướt các trang thông tin 5. Các ứng dụng chat (Viber, Zalo, Skype,...) 6. Xem phim, 7. nghe nhạc 8. Nghe, gọi, nhắn tin thông dụng 9. Các giao dịch khác</p>
<p>3. Anh chị sử dụng thường sử dụng ĐTTM vào mục đích gì? (nhiều trả lời)</p>	<p>1. Làm việc 2. Học tập 3. Giải trí 4. Thăm hỏi mọi người 5. Khác</p>
<p>4. Thời gian anh chị sử dụng ĐTTM/ngày?</p>	<p>.....</p>
<p>5. Thời gian nào anh chị thường sử dụng ĐTTM nhất?</p>	<p>1. Lúc làm việc – học tập 2. Lúc nghỉ trưa 3. Sau giờ làm việc – học tập 4. Bất cứ lúc nào 5. Khác (ghi rõ)</p>

B. THỰC TRẠNG GIAO TIẾP GIỮA CHA MẸ VÀ CON CÁI TRONG GIA ĐÌNH VÀ MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA ĐTTM

6. Các cuộc trò chuyện trực tiếp giữa cha mẹ và con cái thường diễn ra vào thời gian nào?

1. Trước khi con đi học/ bố mẹ đi làm
2. Trong giờ ăn
3. Giờ nghỉ ngơi sau bữa tối
4. Bất kỳ lúc nào có thể
5. Khác (ghi rõ).....

7. Ngoài giao tiếp trực tiếp giữa cha mẹ và con cái, gia đình mình còn sử dụng hình thức giao tiếp nào sau đây: (có thể chọn nhiều câu trả lời)

1. Gọi điện thoại (bàn, di động)
2. Nhắn tin
3. E-mail,
4. Chia sẻ trên facebook
5. Chat bằng các ứng dụng miễn phí trên điện thoại (Viber, Zalo, Skype,...)
6. Các ứng dụng khác (ghi rõ).....

Nội dung	8.Mức độ giao tiếp trực tiếp					9. Mức độ ảnh hưởng của ĐTTM					10. Cách thức (nhiều lựa chọn)						
	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5		
	1. Hầu như không 2. Ít khi 3.Thỉnh thoảng 4. Thường xuyên 5. Rất thường xuyên						1. Rất tiêu cực 2. Tiêu cực 3.Bình thường 4. Tích cực 5. Rất tích cực						1. Gọi điện 2. Nhắn tin 3. Qua mạng xã hội 4. Hình ảnh 5.Khác (Ghi rõ).....				
Giáo dục																	
1.Quá trình học tập																	
2. Kết quả học tập																	
3. Vấn đề giới tính, tình dục																	
4. Định hướng nghề nghiệp																	
5. Khác (ghi cụ thể).....																	
6. Đánh giá chung																	

	8.Mức độ giao tiếp trực tiếp					9. Mức độ ảnh hưởng của ĐTTM					10. Cách thức (nhiều lựa chọn)				
	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
Tình cảm															
Nội dung	1. Hầu như không 2. Ít khi 3.Thỉnh thoảng 4. Thường xuyên 5. Rất thường xuyên					1. Rất tiêu cực 2. Tiêu cực 3.Bình thường 4. Tích cực 5. Rất tích cực					1. Gọi điện 2. Nhắn tin 3. Qua mạng xã hội 4. Hình ảnh 5.Khác (Ghi rõ).....				
1. Chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống															
2. Chia sẻ những niềm vui trong cuộc sống															
3. Hỗ trợ lẫn nhau khi gặp khó khăn															
4. Khác....															
5. Đánh giá chung															

	8.Mức độ giao tiếp trực tiếp					9. Mức độ ảnh hưởng của ĐTTM					10. Cách thức (nhiều lựa chọn)				
	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5
Giải trí															
Nội dung	1. Hầu như không 2. Ít khi 3.Thỉnh thoảng 4. Thường xuyên 5. Rất thường xuyên					1. Rất tiêu cực 2. Tiêu cực 3.Bình thường 4. Tích cực 5. Rất tích cực					1. Gọi điện 2. Nhắn tin 3. Qua mạng xã hội 4. Hình ảnh 5.Khác (Ghi rõ).....				
1. chia sẻ sở thích															
2. Thảo luận về địa điểm giải trí chung															
3. Thảo luận về thời gian giải trí chung															
4. Thảo luận về cách thức giải trí chung															
5. khác.....															
6. Đánh giá chung															

ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC SỬ DỤNG ĐTTM ĐẾN GIAO TIẾP GIỮA CHA MẸ VÀ CON CÁI TRONG GIA ĐÌNH

11. Việc sử dụng ĐTTM của các thành viên có ảnh hưởng gì đến hoạt động GIAO TIẾP trong gia đình anh chị ?

Tích cực:

1. Thuận tiện (có nhiều tiện ích, mọi lúc, mọi nơi)
2. Riêng tư (chỉ cho hai người giao tiếp)
3. Có thể có hình ảnh, lời văn được lưu giữ,..
4. Khác (ghi rõ).....

Hạn chế:

1. Giảm thời gian trò chuyện, giao tiếp trực tiếp
2. Giảm thời gian trò chuyện mang tính giáo dục
3. Cha mẹ và con cái ít hiểu nhau hơn
4. Tốn nhiều thời gian cho các ứng dụng (game, tin tức, mạng xã hội...)
5. Ít quan tâm, giúp đỡ nhau trong sinh hoạt
6. Khác (ghi rõ)

12. Anh chị có lo ngại gì về các ảnh hưởng tiêu cực của việc sử dụng ĐTTM trong gia đình mình không ?

Có: 1

Không: 2

Không biết/ Khó trả lời: 3

13. Nếu có lo ngại thì cụ thể về vấn đề gì ?

1. Sức khỏe thể lực, thị lực
2. Sức khỏe tinh thần
3. Nạn nghiện game online, mạng xã hội,...
4. Trong gia đình bố mẹ và con cái ít trò chuyện trực tiếp với nhau hơn
5. Mọi người trong gia đình trở nên xa cách, không gần gũi như trước
6. Con cái lười làm việc nhà hơn trước
7. Khác (ghi rõ).....

Cảm ơn sự hợp tác của anh/ chị./.

CÁC CÂU HỎI PHỎNG VẤN SÂU

Đối với phụ huynh

- Anh /chị có thường mang theo điện thoại bên mình không?
- Anh /chị có biết con cái mình dùng điện thoại để làm gì ngoài nghe gọi không?
- Thấy điện thoại có ích lợi nào nhất?
- Thấy điện thoại có ảnh hưởng gì đến giao tiếp trong gia đình không? (Giáo dục, tình cảm, giải trí?)
- Có cảm thấy thời gian nói chuyện với con cái bị ít hơn/ hay nhiều hơn so với trước khi cho con dùng điện thoại không?

Đối với học sinh:

- Đã dùng điện thoại bao lâu?
- Thấy những ích lợi gì khi dùng điện thoại?
- Thấy điện thoại có ảnh hưởng gì đến giao tiếp trong gia đình không? (Giáo dục, tình cảm, giải trí?)
- Có cảm thấy thời gian nói chuyện với ba mẹ ít hơn hay nhiều hơn sau khi sử dụng điện thoại không?

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

**GIẢI TRÌNH VỀ VIỆC TIẾP THU, SỬA CHỮA VÀ BỔ SUNG LUẬN VĂN
TRÊN CƠ SỞ GÓP Ý CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM LUẬN VĂN THẠC SĨ**

Kính gửi: Giám đốc Học viện Khoa học Xã hội.

Tôi tên là Nguyễn Hà Vy – học viên cao học đợt 2 khóa V năm 2014, chuyên ngành Xã hội học.

Ngày 13/9/2016 tôi đã bảo vệ luận văn thạc sĩ “Giao tiếp trong gia đình đô thị dưới ảnh hưởng của điện thoại thông minh (Smartphone) – Nghiên cứu trường hợp tại Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Quyết định số 65/QĐ-HVKHXH ngày 02/02/2016 của Giám đốc học viện Khoa học xã hội.

Hội đồng chấm luận văn đã góp ý các ưu – khuyết điểm của luận văn và đưa ra kết luận các điểm cần chỉnh sửa, bổ sung nhằm hoàn thiện luận văn như sau:

1. Khung phân tích cần đưa các biến số vào.
2. Khuyến nghị cần đưa ra hướng nghiên cứu tiếp theo.

Tôi đã chỉnh sửa luận văn theo các góp ý của Hội đồng dưới sự hướng dẫn của người hướng dẫn khoa học, và các điểm đã chỉnh sửa cụ thể như sau:

1. Hoàn thiện khung phân tích với các biến giới tính và nhóm tuổi (Trang 13)
2. Đưa ra định hướng nghiên cứu tiếp theo trong phần Khuyến nghị (Trang 77)

Tôi xin chân thành cảm ơn các nhận xét và góp ý của Hội đồng chấm luận văn đã giúp tôi hoàn thiện được luận văn thạc sĩ.

Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 09 năm 2016

**XÁC NHẬN CỦA CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG**

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI
HƯỚNG DẪN KHOA HỌC**

GS.TS. Trịnh Duy Luân

